

Agota
Kristof

Le troisième
mensonge

Lời Nói Dối Thứ Ba

Agota Kristof

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Giới thiệu tác giả:

Agota Kristof sinh năm 1935 tại Hungary, rời bỏ quê hương năm 1956 khi quân đội Liên-Xô tràn vào đàn áp cuộc nổi dậy của sinh viên và công nhân ở Budapest. Cùng chồng và đưa con gái 4 tuổi, bà sang tỵ nạn ở Neuchâtel, Thụy Sĩ.

Sau 5 năm sống với cảm thức cô đơn và đau đớn của một người lưu vong, bà quyết định từ bỏ việc làm của một công nhân, ly dị với chồng, rồi bắt đầu học tiếng Pháp và viết truyện, viết kịch, viết tiểu thuyết và làm thơ.

Sau nhiều năm vật vã với ngòi bút, Agota Kristof cho ra đời cuốn tiểu thuyết đầu tay *Le Grand Cahier* [Cuốn sổ lớn] năm 1986. Tác phẩm này là một thành công, đoạt giải "Prix du Livre Européen", và thúc đẩy bà tiếp tục viết thêm hai cuốn tiểu thuyết nữa để hoàn tất một bộ ba. Cuốn thứ nhì *La Preuve* [Bằng chứng] được xuất bản năm 1988, và cuốn cuối cùng của bộ ba tiểu thuyết là *Le Troisième Mensonge* [Lời nói dối thứ ba] được xuất bản năm 1991 và đoạt giải "Prix du Livre Inter" năm 1992.

Sau đó, bà xuất bản tiểu thuyết *Hier* [Hôm qua] năm 1995, rồi tiểu thuyết *L'Alphabète* [Bà mù chữ] năm 2004.

PHẦN MỘT

Tôi ngồi tù tại cái thành phố nhỏ thời thơ ấu. Không phải là một nhà tù thực sự, đó là một phòng giam trong ngôi nhà của cảnh sát địa phương, một tòa nhà hai tầng như biết bao những nhà khác của thành phố.

Phòng giam của tôi xưa kia là một xưởng giặt, cửa và cửa sổ trông ra sân. Những chấn song cửa sổ đã được gắn vào bên trong để cho không ai có thể chạm vào và đập vỡ kính. Một góc vệ sinh được che sau một cái riđô. Giáp với một bức tường, có một cái bàn và bốn cái ghế gắn chặt xuống đất, giáp với bức tường phía trước có bốn cái giường có thể gập xuống. Ba cái đã được gập.

Chỉ có một mình tôi trong phòng giam. Trong thành phố này có rất ít tội phạm, và khi có, người ta lập tức đưa đến thành phố bên, thủ phủ của vùng này cách đây hai mươi cây số.

Tôi không phải là tội phạm. Tôi ở đây là do giấy tờ của tôi không hợp lệ, hộ chiếu của tôi hết hạn. Với lại tôi cũng có nợ tiền.

Buổi sáng, người coi tù mang đến cho tôi bữa sáng, sữa, cà phê, bánh mì. Tôi uống chút cà phê rồi tôi đi tắm. Người coi tù ăn nốt bữa sáng của tôi và quét dọn phòng giam. Cửa để mở, tôi có thể ra sân nếu tôi muốn. Đó là một cái sân có tường cao phủ dây trường xuân và nho dại bao quanh. Đằng sau một bức tường, ở phía trái khi ra khỏi phòng giam là một cái hành lang có mái che của một trường học. Tôi nghe tiếng trẻ con cười, đùa, la hét trong giờ ra chơi. Khi tôi còn bé, trường học đã ở đó rồi, tôi nhớ, dù tôi không bao giờ đến trường, nhưng nhà tù thì hồi đó lại ở nơi khác, tôi cũng nhớ bởi vì tôi đã đến đó một lần.

Buổi sáng một giờ, và buổi tối một giờ, tôi đi bộ ngoài sân. Đó là thói quen tôi đã có từ thuở nhỏ, khi tôi mới lên năm, tôi đã buộc phải tập đi.

Điều này khiến người coi tù khó chịu, vì lúc đó tôi không nói và không nghe một câu hỏi nào.

Mắt nhìn xuống đất, tay chấp sau lưng, tôi bước đi, tôi đi vòng quanh dọc theo các bức tường. Mặt đất có lát đá, nhưng cỏ vẫn mọc giữa các kẽ đá.

Cái sân gần như vuông, chiều dài mười lăm bước, chiều rộng mười ba bước. Giả sử bước chân của tôi dài một mét thì diện tích cái sân là một trăm chín mươi lăm mét vuông. Nhưng chắc chắn bước chân của tôi ngắn hơn.

Giữa sân có một cái bàn tròn và hai cái ghế, và giáp với bức tường cuối vườn là một cái ghế dài bằng gỗ.

Ngồi xuống ghế dài đó tôi có thể nhìn thấy một phần lớn bầu trời thuở nhỏ của tôi.

Từ hôm đầu, bà chủ hiệu sách đã đến thăm tôi và mang đến cho tôi các đồ dùng cá nhân và một món xúp rau. Bà tiếp tục đến hàng ngày vào giờ trưa với món xúp rau của bà. Tôi bảo bà rằng ở đây tôi được nuôi dưỡng tốt, người coi tù mang đến cho tôi một ngày hai bữa đầy đủ từ nhà hàng trước mặt, nhưng bà ấy tiếp tục mang xúp đến.

Tôi ăn một chút để giữ lễ, rồi tôi đưa cái xoong cho người coi tù ăn nốt.

Tôi xin lỗi bà chủ hiệu sách vì sự lộn xộn tôi đã để lại trong căn hộ của bà. Bà nói:

- Có quan trọng gì đâu. Tôi và con gái tôi đã dọn dẹp cả rồi. Chỉ có rất nhiều giấy.

Tôi đã đốt những tờ giấy nhàu nát và những tờ ném vào sọt. Những tờ khác, tôi đã đặt lên bàn, nhưng cảnh sát đã đến và lấy đi.

Tôi im lặng một lát, rồi nói:

- Tôi còn thiếu bà hai tháng tiền nhà.

Bà ấy cười:

- Tôi đã đòi ông quá đắt cho căn hộ nhỏ đó. Nhưng nếu ông muốn thì ông có thể hoàn lại cho tôi khi ông được về. Có lẽ là sang năm.

- Tôi không nghĩ là sẽ về. Người được ủy thác của tôi sẽ thanh toán cho bà.

Bà ấy hỏi tôi có cần gì không, tôi nói:

- Có, tôi cần giấy và bút chì. Nhưng tôi không còn tiền.

- Đáng lẽ tôi đã phải tự nghĩ ra.

Hôm sau, bà ấy trở lại với món xúp, một gói giấy kẻ và nhiều bút chì.

Tôi nói với bà:

- Cảm ơn bà. Người được ủy nhiệm sẽ hoàn lại tất cả cho bà.

- Lúc nào ông cũng nói đến hoàn lại. Tôi thích ông nói đến cái khác. Chẳng hạn ông viết gì?

- Cái tôi viết không quan trọng.

- Cái mà tôi quan tâm, đó là xem ông viết những điều có thật hay những điều bịa đặt.

Tôi trả lời bà ấy rằng tôi thử viết những câu chuyện thật, nhưng đến một lúc nào đó câu chuyện trở nên không chịu nổi do chính tính xác thực của nó, thế là tôi buộc phải thay đổi. Tôi bảo bà ấy rằng tôi thử kể lại chuyện của tôi, nhưng tôi không thể, tôi không đủ can đảm, nó làm tôi quá đau đớn. Thế là tôi tô hồng tất cả và tôi miêu tả sự việc không như chúng đã xảy ra mà theo ý tôi muốn chúng phải xảy ra.

Bà ấy nói:

- Phải. Có những cuộc đời còn buồn hơn cả những cuốn sách buồn nhất.

- Đúng thế. Một quyển sách dù có buồn đến đâu cũng không buồn bằng một cuộc đời buồn.

- Cái tật khập khiễng của ông, đó là do tai nạn ư?

- Không, đó là một bệnh từ thuở nhỏ.

- Hầu như không nhận thấy đâu.

Tôi cười.

Tôi lại có cái để viết, nhưng tôi không có gì để uống và không có thuốc lá, trừ một hai điếu người coi tù cho tôi sau bữa ăn. Tôi xin gặp người sĩ quan cảnh sát, ông này tiếp tôi ngay. Bàn giấy của ông ở trên gác. Tôi ngồi xuống một chiếc ghế trước mặt ông ta. Tóc ông màu hung hung, mặt ông đầy tàn nhang. Trước mặt ông, trên bàn có một ván cờ chơi dở. Viên sĩ quan nhìn bàn cờ, đi một quân tốt, ghi nước cờ vào một quyển sổ, ngược cặp mắt màu xanh nhạt.

- Ông muốn gì? Việc điều tra chưa kết thúc. Phải mất hàng tuần, có lẽ một tháng.

Tôi nói:

- Tôi không vội. Tôi cảm thấy ở đây rất tốt, trừ một vài cái nhỏ nhỏ tôi thiếu.

- Gì vậy?

- Sứ quán sẽ không phản đối nếu ông thêm vào chi phí giam giữ tôi một lít rượu vang và hai gói thuốc lá mỗi ngày.

- Không. Như thế có hại cho sức khỏe của ông đấy.

- Ông có biết điều gì xảy ra cho một người nghiện nếu bị cắt rượu đột ngột không?

- Không. Tôi cần gì biết.

- Người ấy có nguy cơ bị sảng rượu cấp và chết lập tức.

- Không đùa đấy chứ?

Ông ấy cúi xuống ván cờ. Tôi bảo ông ấy:

- Quân mã đen.

Ông tiếp tục nhìn ván cờ:

- Đâu? Tôi không thấy gì cả.

Tôi đi quân mã lên. Ông ta ghi vào sổ, nghĩ rất lâu. Ông ta ăn quân tháp.

- Không!

Ông đặt quân tháp xuống, nhìn tôi:

- Ông chơi có giỏi không?

- Tôi không biết. Đã lâu lắm tôi không chơi. Dù sao tôi cũng khá hơn ông.

Ông ta đỏ mặt:

- Tôi mới học chơi cờ được ba tháng. Cũng chẳng có ai dạy tôi. Ông có thể dạy tôi vài bài được không?

- Sẵn lòng. Nhưng ông không được giận nếu tôi thắng.

- Được, thua, tôi không quan tâm. Cái tôi muốn là học tập.

Tôi đứng dậy:

- Ông hãy mang bàn cờ đến khi ông muốn, tốt nhất là buổi sáng, lúc đó đầu óc lạnh lợi hơn buổi chiều hoặc buổi tối.

- Cảm ơn.

Ông ta nhìn xuống bàn cờ, tôi đợi và ho:

- Thế còn rượu và thuốc lá thì sao?

Ông ta nói:

- Không có vấn đề gì. Tôi sẽ ra lệnh, ông sẽ có thuốc lá và rượu.

Tôi ra khỏi phòng viên sĩ quan. Tôi xuống và ở lại ngoài sân. Tôi ngồi trên chiếc ghế dài. Năm nay mùa thu rất ấm. Mặt trời lặn, bầu trời mang các màu da cam, vàng, tím, đỏ và các màu sắc không có từ nào để diễn tả nổi.

Hầu như ngày nào tôi cũng chơi cờ với viên sĩ quan trong khoảng hai giờ. Mỗi ván rất dài, viên sĩ quan nghĩ rất lâu, ghi chép tất cả và luôn luôn thua.

Buổi chiều khi bà chủ hiệu sách xếp chiếc áo đan và về để mở cửa hàng tôi cùng

chơi bài với người coi tù. Các trò chơi bài của đất nước này không giống với bất kỳ nước nào khác. Mặc dù đơn giản và có nhiều may rủi trong các trò đó, tôi liên tục thua. Chúng tôi chơi tiền, nhưng vì tôi không có tiền, nên người coi tù ghi nợ của tôi lên một bảng đá. Sau mỗi ván, hần cười rất to và nhắc đi nhắc lại:

- Tôi bị cầm sừng! Tôi bị cầm sừng!

Hần lấy vợ sớm, vài tháng nữa vợ hần sẽ cho ra đời một đứa bé. Hần hay nói:

- Nếu là con trai và nếu ông vẫn ở đây, tôi sẽ xóa nợ cho ông.

Hần hay nói về vợ hần, hần bảo vợ hần đẹp biết bao, nhất là bây giờ cô ấy béo ra và ngực cô, mông cô đã to ra gấp đôi. Hần cũng kể lại chi tiết cuộc gặp gỡ của họ, sự đi lại của họ, những cuộc dạo chơi của những kẻ đang yêu trong rừng, sự kháng cự của nàng, thắng lợi của chàng, đám cưới nhanh, khẩn cấp vì đứa bé sắp ra đời.

Nhưng cái mà hần kể chi tiết hơn và thích thú hơn, đó là bữa cơm tối của ngày hôm trước, nào là vợ hần đã chuẩn bị ra sao, với những nguyên liệu gì, bằng cách nào và trong bao lâu, vì rằng “càng hầm lâu thì càng ngon”.

Viên sĩ quan không nói gì, không kể gì. Chỉ có một điều ông ta tâm sự với tôi, đó là ông ta đã chơi lại một mình các ván cờ theo các ghi chép của ông, một lần vào buổi chiều trong phòng làm việc, và một lần thứ hai buổi tối ở nhà. Tôi hỏi ông ta đã lấy vợ chưa, ông đã nhún vai trả lời tôi:

- Tôi? Lấy vợ ư?

Bà chủ hiệu sách cũng không kể gì. Bà ấy bảo không có gì để kể, bà đã nuôi hai đứa con và đã sáu năm nay bà góa chồng, có thể thôi. Khi bà ấy hỏi tôi về cuộc sống của tôi ở cái xứ sở kia, tôi trả lời bà rằng tôi còn có ít chuyện hơn bà để kể, bởi vì tôi không nuôi một đứa trẻ nào và tôi chưa bao giờ có vợ.

Một hôm bà ấy bảo tôi:

- Chúng ta xấp xỉ tuổi nhau.

Tôi cãi:

- Tôi lấy làm lạ đấy. Bà có vẻ trẻ hơn tôi nhiều.

Bà ấy đỏ mặt:

- Thôi nào. Tôi không muốn được khen đâu. Tôi muốn nói rằng nếu ông đã qua thời thơ ấu tại thành phố này thì nhất định là chúng ta phải học cùng một trường.

- Phải, trừ khi tôi không đi học.
- Không thể thế được. Bắt buộc phải đi học mà.
- Đối với tôi thì không. Hồi đó tôi suy nhược tâm thần.

Bà ấy nói:

- Không thể nói chuyện nghiêm chỉnh với ông được. Lúc nào ông cũng đùa.

Tôi bị bệnh nặng. Ngày này, cách đây đúng một năm tôi biết là tôi bị bệnh.

Điều này đã khởi đầu ở cái nước kia, tổ quốc thứ hai của tôi, một buổi sáng đầu tháng Mười một, lúc năm giờ.

Bên ngoài, trời hãy còn tối. Tôi khó thở, một nỗi buồn ghê gớm làm tôi nghẹt thở.

Cái đau này đi từ ngực, lan sang sườn, lưng, vai, tay, cổ, gáy, hàm như thể có một bàn tay to lớn muốn bóp nát phía trên thân thể tôi.

Chầm chậm đưa tay ra, bật ngọn đèn đầu giường.

Từ từ ngồi xuống giường. Đợi. Đứng lên. Đi đến tận bàn, đến máy điện thoại. Lại ngồi xuống ghế. Gọi xe cứu thương. Không! Không gọi xe cứu thương. Đợi đã.

Đi vào nhà bếp, pha cà phê. Không vội vàng. Không thở sâu. Thở chầm chậm, từ từ, bình tĩnh.

Uống cà phê xong, tắm, cạo râu, đánh răng. Trở lại buồng, mặc quần áo. Đột tám giờ, rồi gọi điện không phải cho xe cứu thương, mà cho xe taxi và cho người thầy thuốc quen. Ông này nhanh chóng tiếp tôi. Ông nghe tôi, chụp phổi cho tôi, khám tim, đo huyết áp cho tôi.

- Ông mặc quần áo vào.

Bây giờ chúng tôi ngồi đối diện nhau trong phòng làm việc của ông.

- Ông vẫn hút thuốc? Bao nhiêu điếu một ngày? Ông vẫn uống rượu? Bao nhiêu?

Tôi trả lời không dối trá. Tôi đã không bao giờ nói dối ông. Tôi biết rằng ông không cần đến sức khỏe của tôi, đến bệnh tật của tôi.

Ông ghi vào bệnh án rồi nhìn tôi:

- Ông tự hủy hoại, đó là việc của ông. Cái đó chỉ liên quan đến ông. Đã mười năm rồi tôi nghiêm cấm ông hút thuốc và uống rượu. Ông cứ tiếp tục. Nếu ông muốn sống thêm vài năm nữa thì ông phải thôi ngay.

Tôi hỏi:

- Tôi bị bệnh gì vậy?

- Có thể là đau thắt vùng ngực. Nhưng tôi không phải là chuyên gia về tim.

Ông đưa cho tôi một tờ giấy.

- Tôi giới thiệu ông với một thầy thuốc khoa tim nổi tiếng. Ông hãy cầm giấy này đến bệnh viện của ông ta để được khám cẩn thận, càng sớm càng tốt. Trong khi chờ đợi, nếu thấy đau thì ông hãy dùng thuốc này.

Ông cho tôi một đơn thuốc. Tôi hỏi:

- Người ta sẽ mổ cho tôi à?

- Nếu như còn kịp.

- Nếu không thì sao?

- Ông có thể bị một cơn nhồi máu bất kỳ lúc nào.

Tôi đến cửa hàng thuốc gần nhất mua hai hộp thuốc. Một hộp là thuốc an thần thường dùng; trên hộp kia tôi đọc thấy: “Trinitrine. Chỉ định: đau thắt vùng ngực; thành phần: nitroglycerinum”.

Tôi về nhà, uống một viên trong mỗi hộp, rồi đi nằm. Tôi hết đau và ngủ thiếp đi.

*

Tôi bước đi trong thành phố tuổi thơ của tôi. Đó là một thành phố chết, nhà nhà đều cửa đóng then cài.

Tôi đi đến một phố cổ hai bên có những ngôi nhà bằng gỗ, những nhà kho cũ kỹ.

Mặt đất phủ một lớp bụi dày, đi chân đất lên đó rất mát.

Tuy nhiên có một sự căng thẳng kỳ lạ.

Tôi quay người lại và trông thấy một con báo ở đầu phố, một con vật đẹp lộng lẫy, màu be vàng, bộ lông mượt mà sáng lên dưới ánh mặt trời.

Đột nhiên, tất cả bùng cháy. Nhà cửa, nhà kho bốc cháy, rồi tôi phải đi tiếp trong cái phố rực lửa đó, vì con báo đi theo sau tôi với dáng chậm chạp đường bệ.

Trốn vào đâu bây giờ? Không có một lối thoát nào, tiến thoái lưỡng nan, đường nào cũng chết.

Con phố này phải dẫn đến đâu đó chứ? Tất cả các phố dẫn đến một quảng trường, hoặc một phố khác, hoặc ra đồng ruộng, về nông thôn, trừ khi nó là một phố cụt, có lẽ là trường hợp của cái phố này.

Tôi cảm thấy tiếng thở hổn hển của con báo đằng sau tôi và rất gần tôi. Tôi không dám ngoái đầu lại, tôi không thể tiến lên, chân tôi như cắm rễ xuống đất. Tôi hãi hùng đợi cái lúc con báo chồm lên lưng tôi, xé nát vai tôi đến tận đùi, cắn nát đầu tôi, mặt tôi.

Nhưng con báo vượt qua tôi, tiếp tục đi con đường của nó, thản nhiên đến nằm dưới chân một thằng bé ở đầu phố đằng kia, thằng bé này trước không ở đó, bây giờ lại ở đó, nó vuốt ve con báo nằm dưới chân nó.

Đứa bé nói với tôi:

- Nó không dữ đâu, nó là của cháu đó. Đừng sợ, nó không ăn thịt người đâu, nó không ăn thịt, nó chỉ ăn các linh hồn thôi.

Không còn ngọn lửa nữa, than cũng tàn, phố xá chỉ còn là tro lạnh.

Tôi hỏi thằng bé:

- Cháu là em ta phải không? Cháu đợi ta à?

Thằng bé lắc đầu:

- Không, cháu không có anh, cháu không đợi ai cả. Cháu là người coi giữ tuổi thanh xuân vĩnh cửu. Cái kẻ đang đợi anh mình ngồi trên ghế dài ở quảng trường Principale. Hắn rất già. Có lẽ chính ông là người hắn đợi.

Tôi thấy em tôi ngồi trên một chiếc ghế dài ở quảng trường Principale. Khi nó nhìn thấy tôi, nó đứng lên:

- Anh đến muộn rồi, chúng ta hãy khẩn trương lên.

Chúng tôi lên nghĩa trang, ngồi xuống cỏ héo vàng. Chung quanh mọi cái đều mục rữa, thánh giá, cây cối, bụi rậm, hoa lá. Em tôi cầm cây gậy ngoáy đất, có những con sâu màu trắng chui lên.

Em tôi nói:

- Không phải tất cả đều chết. Những cái kia còn sống. Sâu lúc nhúc. Nhìn chúng khiến tôi nôn nao. Tôi nói:

- Cứ nghĩ đến là lại không yêu đời được.

Em tôi dùng cái gậy nâng cằm tôi lên:

- Anh đừng nghĩ ngợi làm gì. Hãy nhìn xem! Anh đã nhìn thấy một bầu trời nào đẹp như thế chưa?

Tôi ngược mắt lên. Mặt trời lặn trên thành phố.

Tôi đáp:

- Chưa bao giờ.

Chúng tôi đi bên nhau đến tận lâu đài, dừng lại ngoài sân, chỗ chân tường thành.

Em tôi trèo lên tường thành, lên đến ngọn, nó bắt đầu múa theo một điệu nhạc hình như văng đến từ tầng hầm. Nó múa, hai tay vung lên về phía bầu trời, về phía các vì sao, về phía mặt trăng đang lên. Trong cái áo khoác màu đen, với vóc dáng mảnh mai, nó nhảy múa trên tường thành, còn tôi thì chạy theo nó ở bên dưới và kêu lên:

- Không! Đừng làm thế! Đứng lại! Xuống đi! Ngã đấy!

Nó dừng lại phía trên tôi:

- Anh không nhớ sao? Chúng ta đã từng dạo chơi trên mái nhà, chúng ta không bao giờ sợ ngã.

- Hồi đó chúng ta còn trẻ, chúng ta không bị chóng mặt. Em xuống đi!

Nó cười:

- Anh đừng sợ, em không ngã đâu, em biết bay mà. Em thường bay lượn trên thành phố ban đêm đấy.

Nó giơ tay lên, nó nhảy và chết bẹp trên đá lát sân ngay dưới chân tôi. Tôi cúi xuống người nó, tôi ôm lấy cái đầu hói của nó, bộ mặt nhăn nhúm của nó và khóc. Bộ mặt phân hủy, cặp mắt biến mất, tôi chỉ còn lại trong tay một cái sọ vô danh mủn ra và tuột qua kẽ tay như cát mịn.

*

Tôi thức giấc trong nước mắt. Buổi của tôi nửa sáng nửa tối, tôi đã ngủ gần hết ngày. Tôi thay chiếc áo sơ mi ướt đẫm mồ hôi, tôi rửa mặt. Soi mình trong gương, tôi tự hỏi tôi đã khóc lần cuối cùng là bao giờ. Tôi không nhớ nữa.

Tôi châm một điếu thuốc lá, ngồi trước cửa sổ, tôi nhìn màn đêm buông xuống thành phố. Dưới cửa sổ của tôi là một khu vườn vắng vẻ với một cái cây trụi lá. Xa hơn, nhà cửa lên đèn ngày càng nhiều. Đằng sau cửa sổ là cuộc sống. Cuộc sống bình yên, cuộc sống đời thường, yên ổn. Những cặp vợ chồng, trẻ con, gia đình. Tôi cũng nghe thấy tiếng xe cộ ở xa xa. Tôi tự hỏi tại sao người ta lại chạy xe ban đêm. Họ đi đâu? Tại sao?

Rồi cái chết sẽ xóa đi tất cả.

Nó làm tôi sợ.

Tôi sợ chết, nhưng tôi sẽ không đi bệnh viện.

*

Tôi đã trải qua phần lớn thời thơ ấu của tôi trong bệnh viện. Các kỷ niệm của tôi về thời kỳ đó rất chính xác. Tôi hình dung thấy cái giường của tôi giữa hai chục cái giường khác, cái tủ của tôi ngoài hành lang, cái ghế lặn của tôi, đôi nạng của tôi, cái phòng tra tấn cùng với bể nước và các dụng cụ của nó. Các tấm thảm lăn trên đó phải bước đi mãi mãi; những cái vòng phải treo người vào; những cái xe đạp đứng yên mà ta phải đạp ngay cả khi ta thét lên vì đau đớn.

Tôi nhớ lại nỗi đau và cả những mùi, cái mùi thuốc xen lẫn với mùi máu, mùi mồ hôi, nước giải, phân.

Tôi còn nhớ các mũi tiêm, áo bờ-lu trắng của các cô y tá, các câu hỏi không ai trả lời và nhất là sự chờ đợi. Chờ gì vậy? Chắc hẳn chờ khỏi bệnh, mà có lẽ là chờ cái khác.

Sau này người ta cho tôi biết rằng tôi đến bệnh viện trong tình trạng hôn mê do một bệnh nặng. Hồi đó tôi lên bốn, chiến tranh bắt đầu.

Điều gì xảy ra trước thời kỳ bệnh viện, tôi không biết nữa.

Ngôi nhà màu trắng với cửa sổ màu ve tại một phố vắng, nhà bếp ở đó mẹ tôi ca hát, cái sân nơi cha tôi bỏ củi, cái hạnh phúc hoàn hảo trong ngôi nhà màu trắng ngày trước có phải là một thực tế hay chỉ là do tôi đã mơ mộng hoặc tưởng tượng ra trong những đêm dài của năm năm tôi nằm viện.

Và người nằm trong cái giường kia của căn buồng bé nhỏ và thở cùng một nhịp với tôi, người em mà tôi nghĩ là tôi biết tên đã chết hoặc chưa bao giờ tồn tại?

Một hôm, chúng tôi đã chuyển viện. Bệnh viện này gọi là “Trung tâm cải huấn”, nhưng vẫn là một bệnh viện. Các buồng, giường, tủ, y tá vẫn như thế, rồi các bài tập đau đớn vẫn cứ thế.

Một công viên rộng lớn bao quanh Trung tâm. Chúng tôi có thể ra khỏi tòa nhà để lội bì bõm trong một cái bể đầy bùn. Càng bơi nhiều bùn lên người bao nhiêu thì các cô y tá càng hài lòng bấy nhiêu. Chúng tôi cũng có thể cưỡi những chú ngựa non lông

dài đưa chúng tôi dạo chơi chậm chậm ngang qua công viên.

Năm sáu tuổi, tôi bắt đầu đi học trong một căn phòng nhỏ của bệnh viện. Chúng tôi có tám hoặc mười hai đứa, tùy theo tình trạng sức khỏe của chúng tôi, theo một lớp học do một cô giáo phụ trách.

Cô giáo không mặc áo bờ-lu trắng, mà mặc váy ngắn và bó với áo choàng màu sặc sỡ và giày cao gót. Cô cũng không đội mũ, tóc cô xõa xuống vai có màu giống như màu những quả hạt dẻ rụng từ những cây trong công viên vào độ tháng Chín.

Túi tôi đầy những quả hạt dẻ. Tôi dùng chúng để ném vào các cô y tá và các giám thị. Ban đêm, tôi ném chúng vào giường những kẻ rên rỉ hoặc khóc lóc để làm cho họ yên đi. Tôi cũng ném vào nhà kính của một ông già trồng rau mà chúng tôi buộc phải ăn. Một sáng sớm kia, tôi đã đặt khoảng hai chục quả dẻ trước cửa phòng bà giám đốc để cho bà trượt ngã trên cầu thang, nhưng bà chỉ ngã ngồi trên đôi mông và bà ấy chẳng sao cả.

Hồi đó, tôi không còn phải ngồi trên ghế lần nữa, tôi đi bằng nạng, người ta bảo rằng tôi tiến bộ rất nhiều.

Tôi đi học từ tám giờ đến mười hai giờ. Ăn cơm xong, tôi ngủ trưa, nhưng thay vì ngủ, tôi đọc những cuốn sách cô giáo cho m.

ượn hoặc sách tôi mượn của bà hiệu trưởng khi bà ấy đi vắng. Buổi chiều tôi tập thể dục như mọi người, buổi tối tôi lại phải làm bài.

Tôi làm bài tập rất nhanh, rồi tôi viết thư. Thư cho cô giáo, tôi không đưa bao giờ, thư cho cha mẹ và em, tôi không gửi bao giờ. Tôi không biết địa chỉ của họ.

Gần ba năm đã trôi qua như vậy. Tôi không cần nạng nữa, tôi có thể đi với một cái gậy. Tôi biết đọc, biết viết, biết làm tính. Chúng tôi không có điểm, nhưng tôi thường được nhận một ngôi sao vàng dán bên cạnh tên viết trên tường. Tôi khá hơn cả về tính nhẩm.

Cô giáo có một buồng ở bệnh viện, nhưng cô ít khi ngủ ở đấy. Tối đến cô ra thành phố và chỉ sáng hôm sau mới về. Tôi hỏi cô xem có thể mang tôi đi theo cô, cô trả lời rằng không được, rằng tôi không được ra khỏi Trung tâm, nhưng cô đã hứa mang chocola đến cho tôi. Cô lén cho tôi chocola vì không có đủ cho mọi người.

Một buổi tối nọ, tôi bảo cô:

- Em chán ngủ với bọn con trai lắm rồi. Em thích ngủ với phụ nữ.

Cô đã cười:

- Em muốn ngủ trong buồng bọn con gái ư?

- Không, không phải bọn con gái, với phụ nữ cơ.

- Phụ nữ nào?

- Chẳng hạn với cô. Em thích ngủ trong buồng cô, trong giường cô.

Cô đã hôn lên mắt tôi:

- Bọn con trai tuổi như em phải ngủ một mình.

- Cả cô nữa, cô cũng ngủ một mình sao?

- Phải, cả cô cũng vậy.

Một buổi chiều, cô giáo đến dưới chỗ ẩn nấp của tôi trên ngọn một cây hồ đào mà cành lá làm thành một loại ghế tiện lợi ở đó tôi có thể đọc sách và từ đây có thể nhìn thấy thành phố.

Cô giáo bảo tôi:

- Tối nay, khi mọi người đã ngủ hết, em có thể đến buồng cô.

Tôi đã không đợi cho chúng ngủ. Lẽ ra tôi có thể đợi đến sáng. Không bao giờ chúng ngủ cùng một lúc. Có những đứa khóc, có những đứa đi vệ sinh tới mười lần một đêm, có những đứa cùng nhau leo lên một cái giường để đùa nghịch, có những đứa nói chuyện đến sáng.

Tôi cho mấy đứa hay khóc nhè vài cái tát thường lệ, rồi tôi đi thăm thằng bé tóc vàng bị liệt không cựa quậy được và không nói. Nó chỉ nhìn trần nhà hoặc nhìn trời khi người ta đưa nó ra ngoài, miệng mỉm cười. Tôi nắm lấy tay nó, áp vào mặt tôi, rồi tôi ôm mặt nó trong tay. Nó mỉm cười nhìn trần nhà.

Tôi ra khỏi nhà ngủ, tôi đi đến buồng cô giáo. Cô không có ở đó. Tôi nằm vào giường cô và ngủ thiếp đi. Khi tôi thức giấc vào giữa đêm, cô đã nằm cạnh bên tôi, hai cánh tay bắt chéo trước mặt. Tôi gỡ tay cô ra, đặt tay cô lên người tôi, tôi áp sát vào cô, tôi cứ nằm như thế không ngủ, đến sáng.

Một vài đứa chúng tôi nhận được thư do các cô y tá phát hoặc đọc cho nghe khi chúng không đọc được. Sau này, những đứa nào không biết đọc mà nhờ tôi, tôi liền đọc hộ. Nói chung, tôi đọc hoàn toàn trái ngược với nội dung thư, chẳng hạn: “Con

yêu quý, con chó có khỏi bệnh. Không có con, chúng ta rất tốt. Chúng ta không nhớ con chút nào. Chúng ta hi vọng rằng con cứ ở đấy bởi vì chúng ta không muốn có một đứa con tàn tật ở nhà. Dù sao chúng ta cũng ôm hôn con một chút, và con phải ngoan nhé vì những người chăm sóc con có công đấy. Chúng ta cũng không bằng được. Chúng ta may mắn có người làm cho con điều mà chúng ta lẽ ra phải làm, vì chúng ta không còn chỗ cho con trong gia đình chúng ta mà ai ai cũng khỏe mạnh, cả bố mẹ con, các anh chị em con”

Cái đứa tôi đọc thư cho bảo tôi:

- Cô ý tá đọc cho tao khác kia.

Tôi nói:

- Cô ấy đọc cho mày khác vì cô ấy không muốn làm cho mày buồn. Còn tao, viết thế nào tao đọc thế. Tao nghĩ rằng mày có quyền biết sự thật chứ.

- Phải, tao có quyền. Nhưng tao không thích sự thật. Trước khi khá hơn. Cô ý tá có lý đã đọc khác đi.

Nó khóc.

Nhiều đứa trong chúng tôi nhận được gói đồ trong đó có bánh ngọt, bánh quy, jam bong, xúc xích, mứt quả, mật ong. Bà hiệu trưởng bảo rằng các gói đồ phải được phân phát cho tất cả chúng tôi. Tuy vậy vẫn có những đứa giấu giếm thức ăn trong giường hoặc trong tủ.

Tôi lại gần một đứa và hỏi nó:

- Mày không sợ thức ăn có độc sao?

- Độc à? Tại sao vậy?

- Các bậc cha mẹ thích con chết hơn là con tàn tật. Mày không nghĩ đến điều này bao giờ à?

- Không, không bao giờ. Mày là thằng dối trá. Cút đi!

Sau này tôi trông thấy đứa bé vứt gói đồ của nó vào thùng rác của Trung tâm.

Có những phụ huynh đến thăm con cái họ. Tôi đợi họ ở cổng trung tâm. Tôi hỏi họ đến thăm ai, tên con họ là gì. Khi họ trả lời, tôi bảo họ:

- Tất tiếc là con ông bà đã chết hai ngày nay. Ông bà không nhận được thư hay sao?

Sau đó tôi chuồn thật nhanh và trốn đi.

Bà hiệu trưởng cho đòi tôi và hỏi:

- Tại sao cháu lại ác độc đến thế?
- Cháu mà ác độc ư? Cháu không hiểu bà nói gì.
- Có, cháu hiểu rất rõ. Cháu đã báo tin một đứa bé chết cho cha mẹ nó.
- Vậy thì sao ạ? Nó không chết ạ?
- Không, và cháu cũng biết rõ như thế.
- Có lẽ cháu đã nhầm tên. Chúng nó có những cái tên giống nhau quá.
- Trừ tên cháu, phải không? Nhưng tuần này không có đứa bé nào chết.
- Không ư? Vậy cháu đã nhầm với tuần trước.
- Phải, chắc chắn là như vậy. Nhưng ta khuyên cháu đừng nhầm tên người, nhầm tuần nọ sang tuần kia. Ta cấm cháu không được nói chuyện với các phụ huynh và các khách đến thăm. Ta cũng cấm cháu đọc thư cho những đứa trẻ không biết đọc.

Tôi nói:

- Cháu chỉ nghĩ là giúp ích mọi người.
- Ta cấm cháu giúp bất kì ai. Cháu hiểu không?
- Vâng, thưa bà hiệu trưởng, cháu hiểu. Vậy thì đừng có ai phàn nàn nếu cháu không giúp người đó trên lên cầu thang, nếu cháu không nâng dậy khi người đó ngã, nếu cháu không giải toán cho hoặc nếu cháu không chữa lỗi chính tả trong lá thư của hần. Nếu bà cấm cháu giúp đỡ mọi người thì bà cũng nên cấm mọi người yêu cầu cháu giúp đỡ.

Bà đã nhìn tôi rất lâu và nói:

- Thôi được, cháu hãy ra khỏi đây.

Tôi ra khỏi phòng làm việc của bà, tôi trông thấy một đứa bé đang khóc vì nó đã làm rơi quả táo và nó không sao nhặt lên được. Tôi đi ngang qua nói và bảo:

- Mày cứ việc khóc đi, mày cũng không làm cho quả táo về với mày được đâu, đồ vụng về.

Ngồi trên chiếc ghế của nó, nó yêu cầu tôi:

- Anh làm ơn lấy giúp em, được không?

Tôi bảo:

- Đồ ngu, mày đi mà làm lấy.

Buổi tối, bà hiệu trưởng đến phòng ăn, bà nói một tràng dài và cuối cùng bà bảo rằng không được yêu cầu tôi giúp đỡ, không được yêu cầu sự giúp đỡ của một ai, ngoại trừ các cô y tá, cô giáo và bà trong trường hợp bất đắc dĩ.

Tiếp theo những sự việc đó, mỗi tuần hai lần tôi phải đến một căn buồng nhỏ cạnh trạm xá ở đó một bà cụ già ngồi trong một chiếc ghế bành to, trên đầu gối phủ một cái chăn dày. Tôi đã nghe nói về cụ già này. Những đứa trẻ khác cũng đến cái buồng đó kể rằng bà già rất tử tế, chúng rất thoải mái với bà cụ, chúng nằm trên giường bạt hoặc ngồi ở một cái bàn và vẽ mọi thứ chúng muốn, và cũng có thể xem sách tranh và nói gì cũng được.

Lần đầu tôi đến đó, chúng tôi không nói gì, chỉ chào, sau đó tôi thấy chán, sách của bà già không làm tôi quan tâm, tôi không buồn vẽ, thế là tôi đi từ cửa ra vào đến cửa sổ và từ cửa sổ đến cửa ra vào.

Sau một lát, bà già hỏi tôi:

- Tại sao cháu cứ đi đi lại lại mãi như thế?

Tôi đứng lại để trả lời bà:

- Cháu phải rèn luyện cái chân bị tật của cháu. Cháu đi mỗi khi có thể được và khi cháu không có việc gì để làm.

Bà già mỉm cười với tôi:

- Hình như cái chân kia thì tốt chứ?

- Cũng không tốt lắm.

Tôi ném cái gậy của tôi lên giường, tôi đi vài bước, tôi ngã gần cửa sổ:

- Bà thấy nó tốt như thế nào chưa?

Tôi bò và lấy lại cái gậy:

- Khi nào cháu bỏ được cái này, thì mới ổn.

Những lần sau, khi tôi phải đến căn buồng đó, tôi đã không đến. Người ta tìm tôi khắp nơi, người ta không thấy tôi đâu. Tôi ngồi giữa các cành cây hồ đào ở cuối vườn. Chỉ có cô giáo biết nơi ẩn nấp này.

Lần cuối cùng, chính bà hiệu trưởng đã dẫn tôi vào cái buồng nhỏ đó, đúng sau bữa ăn trưa. Bà đã đẩy tôi vào buồng, tôi ngã xuống giường. Tôi nằm đó. Bà già đặt

cho tôi những câu hỏi:

- Cháu có nhớ cha mẹ cháu không?

Tôi trả lời:

- Không ạ, không nhớ chút nào. Thế còn bà ạ?

- Buổi tối, cháu nghĩ gì trước khi ngủ?

- Đến ngủ. Bà thì không ạ?

- Cháu đã báo cho các vị phụ huynh rằng con họ chết. Tại sao vậy?

- Để làm cho họ hài lòng.

- Vì sao thế?

- Bởi vì biết rằng con mình chết thì thú vị hơn là sống mà tàn tật.

- Làm sao cháu biết được điều đó.

- Cháu biết, có thể thôi.

Bà già lại hỏi tôi:

- Cháu làm thế có phải vì bố mẹ cháu không bao giờ đến thăm cháu?

Tôi đáp:

- Việc đó thì có liên quan gì đến bà?

Bà tiếp tục:

- Họ không bao giờ viết thư cho cháu. Họ không gửi đồ cho cháu. Thế là cháu trả thù những đứa trẻ khác.

Tôi đứng lên khỏi giường và nói:

- Phải, trả thù cả bà nữa.

Tôi lấy gậy đánh bà, và tôi bị ngã. Bà hét lên. Bà tiếp tục la hét, tôi tiếp tục đánh bà. Những cú đánh của tôi chỉ chạm vào chân và đầu gối bà.

Các cô y tá nghe tiếng la hét đã chạy vào. Các cô giữ lấy tôi và dẫn vào một căn buồng nhỏ, giống như buồng kia không có bàn, không có tủ sách, chỉ có một cái giường, ngoài ra không có gì khác. Cửa sổ có những thanh sắt, cửa ra vào khóa trái. Tôi đã ngủ một lát. Khi thức giấc, tôi đập cửa, lấy chân đá vào cửa, và kêu lên. Tôi đòi đồ đạc, sách vở, bài làm của tôi. Không ai trả lời.

Nửa đêm, cô giáo vào buồng tôi, cô nằm xuống cạnh tôi trên chiếc giường hẹp. Tôi giấu mặt trong mái tóc cô, rồi bất chợt rung động ghê gớm xâm chiếm tôi. Nó lay

động thân thể tôi, những tiếc nức trào lên miệng tôi, nước mắt dâng lên, nước mũi chảy ra. Tôi khóc nức nở không sao kìm nén nổi.

*

Ở trung tâm ngày càng có ít thực phẩm, cần phải biến công viên thành vườn rau. Tất cả những ai có thể làm việc đều được đặt dưới sự chỉ huy của ông già làm vườn. Chúng tôi trồng khoai tây, đậu, cà rốt. Tôi tiếc không còn được ngồi trong ghế lăn nữa.

Do có báo động máy bay, chúng tôi càng phải thường xuyên xuống hầm nhà, và thường là vào ban đêm. Các cô y tá bế những đứa trẻ không đi được. Tôi tìm được cô giáo giữa hàng đồng khoai tây và bao than, tôi ngồi sát vào cô, rồi tôi bảo cô đừng sợ. Khi quả bom rơi xuống Trung tâm, chúng tôi đang ở trong lớp, không có báo động. Bom bắt đầu rơi chung quanh chúng tôi, bọn học sinh trốn dưới gầm bàn tôi đang đứng, tôi vừa đọc xong một bài thơ. Cô giáo lao vào người tôi, cô lật ngã tôi xuống đất, tôi không nhìn thấy gì, cô làm tôi nghẹt thở. Tôi cố đẩy cô ra nhưng cô mỗi lúc một thêm nặng. Một thứ nước đặc sệt, ấm, mặn trào lên mắt, lên miệng, lên cổ tôi, tôi ngất đi.

Tôi tỉnh dậy trong một phòng tập thể dục. Một nữ tu sĩ đang lau mặt cho tôi bằng một mảnh vải ướt, bà nói với ai đó.

Thằng bé này không bị thương thì phải.

Tôi bắt đầu nôn.

Khắp nơi trong phòng tập thể dục, người ta nằm ngổn ngang trên các ổ rơm, cả người lớn và trẻ con. Vài người kêu lên, một số khác không động dậy, chẳng ai biết họ còn sống hay đã chết. Tôi tìm cô giáo trong số đó nhưng không thấy. Đứa bé tê liệt tóc vàng cũng không thấy ở đó.

Hôm sau, người ta đã lục vấn tôi, người ta hỏi tên tuổi, cha mẹ, địa chỉ, nhưng tôi không trả lời, tôi không nói nữa. Thế là họ tưởng rằng tôi bị câm điếc và để cho tôi yên.

Tôi nhận được một chiếc gậy mới. Rồi một buổi sáng nọ, một nữ tu sĩ cầm lấy tay tôi, chúng tôi ra ga, lên tàu, và đến một thành phố khác. Chúng tôi đi bộ qua thành phố đến tận ngôi nhà cuối cùng gần rừng. Bà sơ đã để tôi lại đó, ở nhà một bà nông

dân già mà sau này người ta bảo tôi gọi là “Bà”.

“Bà” gọi tôi là “đồ chó đẻ”.

*

Tôi ngồi trên ghế dài ở nhà ga. Tôi đợi tàu, vì đến sớm gần một tiếng đồng hồ.

Từ nơi đây tôi nhìn thấy toàn bộ thành phố, nơi tôi đã sống gần bốn mươi năm.

Ngày xưa, khi tôi tới đây, đó là một thành phố duyên dáng với cái hồ, rừng cây, những ngôi nhà nhỏ cũ kỹ, rất nhiều công viên. Bây giờ một xa lộ cắt cái hồ khỏi thành phố, rừng cây bị tàn phá, các công viên biến mất, nhiều tòa nhà cao tầng làm xấu thành phố. Các phố cổ chật hẹp bây giờ đầy xe cộ lên đến tận hè. Các quán rượu cổ được các nhà hàng không kiểu cách thay thế, hoặc các cửa hàng tự phục vụ, ở đó người ta ăn uống nhanh chóng, đôi khi cũng chẳng cần ngồi.

Lần cuối cùng tôi nhìn thành phố này. Tôi sẽ không trở lại đây nữa, tôi không muốn chết ở đây.

Tôi không chào từ biệt ai. Tôi không còn bạn bè ở đây, cả bạn trai lẫn bạn gái.

Những người tình của tôi bây giờ chắc đã có chồng, đã là chủ gia đình và không còn trẻ nữa. Đã lâu lắm rồi tôi không gặp họ ngoài phố.

Người bạn tốt nhất của tôi là Peter, hồi tôi còn trẻ đã là người đỡ đầu của tôi, đã chết hai năm rồi do chứng nhồi máu. Vợ ông là Clara, người tình đầu tiên của tôi, đã tự sát lâu rồi vì không chịu nổi tuổi già đến gần.

Tôi ra đi không để lại bất cứ thứ gì. Tôi đã bán tất cả, cũng chẳng có gì to tát. Đồ đạc của tôi không đáng giá bao nhiêu, sách của tôi càng ít hơn. Cái đàn dương cầm và vài bức tranh mang lại cho tôi một ít tiền.

Tàu đến ga, tôi trèo lên. Tôi chỉ có một chiếc va li. Tôi đi khỏi đây với một ít đồ cũng giống như là khi tôi tới đây. Tại cái đất nước giàu có và tự do này, tôi đã không làm giàu được.

Tôi có một cái hộ chiếu du lịch để về thăm quê hương tôi, một cái hộ chiếu có giá trị một tháng nhưng có thể gia hạn, Tôi hi vọng rằng tôi đủ tiền để sống ở đó vài tháng, có thể một năm. Tôi cũng dự trữ một ít thuốc.

Hai giờ sau, tôi đến một nhà ga quốc tế lớn. Lại phải chờ, rồi tôi đi tàu đêm có giường nằm. Tôi nằm giường dưới vì tôi biết tôi sẽ không ngủ và tôi hay ra ngoài để

hút thuốc. Toa tàu dần dần đầy người. Một bà già, hai cô gái trẻ, một người đàn ông trạc tuổi tôi. Tôi ra ngoài hành lang, tôi hút thuốc và nhìn đêm tối. Vào quãng hai giờ đêm tôi đi nằm, tôi cho rằng tôi ngủ được một chút.

Sáng sớm, tàu đến một nhà ga lớn khác. Tôi chờ ba giờ ở căng tin nhà ga với vài tách cà phê.

Lần này, con tàu tôi đi là tàu của quê hương tôi. Có rất ít hành khách. Ghế ngồi thiếu tiện nghi, cửa sổ bẩn thỉu, gạt tàn đầy tro, sàn tàu nhóp nháp, buồng vệ sinh không dùng được. Không có toa phục vụ cơm nước, không có căng tin. Hành khách tự phục vụ ăn uống, họ vứt giấy, vỏ chai trên cái bàn nhỏ ở cửa sổ hoặc ném xuống sàn tàu, dưới gầm ghế.

Chỉ có hai hành khách nói bằng thứ tiếng của đất nước tôi. Tôi lắng nghe nhưng không nói chuyện với họ.

Tôi nhìn qua cửa sổ. Phong cảnh thay đổi. Chúng tôi ra khỏi một vùng đồi núi để đến đồng bằng.

Các cơn đau của tôi lại bắt đầu. Tôi nuốt khan vài viên thuốc. Tôi đã không nghĩ đến mang theo nước, và tôi không thích xin hành khách.

Tôi nhắm mắt lại. Tôi biết rằng chúng tôi đang đến gần biên giới. Chúng tôi đến nơi. Tàu dừng bánh, lính biên phòng, nhân viên thuế, công an lên tàu. Người ta hỏi giấy tờ của tôi rồi mỉm cười trả lại. Trái lại, hai người khách nói tiếng địa phương lại bị hỏi rất lâu và bị khám xét hành lý.

Con tàu lại chạy, ở mỗi chặng dừng chỉ có những người dân địa phương lên tàu. Thành phố nhỏ bé của tôi không được các con tàu đến từ nước ngoài phục vụ. Tôi đi đến thành phố bên cạnh, ở sâu bên trong đất nước và cũng lớn hơn. Tôi có thể nhận được ngay thư từ, người ta chỉ cho tôi con tàu nhỏ màu đỏ có ba toa khởi hành hàng giờ từ ke số một đi về Thành Phố Nhỏ. Tôi nhìn con tàu xuất phát.

Tôi ra khỏi ga, tôi đi xe taxi đến một khách sạn. Tôi lên buồng, đi nằm và ngủ thiếp đi ngay.

Thức dậy, tôi vén radiô cửa sổ về phía tây. Ở đằng kia, đằng sau dãy núi thành phố nhỏ của tôi, mặt trời đang lặn.

Hàng ngày, tôi ra ga nhìn con tàu màu đỏ đến rồi lại đi. Sau đó tôi dạo chơi trong

thành phố. Buổi tối, tôi uống vài cốc rượu ở quầy rượu khách sạn hoặc trong một quán rượu của thành phố với những người lạ.

Buồng của tôi có ban công. Bây giờ thời tiết bắt đầu nóng, tôi thường hay ngồi ở đó. Từ đây tôi nhìn thấy một bầu trời mênh mông mà tôi chưa từng nhìn thấy từ bốn mươi năm nay.

Tôi đi chơi mỗi ngày một xa trong thành phố, tôi rời khỏi thành phố và dạo chơi ngoài đồng quê. Tôi đi dọc một bức tường bằng đá và kim loại. Phía sau bức tường một con chim hót, tôi trông thấy những cành trụi lá của các cây dẻ.

Cánh cửa bằng sắt rèn đã mở. Tôi vào, tôi ngồi trên một phiến đá to phủ rêu gần lối vào. Phiến đá to đó chúng tôi gọi là "hòn đá đen", mặc dù nó không đen, nó đã có màu xám hoặc màu xanh thì đúng hơn, còn bây giờ nó hoàn toàn màu ve.

Tôi nhìn công viên và nhận ra. Tôi cũng nhận ra tòa nhà to lớn ở cuối công viên. Cây cối có lẽ vẫn là những cây cũ, chim chóc thì chắc chắn là không, Bao nhiêu năm đã trôi qua. Một cây sống bao nhiêu năm? Một con chim sống được bao lâu? Tôi không biết.

Thế còn con người thì sống được bao lâu? Hình như là mãi mãi, vì tôi trông thấy bà giám đốc Trung tâm đang lại gần. Bà hỏi tôi:

- Ông làm gì ở đây vậy, thưa ông?

- Thưa bà giám đốc, tôi chỉ xem thôi. Tôi đã qua năm năm thơ ấu tại đây.

- Khi nào vậy?

- Cách đây đã bốn chục năm. Bốn mươi lăm năm. Tôi nhận ra bà. Bà từng là giám đốc Trung tâm cải huấn.

Bà ta kêu lên:

- Thật lão xược! Ông nên biết rằng cách đây bốn mươi năm tôi chưa ra đời, nhưng tôi nhận ra các trò châm biếm từ xa. Ông hãy đi đi nếu không tôi gọi cảnh sát.

Tôi đi về khách sạn, tôi uống vài cốc rượu với một người lạ. Tôi kể lại câu chuyện của tôi với bà giám đốc:

- Tất nhiên không phải là cùng một bà giám đốc. Bà kia đã chết rồi.

Ông bạn mới của tôi nâng cốc:

- Kết luận: hoặc các bà giám đốc giống nhau không kể tuổi tác, hoặc các bà sống

rất lâu. Ngày mai tôi đi cùng ông đến Trung tâm của ông. Ông tha hồ mà thăm.

Hôm sau, người lạ đến tìm tôi tại khách sạn. Hắn đi với tôi bằng ô tô đến trung tâm.

Trước cổng, khi bước vào, hắn bảo tôi:

- Ông biết không, cái bà già ông gặp vẫn là cái bà ấy. Chỉ có điều bà ấy không còn là giám đốc ở đây cũng như ở nơi khác. Tôi đã đi hỏi. Cái Trung tâm của ông bây giờ là nhà dưỡng lão.

Tôi chỉ muốn xem phòng ngủ và vườn.

Cây hồ đào vẫn ở đó, nhưng nó có vẻ cần cỗi, nó sắp chết.

Tôi nói với ông bạn:

- Cây của tôi sắp chết rồi.

- Ông đừng có đa cảm thế, cái gì mà không chết.

Chúng tôi đi vào tòa nhà. Chúng tôi đi trong hành lang, chúng tôi vào cái buồng đã từng là của tôi và bao đứa trẻ khác cách đây bốn mươi năm. Tôi đứng lại trước cửa buồng, tôi nhìn. Không có gì thay đổi. Mười hai cái giường, tường trắng, giường màu trắng, trống. Vào giờ này bao giờ giường cũng trống.

Tôi leo lên gác, tôi mở cửa cái buồng ngày xưa tôi đã từng bị nhốt trong nhiều ngày. Cái giường vẫn còn ở đó, ở chỗ cũ, có thể vẫn là cái giường ấy.

Một người đàn bà trẻ đi theo chúng tôi nói:

- Ở đây đã bị bom. Nhưng mọi cái đã được xây dựng lại như trước, tất cả như trước. Đó là một tòa nhà rất đẹp, không được làm nó thay đổi.

Một buổi chiều kia, tôi lại bị đau. Tôi trở về khách sạn, tôi lấy thuốc, tôi thu dọn hành lý, thanh toán tiền trọ và gọi taxi.

Ra ga.

Xe taxi đỗ trước ga, tôi bảo tài xế:

- Anh hãy mua giúp tôi một vé đến thành phố K. Tôi bị ốm.

Người tài xế nói:

- Không phải việc của tôi. Tôi đã chở ông đến ga. Xin ông xuống cho, tôi không muốn dây vào người ốm.

Hắn đặt va li của tôi xuống hè, mở cửa xe phía bên tôi:

- Xin ông xuống cho và ra khỏi xe của tôi.

Tôi lấy tiền ngoại tệ trong ví đưa cho hắn:

- Anh cầm lấy.

Người tài xế vào nhà ga, trở lại với chiếc vé tàu, giúp tôi ra khỏi xe, nắm lấy cánh tay tôi, mang va li cho tôi, đi cùng tôi tới ke số một và cùng tôi chờ tàu. Khi tàu đến, hắn giúp tôi lên tàu, đặt chiếc va li bên cạnh tôi, và đề nghị người soát vé giúp đỡ tôi. Tàu chạy. Hầu như không có người trong các toa. Người ta cấm hút thuốc lá.

Tôi nhắm mắt lại. Tôi giảm hẳn đau. Cứ mười phút tàu lại dừng. Tôi biết rằng cách đây bốn mươi năm tôi đã đi một chuyến như thế này.

Trước khi đến ga của thành phố nhỏ, con tàu đã dừng bánh. Bà sơ kéo tay tôi, lay tôi, tôi không động. Bà đã nhảy ra khỏi tàu, cúi đầu chạy, và nằm xuống ruộng. Tất cả hành khách đều làm như bà.

Còn một mình tôi trong toa tàu. Máy bay bay ngang đầu chúng tôi, và bắn con tàu. Khi yên tĩnh đã trở lại, bà sơ cũng trở lại. Bà tát tôi, con tàu lại đi tiếp.

Tôi mở mắt ra. Chúng tôi sắp tới nơi. Tôi đã trông thấy đám mây màu bạc trên đỉnh núi, rồi hiện ra các tháp của lâu đài và gác chuông của vô số nhà thờ.

Ngày hai mươi tháng Tư, sau khi đi xa bốn chục năm, tôi trở về cái thành phố bé nhỏ thời thơ ấu.

Nhà ga không thay đổi, chỉ có điều sạch hơn và có hoa, giống hoa ở đây mà tôi không biết tên và cũng không thấy ở nơi khác.

Có một chiếc xe buýt chở vài hành khách hiếm hoi của con tàu và thợ thuyền của nhà máy trước mặt.

Tôi không đi xe buýt. Tôi đứng đó, trước ga, chiếc va li đập dưới đất, và tôi nhìn con đường trồng cây dẻ của phố ga dần vào thành phố.

- Thưa ông, cháu có thể mang va li giúp ông được không?

Một đứa bé khoảng mười tuổi đứng trước mặt tôi. Nó nói:

- Ông đã nhớ chuyến xe buýt. Nửa giờ nữa mới có chuyến sau.

Tôi bảo nó:

- Không sao. Bác đi bộ vậy.

- Va li của ông nặng quá.

Nó nhắc va li của tôi và không buông ra nữa. Tôi cười:

- Phải. Cháu không thể mang nó đi xa được đâu, bác biết. Bác đã làm việc này trước cháu.

Đứa bé đặt chiếc va li xuống:

- Thế ạ? Bao giờ vậy thưa ông?

- Khi bác bằng tuổi cháu, đã lâu rồi.

- Ở đâu ạ?

- Ở đây, trước nhà ga này.

- Cháu cũng có thể mang được chiếc va li này.

- Được, nhưng hãy cho bác đi trước mười phút. Bác muốn đi bộ một mình. Cháu cứ từ từ, bác không vội đâu. Bác đợi cháu ở công viên *Jardin noir*.

- Thưa ông, vâng.

Jardin noir là một công viên nhỏ ở đầu con đường trồng cây dẻ, nó chẳng có gì là đen, trừ cái barie bằng sắt rèn bao chung quanh. Tôi ngồi xuống một cái ghế dài đợi đứa bé. Nó đến, đặt va li trên cái ghế trước mặt tôi, ngồi xuống và thở dốc.

Tôi châm một điếu thuốc lá và hỏi:

- Tại sao cháu làm việc này?

Cháu muốn mua một chiếc xe đạp. Ông có thể cho cháu một điếu thuốc lá được không?

- Không, cháu không được hút thuốc. Cháu có muốn chết vì thuốc lá không?

- Chết vì lý do này hay lý do khác... Dù sao thì các nhà thông thái cũng nói...

- Họ nói gì?

- Họ nói rằng trái đất bị sét đánh, và không thể làm gì nổi. Muộn quá rồi.

- Cháu đã nghe nói điều đó ở đâu vậy?

- Thưa ông, ở trường và nhất là trên truyền hình.

Tôi ném điếu thuốc:

- Cháu không có thuốc lá đâu.

- Ông ác quá.

- Phải, bác ác. Rồi sao nữa? Trong thành phố này có một khách sạn ở đâu đó chứ?

- Tất nhiên là có, và rất nhiều. Ông không biết sao? Tuy vậy ông có vẻ biết rõ thành phố này.

- Khi bác ở đây, không có một cái khách sạn nào.
- Vậy thì đã lâu lắm rồi. Ở quảng trường Principale có một cái khách sạn mới toanh tên là Đại khách sạn, vì nó to nhất.
- Ta đến đó.

Đến trước khách sạn, đưa bé đặt va li xuống:

- Thưa ông, cháu không thể vào được. Bà tiếp tân biết cháu. Bà ấy sẽ mách mẹ cháu.

- Mách gì? Mách cháu mang va li vào cho bác à?

- Vâng, mẹ cháu không muốn cháu mang va li.

- Tại sao vậy?

- Cháu không biết. Mẹ cháu không muốn, mẹ cháu chỉ muốn cháu học thôi.

- Bố mẹ cháu làm gì?

- Cháu không có bố mẹ. Chỉ có mẹ thôi, không có bố. Cháu chưa bao giờ có bố.

- Thế mẹ cháu làm gì?

- Mẹ cháu làm ở đây, tại khách sạn. Mẹ cháu lau nhà một ngày hai lần. Mẹ muốn cháu trở thành nhà bác học.

- Bác học về gì?

- Cái đó thì mẹ cháu không thể biết vì mẹ không biết các nghề nghiệp của nhà bác học. Bà ấy nghĩ là giáo sư hay bác sĩ gì đó.

- Thôi được. Cháu lấy bao nhiêu về cái va li?

- Thưa, tùy ông.

Tôi đưa cho nó hai đồng tiền lẻ:

- Ngàn này được không?

Thưa ông, được ạ.

- Không, như thế không được. Chẳng lẽ cháu mang cái va li nặng như vậy từ ga về đây chỉ vì một ít tiền thế thôi à?

- Thưa ông, cho cháu bao nhiêu thì cháu lấy bấy nhiêu. Cháu không có quyền đòi hỏi hơn. Rồi còn những người nghèo, có khi cháu mang giúp không lấy tiền. Cháu thích làm việc này. Cháu thích đợi ở nhà ga, thích nhìn những người từ xa đến. Những người ở đây, cháu biết tất cả bọn họ. Cháu thích nhìn những người ở nơi khác đến,

như ông chẳng hạn. Có phải ông đến từ xa không?

- Phải, từ rất xa, từ một nước khác.

Tôi cho nó một tờ giấy bạc và vào khách sạn.

Tôi chọn một buồng ở góc, từ đây tôi nhìn thấy toàn bộ quảng trường, nhà thờ, cửa hàng tạp hóa, các cửa hiệu, hiệu sách.

Chín giờ tối, quảng trường vắng tanh. Các nhà đã lên đèn. Người ta hạ cửa sắt, đóng cửa sổ, kéo màn gió.

Tôi đứng trước cửa sổ, tôi nhìn quảng trường, nhà cửa, mãi tới khuya.

Thời thơ ấu tôi thường hay mơ được ở một trong những ngôi nhà tại quảng trường Principale, nhất là ngôi nhà màu xanh xưa vẫn có và hiện nay vẫn có một cửa hàng sách.

Nhưng trong thành phố này tôi đã sống trong căn nhà đổ nát của “Bà”, xa trung tâm, mãi cuối thành phố, gần biên giới.

Ở nhà Bà tôi làm việc từ sáng đến tối như Bà. Bà cho tôi ăn, cho tôi ở, nhưng không bao giờ cho tôi tiền. Nhưng tôi thì cần tiền để mua xà phòng, kem đánh răng, quần áo và giày dép. Buổi tối tôi ra phố chơi kèn trong các quán rượu. Tôi bán củi lượm được trong rừng cùng với nấm và hạt dẻ. Tôi bán cả trứng lấy cắp của Bà, bán cá mà tôi mau chóng học được cách câu. Tôi còn làm các việc linh tinh cho bất kỳ ai. Tôi chuyển thư, gói đồ, mọi người tin tôi vì họ tưởng rằng tôi câm điếc.

Thời gian đầu tôi không nói, ngay cả với bà, nhưng rồi tôi buộc phải đọc lên những con số để mặc cả.

Buổi tối tôi thường la cà ở quảng trường Principale. Tôi ngắm nhìn quầy hàng của hiệu sách, những tờ giấy trắng, những cuốn vở học trò, những cục tẩy, những bút chì. Mọi cái đó đối với tôi quá thân quen.

Để kiếm thêm một chút tiền, khi có dịp, tôi ra ga đợi hành khách để mang va li cho họ. Thế là tôi có thể mua giấy, bút chì, tẩy và một quyển vở to trong đó tôi ghi lại những điều dối trá đầu tiên của tôi.

Vài tháng sau khi Bà chết, có mấy người vào nhà tôi mà không gõ cửa. Họ có ba người trong đó có một người mặc quân phục biên phòng. Hai người kia mặc quần áo thường dân. Một trong hai người không nói gì, chỉ ghi ghi chép chép. Anh này còn trẻ,

gần như cũng trẻ như tôi. Người kia tóc đã điểm bạc, chính ông này tra hỏi tôi:

- Cháu ở đây từ bao giờ?

Tôi bảo:

- Cháu không biết. Từ ngày bệnh viện bị đánh bom.

- Bệnh viện nào?

- Cháu không biết. Trung tâm.

Người mặc quân phục xen vào:

- Khi tôi về chỉ huy phân đội này, nó đã ở đây rồi?

- Vậy là từ bao giờ?

- Ba năm rồi. Nhưng nó thì đã ở đây từ trước.

- Làm sao anh biết được?

- Dễ thấy thôi. Nó làm việc chung quanh nhà như một người luôn luôn ở đó vậy.

Người đàn ông tóc bạc quay lại tôi:

- Cháu có họ hàng gì với bà V. tên con gái là Maria Z.?

- Đó là bà cháu.

- Cháu có giấy tờ gì chứng minh quan hệ đó?

- Không ạ, cháu chẳng có giấy tờ gì. Cháu chỉ có những tờ giấy mua ở hiệu sách.

- Thôi thế cũng được. Ghi đi!

Anh thanh niên bắt đầu viết: “Bà Maria V. tên con gái là Maria Z. chết không người

thừa kế, vậy tài sản của bà gồm có nhà và đất đai trở thành sở hữu của Nhà nước,

thuộc về một xã của thành phố K. tùy ý sử dụng”.

Bọn họ đứng lên, tôi hỏi họ:

- Cháu phải làm gì?

Họ nhìn nhau. Người mặc quân phục nói:

- Cháu phải đi khỏi đây.

- Tại sao vậy?

- Bởi vì ở đây không cái gì là của cháu cả.

- Bao giờ thì cháu phải đi?

- Chú không biết.

Người đàn ông tóc bạc nói:

- Chúng ta sẽ sớm báo cho cháu. Cháu bao nhiêu tuổi?
- Cháu gần mười lăm tuổi. Cháu không thể đi trước khi cà chua chín.
- Cà chua à? Nhất định rồi. Cháu mới có mười lăm tuổi ư? Vậy không có vấn đề gì cả.

Tôi hỏi:

- Cháu phải đi đâu?

Hắn im lặng một lát, nhìn người mặc quân phục, người này nhìn hắn, hắn nhìn xuống:

- Cháu đừng lo. Người ta sẽ quan tâm đến cháu. Cháu cứ yên tâm đi.

Ba người đi ra. Tôi đi theo họ trên cỏ để không gây động.

Người mặc quân phục nói:

- Các anh không để cho nó yên sao? Nó là một thằng bé ngoan và nó vất vả đấy.

Người mặc thường phục nói:

- Vấn đề không phải ở chỗ đó. Còn pháp luật nữa chứ. Đất đai của bà V. thuộc về xã. Gần hai năm nay thằng bé này sống trên đất đó bất hợp pháp.

- Thế thì đã hại ai nào?

- Không hại ai cả. Nhưng này, anh việc gì phải đi bảo vệ cái thằng vô lại đó?

- Đã ba năm nay tôi trông thấy nó chăm sóc vườn và các con gia súc của nó. Nó không phải là đồ vô lại, nghĩa là cũng không vô lại hơn ông đâu.

- Anh dám nói tôi là vô lại sao?

Tôi không nói thế. Tôi chỉ nói rằng nó cũng không hơn gì ông. Vả lại tôi cóc cần, cả ông, cả nó. Ba tuần nữa tôi giải ngũ, rồi tôi sẽ chăm sóc mảnh vườn của tôi. Còn ông, ông sẽ bị lương tâm dày vò nếu ông ném thằng bé ra ngoài phố. Chào ông, chúc ông ngủ ngon.

Người mặc thường phục nói:

- Chúng ta sẽ không đẩy nó ra ngoài đường. Chúng ta sẽ quan tâm đến nó.

Họ đi. Vài ngày sau, họ quay lại. Người đàn ông tóc bạc đi cùng anh thanh niên và một người đàn bà già đeo kính, giống bà giám đốc Trung tâm. Bà này bảo tôi:

- Cháu nghe đây. Ta muốn làm điều tốt cho cháu, ta muốn chăm sóc cháu. Cháu hãy đến một ngôi nhà đẹp với chúng ta, ở đó có rất nhiều trẻ như cháu.

Tôi bảo bà:

- Cháu không còn là trẻ con nữa. Cháu không cần có ai chăm sóc cháu. Cháu không muốn đi bệnh viện.

- Đó không phải là bệnh viện. Cháu có thể học ở đó.

Chúng tôi đang ở trong bếp. Người đàn bà nói, còn tôi thì không nghe. Người đàn ông tóc bạc cũng nói, tôi cũng không nghe ông ta.

Anh thanh niên cái gì cũng ghi chép không nói gì, anh cũng chẳng buồn nhìn tôi.

Lúc đi, người đàn bà nói:

- Cháu đừng lo. Chúng ta ủng hộ cháu. Mọi việc rồi sẽ tốt thôi. Chúng ta sẽ không để cháu một mình, chúng ta sẽ giúp đỡ cháu, sẽ cứu cháu.

Người đàn ông nói thêm:

- Người ta sẽ để cháu ở đây thêm mùa hè này. Đến cuối tháng Tám sẽ bắt đầu phá dỡ.

Tôi sợ đến ở một ngôi nhà mà ở đó người ta chăm sóc tôi, cứu giúp tôi. Tôi phải đi khỏi đây thôi. Tôi tự hỏi đi đâu bây giờ. Tôi mua một tấm bản đồ của đất nước và một bản đồ thủ đô. Ngày nào tôi cũng ra ga, tôi xem giờ tàu. Tôi hỏi giá vé đến thành phố này thành phố kia. Tôi có rất ít tiền và tôi không muốn sử dụng tài sản của Bà. Bà đã nói trước với tôi:

- Không được để cho ai biết rằng cháu có mọi thứ đó. Người ta sẽ hỏi cháu, sẽ giam cháu, lấy mọi thứ của cháu. Và cháu đừng bao giờ nói ra sự thật. Cháu hãy giả vờ không hiểu người ta hỏi gì. Nếu người ta cho cháu là thẳng ngốc thì càng tốt.

Tài sản của Bà được chôn dưới cái ghế dài trước nhà, trong một cái túi vải dày đựng đồ nữ trang, tiền vàng và tiền bạc. Nếu tôi thử đem bán những thứ đó, người ta sẽ kết tội tôi là ăn trộm.

Chính tại nhà ga tôi đã gặp người đàn ông muốn vượt qua biên giới.

Ban đêm. Người đàn ông đứng đó, trước nhà ga, tay rút túi quần. Các hành khách khác đã đi cả. Quảng trường nhà ga vắng tanh. Người đàn ông ra hiệu cho tôi lại gần, tôi đi về phía hắn. Hắn không có hành lý.

Tôi nói:

- Bình thường cháu mang va li cho hành khách. Nhưng cháu thấy chú không có.

- Không, chú không có.

- Nếu cháu có thể giúp chú cách khác thì... Cháu thấy rằng chú là người lạ tại thành phố này.

- Cháu căn cứ vào đâu mà bảo chú là người lạ?

Tôi nói:

-Không ai trong thành phố chúng cháu mặc quần áo giống chú. Người trong thành phố chúng cháu có cùng một khuôn mặt, một khuôn mặt quen thuộc, ai cũng biết. Người thành phố chúng cháu, không cần phải quen, cũng có thể nhận ra họ. Khi có một người lạ từ xa đến, ta nhận ra ngay.

Người đàn ông nhìn chung quanh:

- Cháu cho rằng người ta đã chú ý đến chú?

- Nhất định rồi. Nhưng điều đó không quan trọng lắm nếu chú có giấy tờ hợp lệ.

Sáng mai chú đem trình giấy tờ ở đồn cảnh sát, rồi chú muốn ở lại bao lâu cũng được.

Không có khách sạn, nhưng cháu có thể chỉ nhà cho chú thuê buồng.

Người đàn ông bảo tôi:

- Hãy theo chú.

Hắn đi về thành phố, nhưng đáng lẽ theo phố chính thì hắn lại rẽ phải, vào một phố nhỏ bụi bặm, rồi hắn ngồi xuống giữa hai bụi cây. Tôi ngồi cạnh hắn và hỏi:

- Chú trốn đi à? Tại sao vậy?

Hắn hỏi tôi:

- Cháu biết thành phố chứ?

- Vâng, rất rõ.

- Còn biên giới?

- Cũng rõ.

- Bố mẹ cháu là ai?

- Cháu không có bố mẹ.

- Chết rồi à?

- Cháu không biết.

- Cháu ở nhà ai?

- Nhà cháu, nhà của Bà. Bà đã chết rồi.

- Cháu sống với ai?
- Một mình.
- Nhà cháu ở đâu?
- Ở đầu kia thành phố, gần biên giới.
- Cháu có thể cho chú ngủ nhờ một đêm được không? Chú có rất nhiều tiền.
- Vâng, được ạ.

- Cháu có biết đi lối nào về nhà cháu để không ai nhìn thấy không?

- Cháu biết.

- Vậy ta đi thôi.

- Chúng tôi đi phía sau các ngôi nhà ngoài đồng. Đôi lúc chúng tôi phải trèo hàng rào, barie, băng qua các mảnh vườn, sân sau nhà. Đêm xuống, người đàn ông phía sau tôi không gây ra một tiếng động nào.

Về đến nhà Bà, tôi khen hấn:

- Chú đã có tuổi mà theo cháu không vất vả gì mấy.

Hấn cười:

- Có tuổi ư? Chú mới bốn mươi tuổi, hơn nữa chú đã đi chiến đấu. Chú đã học cách đi qua các thành phố mà không gây động.

Sau một lúc, hấn thêm:

- Cháu nói đúng. Bây giờ chú đã già. Tuổi trẻ của chú đã bị chiến tranh chôn vùi.

Cháu có gì để uống không?

Tôi đặt chai rượu lên bàn và nói:

- Chú muốn vượt biên giới phải không?

Hấn lại cười:

- Làm sao cháu đoán vậy? Cháu có gì để ăn không?

- Cháu có thể làm cho chú món trứng rán nấm. Cháu có cả pho mát dê.

Trong khi tôi chuẩn bị, hấn uống rượu.

Chúng tôi ăn. Tôi hỏi hấn:

- Chú làm thế nào vào được vùng biên giới? Phải có giấy phép đặc biệt mới vào được thành phố này.

- Chú có một người chị sống trong thành phố. Chú đã xin phép đến thăm bà và

được phép.

- Nhưng chú lại không đi thăm bà ấy.

- Phải, vì chú không muốn gây phiền cho bà. Này cháu, hãy đốt những thứ này trong bếp lò đi.

Hắn đưa cho tôi thẻ căn cước và nhiều giấy tờ khác. Tôi ném tất cả vào lửa. Tôi hỏi:

- Tại sao chú muốn đi khỏi đây?

- Không việc gì đến cháu. Hãy chỉ đường cho chú, chú chỉ yêu cầu có thể thôi. Chú để lại toàn bộ số tiền chú có.

Hắn đặt những tờ giấy bạc lên bàn. Tôi nói:

- Để lại số tiền này chẳng phải là một sự hy sinh gì to lớn. Dù sao thì tiền đó cũng vô giá trị ở bên kia.

- Nhưng ở đây, đối với một gã trẻ như cháu thì là nhiều đấy.

Tôi ném những tờ giấy bạc vào bếp lò:

- Chú nên biết rằng cháu không cần tiền nhiều đâu. Ở đây cháu có mọi cái cháu cần.

Chúng tôi nhìn tiền cháy. Tôi bảo:

- Chú không thể vượt qua biên giới mà không nguy hiểm đến tính mạng.

- Chú biết.

- Chú cũng nên biết rằng cháu có thể tố cáo chú ngay lập tức. Trước cửa nhà cháu có một đồn biên phòng. Cháu hợp tác với họ. Cháu là chỉ điểm cho họ.

Người đàn ông tái mặt, nói:

- Ở tuổi cháu mà làm chỉ điểm sao?

- Tuổi tác không liên quan gì. Cháu đã tố cáo nhiều người muốn vượt biên. Mọi việc xảy ra trong rừng cháu đều thấy và tố cáo.

- Nhưng tại sao vậy?

- Tại vì đôi khi người ta đưa đến chỗ cháu những kẻ khiêu khích để xem cháu có tố cáo hay không. Cho tới bây giờ cháu buộc phải tố cáo chúng dù chúng có là kẻ khiêu khích hay không.

- Tại sao lại cho tới bây giờ?

- Bởi vì, ngày mai cháu sẽ vượt biên với chú. Cả cháu, chú cũng muốn đi khỏi đây.

Hôm sau, trước mười hai giờ trưa một chút, chúng tôi vượt biên giới. Người đàn ông đi trước, hẳn không gặp may. Gần thanh chắn thứ hai, một quả mìn nổ cùng với hắn. Tôi đi đằng sau và không việc gì.

Tôi nhìn quảng trường vắng vẻ cho đến khuya. Cuối cùng khi tôi đi ngủ tôi đã nằm mê.

Tôi xuống bờ sông, em tôi ngồi đó và câu cá. Tôi ngồi cạnh nó:

- Em câu được nhiều không?

- Không. Em đang đợi anh.

Nó đứng dậy, xếp cần câu lại:

- Đã lâu lắm rồi, ở đây không còn cá mà cũng chẳng còn nước. Nó lấy một hòn đá và ném lên những hòn đá khác nằm lỏng chỏng dưới lòng sông khô cạn.

Chúng tôi đi về thành phố. Tôi dừng chân trước một ngôi nhà có cửa sổ màu ve.

Em tôi nói:

- Phải, đây là nhà chúng ta, anh đã nhận ra nó.

- Anh đã nhận ra, nhưng trước kia nó không ở đây. Nó ở trong một thành phố khác.

Em tôi sửa lại:

- Trong một cuộc sống khác. Và bây giờ nó ở đây, và nó vắng tanh.

Chúng tôi đến quảng trường Principale.

Trước cửa hiệu sách, hai thằng bé đang ngồi trên cầu thang dẫn đến căn hộ. Em tôi nói:

- Đây là con trai em. Mẹ chúng đi rồi.

Chúng tôi vào nhà bếp. Em tôi chuẩn bị bữa tối. Bọn trẻ yên lặng ăn, không ngước mắt lên. Tôi bảo:

- Còn em thật sung sướng.

- Rất sung sướng. Em cho chúng nó đi ngủ đây.

Khi nó quay lại, nó nói:

- Ta vào phòng em đi.

Chúng tôi vào căn phòng lớn, em tôi lấy một chai rượu dẫu sau những quyển sách

của thư viện:

- Chỉ còn thế này, các thùng rượu đều rỗng cả.

Chúng tôi uống rượu. Em tôi vuốt lớp vải nhung màu đỏ trái bàn:

- Anh thấy không, chẳng có gì thay đổi. Em đã giữ lại mọi thứ, ngay cả cái khăn

trái bàn thảm hại này. Ngày mai anh có thể đến ở nhà này.

- Anh không thích đâu. Anh thích chơi với các cháu hơn.

- Các cháu không chơi đâu.

- Vậy chúng làm gì?

- Chúng chuẩn bị để vào đời.

- Anh đã vào đời mà có thấy gì đâu.

Em tôi bảo:

- Chẳng có gì mà thấy. Vậy anh tìm gì?

- Tìm em. Chính vì em mà anh trở lại.

Em tôi cười:

- Vì em ư? Anh biết rồi đấy, em chỉ là một giấc mơ thôi mà. Phải chấp nhận điều đó. Chẳng có gì cả, chẳng ở đâu cả.

Tôi thấy rét và đứng lên:

- Khuya rồi, anh phải về thôi.

- Về ư? Về đâu?

- Về khách sạn.

- Khách sạn nào vậy? Anh đang ở nhà. Để em giới thiệu anh với bố mẹ.

- Với bố mẹ ư? Họ đâu rồi?

Em tôi chỉ cái cửa màu nâu dẫn vào phòng kia của căn hộ.

- Bố mẹ kia, họ đang ngủ.

- Không được đánh thức họ.

- Tại sao lại không? Họ sẽ rất mừng gặp lại anh sau bao nhiêu năm trời.

Tôi lùi về phía cửa:

- Anh không muốn đâu, anh không thể gặp lại họ.

Em tôi tóm lấy cánh tay tôi:

- Anh không muốn sao, anh không thể à? Em thì ngày nào cũng gặp họ. Ít ra anh

cũng phải gặp họ một lần chứ, một lần thôi!

Em tôi kéo tôi về phía cái cửa màu nâu; bằng tay trái tôi chộp trên bàn cái gạt tàn bằng thủy tinh rất nặng và táng vào gáy em tôi. Trán nó va vào cánh cửa, nó ngã xuống, có máu chung quanh đầu nó và trên sàn nhà.

Tôi ra khỏi nhà, ngồi xuống một chiếc ghế dài. Một vầng trăng to soi sáng quảng trường vắng vẻ.

Một ông già dừng bước trước mặt tôi và hỏi xin tôi một điếu thuốc lá. Sau một lát, ông hỏi:

- Thế nào, cháu đã giết nó à?

- Phải.

- Cháu đã làm cái mà cháu phải làm. Thế là tốt. Ít người làm cái điều phải làm.

- Đó là do nó đã muốn mở cửa.

- Cháu làm thế là tốt. Cháu đã ngăn nó thế là tốt. Cháu phải giết nó. Như thế mọi vãi mới trật tự được.

Tôi bảo:

- Nhưng nó sẽ không còn nữa. Tôi cần gì trật tự nếu nó không còn nữa.

Ông già nói:

- Từ nay trở đi nó sẽ luôn ở bên cháu khắp nơi.

Ông già đi ra xa, gõ cửa một ngôi nhà nhỏ và đi vào.

*

Khi tôi thức giấc, quảng trường sống lại từ đã lâu. Người qua lại đi bộ hoặc đi xe đạp. Có rất ít ô tô. Các cửa hàng đã mở, hiệu sách cũng vậy. Trong các hành lang khách sạn, người ta cho chạy máy hút bụi.

Tôi mở cửa buồng và gọi người tạp vụ:

- Cô mang giúp tôi một ly cà phê.

Cô ta quay người lại. Đó là một thiếu phụ tóc rất đen.

- Thưa ông, tôi không thể phục vụ khách, tôi chỉ là tạp vụ. Ở đây có tiệm ăn và quầy rượu.

Tôi trở vào buồng, đánh răng, tắm rửa, rồi tôi chui vào chăn. Tôi rét.

Có tiếng gõ cửa, cô tạp vụ vào, đặt một cái khay lên chiếc bàn đêm:

- Ông trả tiền cà phê ở quầy rượu.

Cô nằm xuống cạnh tôi, trên giường và chìa đôi môi ra. Tôi quay đầu đi:

- Không, người đẹp ạ. Tôi già và ốm yếu lắm.

Cô đứng lên và nói:

- Tôi có rất ít tiền. Công việc tôi đang làm được trả rất thấp. Tôi muốn tặng một chiếc xe đạp cho con trai tôi nhân dịp sinh nhật nó. Tôi lại không có chồng.

- Tôi hiểu.

Tôi đưa cho cô ta một tờ giấy bạc mà không biết rằng ít hay nhiều, tôi chưa quen với giá cả ở đây.

Vào khoảng ba giờ chiều, tôi đi ra ngoài.

Tôi bước chầm chậm. Sau nửa giờ tôi cũng đến được đầu thành phố. Thay vào ngôi nhà của Bà là một trung tâm thành phố được chăm nom rất tốt. Bọn trẻ chơi ở đó.

Tôi ngồi rất lâu ở bờ sông, sau đó tôi trở lại thành phố. Tôi đi qua thành phố cổ, qua các phố của lâu đài, tôi lên nghĩa trang, nhưng tôi không tìm được mộ của Bà.

Hàng ngày tôi đi dạo như vậy, hàng tiếng đồng hồ, khắp các phố phường, nhất là các phố hẹp ở đó nhà cửa lún sâu vào đất, với những cửa sổ sát mặt đường. Đôi khi tôi ngồi trong một công viên hoặc trên các bức tường lâu đài, hoặc trên một nấm mồ ở nghĩa trang. Khi tôi đói, tôi vào một quán nhỏ và gấp gò thì ăn nấy. Sau đó tôi uống vài ly rượu với thợ thuyền, những con người chất phát, không ai nhận ra tôi, không ai nhớ tôi.

Một hôm tôi vào hiệu sách để mua giấy và bút chì. Cái ông to béo thời niên thiếu của tôi không còn ở đó, bây giờ là một người đàn bà phụ trách cửa hàng. Bà ấy ngồi trong một chiếc ghế bành gần cái cửa dẫn ra vườn và đang đan. Bà mỉm cười với tôi:

-Tôi biết ông. ngày nào tôi cũng trông thấy ông ra vào khách sạn, trừ khi ông về quá muộn, lúc đó tôi đã ngủ. Tôi ở bên trên hiệu sách và tôi thích ngắm nhìn quảng trường vào buổi tối.

- Tôi cũng thế.

Bà ta hỏi:

- Ông nghĩ hè ở đây à? Có lâu không?

- Vâng, nghỉ hè, gần như thế. Tôi thích ở lại càng lâu càng tốt, nó phụ thuộc và hộ chiếu của tôi và vào tiền của tôi.

- Hộ chiếu ư? Ông là người nước ngoài sao? Không ai bảo vậy.

- Tôi đã qua thời thơ ấu tại thành phố này. Tôi sinh ra tại xứ sở này. Nhưng tôi sống ở nước ngoài từ lâu rồi.

- Có rất nhiều người nước ngoài đến đây, từ khi đất nước được tự do. Những kẻ ra đi sau cách mạng này trở lại tham quan, nhưng có rất nhiều kẻ tò mò, những khách du lịch. Rồi ông sẽ thấy, thời tiết đẹp họ sẽ tới bằng ô tô cả đấy. Chẳng còn gì là yên tĩnh nữa đâu.

Quả vậy, khách sạn ngày càng đông. Tối thứ Bảy người ta tổ chức những cuộc khiêu vũ đôi khi kéo dài đến tận bốn giờ sáng. Tôi không chịu nổi âm nhạc cũng như tiếng kêu gào và tiếng cười của những kẻ đang vui chơi. Do đó tôi ngồi ngoài phố trên một cái ghế dài với một chai rượu vang mua lúc ban ngày rồi tôi đợi.

Một tối nọ, một chú bé đến ngồi cạnh tôi:

- Cháu có thể ở lại với ông được không ạ? Cháu hơi sợ tối một chút.

Tôi nhận ra giọng nói của nó. Đó là thằng bé đã mang vali cho tôi hôm tôi đến đây.

Tôi hỏi nó:

- Khuya rồi, cháu còn làm gì ở đây?

- Cháu đợi mẹ. Mỗi khi có tối vui, mẹ phải ở lại để dọn dẹp và rửa bát.

- Thế thì sao? Cháu chỉ việc ở nhà và ngủ yên là xong.

- Cháu không thể nào ngủ yên được. Cháu sợ có điều gì đó xảy ra cho mẹ. Chúng cháu ở xa, cháu không thể để mẹ đi một mình ban đêm. Có những người đàn ông tấn công phụ nữ đi đêm một mình. Cháu đã trông thấy trên đài truyền hình.

- Thế người ta không tấn công trẻ con sao?

- Không ạ. Họ chỉ tấn công phụ nữ thôi, nhất là phụ nữ xinh đẹp. còn cháu, cháu có thể tự vệ được, cháu chạy nhanh lắm.

Chúng tôi đợi. Yên tĩnh dần dần trở lại bên trong khách sạn. Một người phụ nữ đi ra, đó là người sáng nào cũng mang café cho tôi. Chú bé chạy lại với người đó, tay trong tay họ cũng đi với nhau.

Những nhân viên khác của khách sạn cũng ra về, họ nhanh chóng đi xa.

Tôi lên buồng của tôi. Hôm sau, tôi đến gặp bà chủ hiệu sách.

- Tôi không thể ở lại khách sạn lâu hơn nữa. Có quá nhiều người và quá ồn ào. Bà có biết ai có buồng cho thuê không?

- Ông hãy đến ở nhà tôi. Ở đây, trên gác.

- Tôi sẽ làm phiền bà.

- Không đâu, thưa ông. Tôi sẽ đến ở nhà con gái tôi. Nó ở gần đây thôi. Ông sẽ có toàn bộ tầng gác. Hai buồng, bếp, phòng tắm.

- Với giá thuê là bao nhiêu, thưa bà?

- Ông trả cho khách sạn bao nhiêu?

Tôi nói cho bà biết, bà mỉm cười:

- Đó là giá cho khách du lịch. Tôi cho ông thuê với một nửa số tiền đó. Tôi còn giúp ông công việc nội trợ sau giờ đóng cửa hiệu. Trong những giờ đó, ông thường ra ngoài, tôi sẽ không làm phiền ông. Ông có muốn xem căn hộ không?

- Không, chắc nó sẽ thích hợp với tôi. Khi nào tôi có thể dọn đến?

- Ngay ngày mai, nếu ông muốn. Tôi chỉ việc mang quần áo và đồ dùng cá nhân của tôi đi là xong.

Hôm sau, tôi chuẩn bị ra đi, tôi thanh toán tiền khách sạn. Tôi đến cửa hàng sách đúng trước giờ đóng cửa.

Bà chủ hiệu sách đưa cho tôi chiếc chìa khóa:

- Đây là chìa khóa cửa. Có thể lên thẳng buồng từ bên trong cửa hàng, nhưng ông nên đi cửa kia, cái cửa trông ra phố ấy. Tôi sẽ chỉ cho ông.

Bà ta đóng cửa hàng. Chúng tôi trèo lên một chiếc cầu thang hẹp, chúng tôi đến cái chiếu nhõ được hai cửa sổ trông xuống vườn chiếu sáng. Bà chủ hiệu sách giải thích:

- Cửa bên trái là cửa buồng ngủ, trước mặt là phòng tắm. Cửa thứ hai là cửa phòng khách từ đây ông có thể đi sang buồng ngủ. Ở đằng cuối là bếp, có một cái tủ lạnh, tôi đã để một ít thức ăn trong đó.

- Tôi chỉ cần café và rượu vang. Tôi ăn cơm ở quán.

- Cơm ngoài quán không được sạch sẽ. Café ở trên gác, có một chai rượu vang trong tủ lạnh. Tôi xin phép đi. Tôi hy vọng rằng ông sẽ thích ở đây.

Bà ta đi. Ngay lập tức tôi mở chai rượu, ngày mai tôi sẽ mua thêm. Tôi vào phòng

khách. Đó là một căn phòng lớn đồ đạc giản dị. Giữa hai cửa sổ có một cái bàn lớn phủ khăn vải nhung màu đỏ. Tôi xếp ngay lên đó giấy và bút chì của tôi. Sau đó tôi vào buồng ngủ. Đó là một căn phòng hẹp, chỉ có một cửa sổ vừa là cửa đi dẫn ra một cái ban công nhỏ.

Tôi đặt vali lên giường, tôi xếp quần áo vào tủ.

Tối hôm đó tôi không ra ngoài. Tôi uống nốt chai rượu rồi ngồi vào chiếc ghế bành trước cửa sổ phòng khách. Tôi nhìn ra quảng trường, rồi tôi đi nằm trên một cái giường có mùi xà phòng.

Hôm sau, khi tôi dậy vào khoảng mười giờ, tôi thấy hai tờ báo trên bàn nhà bếp và một xoong soup rau trên bếp lò. Tôi tự pha café và vừa uống vừa đọc báo, soup rau tôi ăn sau vào quảng bốn giờ chiều, trước khi ra ngoài.

Bà chủ hiệu sách không làm phiền tôi. Tôi chỉ gặp bà khi tôi đến thăm bà ở dưới nhà. Trong lúc tôi đi vắng bà lau chùi căn hộ, bà mang quần áo bẩn của tôi đi giặt rồi trả lại quần áo sạch và đã là.

Thời gian qua nhanh. Tôi phải đến thành phố bên thủ phủ của vùng để xin gia hạn hộ chiếu. Một thiếu phụ đóng dấu vào hộ chiếu của tôi "gia hạn một tháng". Tôi trả tiền lệ phí và cảm ơn, cô mỉm cười:

- Tối nay, tôi sẽ đến Đại Khách Sạn, ở đó rất vui. Có rất nhiều người nước ngoài, ông có thể gặp những đồng bào của ông.

- Vâng, có thể tôi sẽ đến.

Ngay lập tức tôi đi con tàu màu đỏ về thành phố của tôi.

Tháng sau, người thiếu phụ kém dễ thương hơn, cô ta đóng dấu vào hộ chiếu của tôi mà chẳng nói gì, và lần thứ ba thì cô cảnh báo một cách lạnh lùng rằng không thể gia hạn lần thứ tư được.

Vào cuối hè, tôi gần như không còn tiền, tôi buộc phải tiết kiệm. Tôi mua một chiếc kèn acmonica, rồi tôi đi thổi kèn trong các quán rượu. Còn ăn thì tôi dành cảm lòng với món soup rau của bà chủ hiệu sách. Sang tháng Chín và tháng Mười, tôi không thể trả tiền thuê nhà được nữa. Bà chủ cũng không đòi mà vẫn tiếp tục dọn dẹp, giặt giũ và mang soup cho tôi.

Tôi không biết làm thế nào, nhưng tôi không muốn trở lại cái đất nước kia, tôi phải

ở lại đây, tôi phải chết ở đây, tại thành phố này.

Ngày 30 tháng Mười, tôi kỷ niệm sinh nhật tại một quán rượu bình dân nhất của thành phố cùng các bạn nhậu của tôi. Tất cả bọn họ trả tiền rượu cho tôi. Có những đôi nhảy theo tiếng kèn của tôi. Có những phụ nữ ôm hôn tôi. Tôi say mềm. Tôi bắt đầu nói về đứa em tôi như mọi bạn tôi quá chén. Mọi người dân thành phố biết chuyện của tôi: tôi đi tìm em tôi đã cùng sống với tôi ở đây, tại thành phố này cho đến năm tôi mười lăm tuổi. Chính tại đây tôi phải tìm được nó, tôi đợi nó, tôi biết rằng nó sẽ đến khi nó biết tôi từ nước ngoài trở về.

Tất cả cái đó chỉ là dối trá. Tôi biết rõ rằng tại thành phố nay ở nhà Bà tôi đã từng một mình, rằng ngay từ dạo ấy tôi chỉ tưởng tượng ra chúng tôi có hai người, tôi và em tôi là để chịu đựng cái cảnh cô đơn không thể chịu nổi mà thôi.

Vào khoảng nửa đêm quán rượu lắng xuống đôi chút. Tôi không chơi kèn nữa, tôi chỉ uống thôi.

Một ông già ăn mặc rách rưới ngồi trước mặt tôi. Ông lão uống cốc rượu của tôi, ông nói:

- Lão nhớ rất rõ cả hai đứa, cháu và em cháu.

Tôi không nói gì. Một người đàn ông khác trẻ hơn mang một chai rượu đến bàn tôi. Tôi yêu cầu một cái cốc sạch, chúng tôi cùng uống.

Người đàn ông trẻ hỏi tôi:

- Anh cho tôi gì nếu tôi tìm được em anh?

- Tôi hết tiền mất rồi.

Hắn cười:

- Anh có thể đưa tiền từ nước ngoài về. Tất cả những người nước ngoài đều giàu có cả.

- Tôi thì không. Tôi còn không thể đãi anh một cốc rượu nữa kia.

Hắn nói:

- Không sao. Cho một chai rượu ra đây, tôi trả tiền.

Có hầu bàn mang rượu ra và nói:

- Đây là chai cuối cùng. Tôi không phục vụ ông nữa đâu. Nếu chúng tôi không đóng cửa, cảnh sát sẽ làm phiền chúng tôi.

Ông già tiếp tục uống rượu cạnh chúng tôi, thỉnh thoảng lại chêm vào:

- Phải, tôi đã từng biết các anh, cả hai anh, các anh đã từng là các chàng trai ghê gớm vào hồi đó. Phải, phải.

Người đàn ông trẻ hơn bảo tôi:

- Tôi biết, em anh trốn trong rừng. Đôi khi tôi nhìn thấy nó từ xa. Nó sống như một con thú hoang. Nó tự làm áo quần bằng những cái chăn nhà binh, nó đi chân đất ngay cả mùa đông. Nó sống bằng cỏ, rễ cây, hạt dẻ và các con thú nhỏ. Tóc nó dài và điểm bạc, râu nó cũng vậy. Nó có một con dao và diêm, nó hút thuốc lá tự cuốn lấy, điều này chúng tôi ban đêm thỉnh thoảng nó vào thành phố. Có thể các cô gái ở bên kia nghĩa trang và sống bằng nghề bán mình biết nó, ít ra là một cô nào đó. Có thể cô ta bí mật tiếp nó và cho nó những thứ nó cần. Chúng ta có thể tổ chức một cuộc lùng sục. Nếu toàn thể chúng ta tham gia thì có thể tóm được nó.

Tôi đứng lên và đánh hấn:

- Đồ nói dối! Đó không phải là em tao. Nếu mày muốn tóm ai đó thì đừng có trông vào tao.

Tôi lại đánh hấn, hấn ngã khỏi ghế. Tôi lật đổ bàn, tôi gào lên:

- Đó không phải là em tao!

Cô hầu bàn kêu lên ở ngoài phố:

- Cảnh sát đấy, cảnh sát đấy!

Có ai đó đã gọi cảnh sát, vì cảnh sát đến rất nhanh. Hai cảnh sát viên đi bộ. Trong quán rượu yên lặng như tờ. Một cảnh sát viên hỏi:

- Có chuyện gì xảy ra vậy? Đáng lẽ quán phải đóng cửa từ lâu rồi chứ?

Người bị tôi đánh rên rỉ:

- Nó đánh tôi.

Nhiều người chỉ vào tôi:

- Chính nó đấy.

Viễn cảnh sát dựng người đàn ông dậy:

- Đừng kêu ca nữa. Mày có sao đâu. Mày vẫn nhồi đầy như mọi hôm đấy thôi. Tốt hơn hết là mày về đi. Còn mọi người, tốt nhất là về nhà đi.

Hắn quay lại hỏi tôi:

- Còn ông, tôi không biết ông là ai. Xin cho xem giấy tờ.

Tôi cố chạy trốn, nhưng những kẻ đứng chung quanh tôi giữ tôi lại. Viên cảnh sát khám túi tôi, hẩn tìm được hộ chiếu của tôi. Hẩn xem xét rất lâu rồi nói với bạn đồng nghiệp:

- Hộ chiếu của hẩn hết hạn từ mấy tháng rồi. Ta phải mang hẩn đi thôi.

Tôi giãy dụa, nhưng họ còng tay tôi lại rồi buộc tôi ra ngoài phố. Tôi loạng choạng, tôi khó khăn lắm mới đi được, thế là họ còng tôi đến đồn cảnh sát. Họ tháo còng cho tôi, đặt tôi nằm xuống giường và đi ra sau khi đã đóng cửa.

Sáng hôm sau, một sĩ quan cảnh sát hỏi cung tôi. Hẩn trẻ, tóc màu hung, mặt đầy tàn nhang.

Hẩn bảo tôi:

- Ông không được lưu trú tại nước chúng tôi nữa, ông phải đi thôi.

- Tôi không còn tiền mua vé tàu. Tôi hết tiền rồi.

- Tôi sẽ thông báo cho sứ quán nước ông. Họ sẽ cho ông hồi hương.

- Tôi không muốn đi khỏi đây. Tôi còn phải tìm em tôi.

Viên sĩ quan nhún vai:

- Ông có thể trở lại khi ông muốn. Ông cũng có thể cư trú ở đây vĩnh viễn, nhưng muốn thế phải có những luật lệ. Tại sứ quán người ta sẽ giải thích cho ông. Còn về em ông, tôi sẽ tiến hành nghiên cứu. Ông có những tin tức gì về em ông có thể giúp chúng tôi không?

- Tôi có một bản thảo tự tay nó viết, trên căn phòng khách trong căn hộ của tôi bên trên cửa hàng sách.

- Làm cách nào ông lại có được bản thảo đó?

- Có một người đã gửi đến cho tôi ở phòng tiếp tân của khách sạn.

- Lạ thật, lạ thật.

Một buổi sáng tháng Mười một, tôi được triệu đến văn phòng viên sĩ quan.

Hẩn bảo tôi ngồi, chìa cho tôi tập bản thảo của tôi:

- Đây, tôi trả lại cho ông. Chỉ là một tác phẩm hư cấu, em ông chẳng dính dáng gì đến nó cả.

Chúng tôi im lặng. Cửa sổ mở. Trời mưa và lạnh. Cuối cùng viên sĩ quan nói:

- Ngay cả những gì liên quan đến ông, chúng tôi cũng không tìm thấy trong kho lưu trữ của thành phố.

- Tất nhiên rồi. Bà không bao giờ khai tên tôi ở tòa thị chính. Tôi cũng không bao giờ đến trường. Nhưng tôi biết là tôi sinh ra ở Thủ Đô.

- Kho lưu trữ ở Thủ Đô cũng bị các cuộc ném bom phá tan tành.

Rồi hắn nói thêm rất nhanh:

- Người ta đến đón ông vào lúc mười bốn giờ.

Tôi giấu tay tôi dưới gầm bàn vì chúng run lên.

- Mười bốn giờ hôm nay sao?

- Phải, tôi rất tiếc là đột ngột quá. Tôi xin nhắc lại, ông có thể trở về khi ông muốn. Ông cũng có thể ở lại vĩnh viễn. Nhiều người di tản đã làm thế. Nước chúng tôi bây giờ thuộc về thế giới tự do. Sắp tới ông cũng chẳng cần đến hộ chiếu nữa.

- Đối với tôi thì muộn rồi. Tôi bị bệnh tim. Nếu tôi trở về, đó là do tôi muốn chết ở đây. Còn em tôi, có lẽ nó chưa bao giờ tồn tại.

- Phải, đúng vậy. Nếu ông cứ tiếp tục kể chuyện em ông thì người ta sẽ cho là ông điên.

- Ông cũng nghĩ vậy sao?

- Không, tôi chỉ nghĩ rằng ông đã lẫn lộn thực tế với văn chương của ông. Tôi cũng nghĩ rằng ông nên trở lại nước ông, suy nghĩ đôi chút rồi quay lại đây, có lẽ là vĩnh viễn. Đó là điều tôi mong muốn cho ông và cho cả tôi.

- Đó có phải là do các ván cờ giữa chúng ta không?

- Không, không phải chỉ đó thế.

Hắn đứng lên và chìa tay ra cho tôi:

- Khi ông đi tôi không có mặt, vậy bây giờ tạm biệt ông. Ông hãy về phòng giam.

Người coi tù bảo tôi:

- Hình như hôm này ông đi.

- Phải, hình như thế.

Tôi nằm xuống giường và đợi. Đến trưa bà chủ hiệu sách mang soup đến. Tôi bảo bà rằng tôi phải đi. Bà khóc, bà lấy ra một cái áo len và bảo tôi:

- Tôi đã đan cho ông chiếc áo len này. Trời lạnh đấy, ông hãy mặc vào.

Tôi mặc áo và nói:

- Cảm ơn bà, tôi còn nợ bà hai tháng tiền nhà. Tôi hy vọng rằng sứ quán sẽ trả cho bà.

- Không quan trọng đâu! Ông sẽ trở lại phải không?

-Tôi sẽ cố gắng.

Bà ấy đi ra, nước mắt không cầm. Bà còn phải mở cửa hàng. Tôi và người coi tù ngồi trong phòng giam, hần nói:

- Thật buồn cười khi nghĩ rằng ngày mai ông sẽ không còn ở đây nữa. Nhưng chắc chắn rằng ông sẽ trở lại. Trong khi chờ đợi, tôi xóa cái bảng đá của ông.

- Ấy đừng, đừng xóa gì hết, Tôi sẽ trả nợ cho anh khi người của sứ quán đến.

- Không, không đó chỉ là vui đùa thôi mà , tôi thường chơi gian đấy.

- A hóa ra vì thế mà anh lúc nào cũng thắng.

- Ông đừng giận tôi, tôi không thể chơi mà không ăn gian.

Hần hít hít, rồi xịt mũi:

- Ông biết không, nếu tôi có một thằng con trai, tôi sẽ lấy tên ông đặt cho nó.

- Anh hãy lấy tên em tôi là Lucas mà đặt cho nó, như vậy tôi thích hơn.

Hần nghĩ ngợi:

- Lucas ư? Phải, cái tên cũng hay đấy. Tôi sẽ nói với vợ tôi. Có lẽ cô ấy cũng không phản đối đâu. Dù sao thì cô ấy cũng chẳng có gì mà nói. Tôi là người chỉ huy ở nhà.

- Tôi biết.

Một viên cảnh sát đến tìm tôi trong phòng giam. Tôi và người coi tù ra ngoài sân.

Ở đó có một người đàn ông ăn mặc chỉnh tề với mũ, ca vát, ô. Đá lát sân bóng lên dưới trời mưa.

Người đàn ông của sứ quán nói:

- Xe ô tô đang đợi chúng ta. Tôi đã thanh toán các món nợ của ông.

Hần nói bằng thứ tiếng mà lẽ ra tôi không nên biết, nhưng tuy nhiên tôi hiểu. Tôi chỉ người coi tù:

- Tôi nợ người này một số tiền. Đó là món nợ danh dự.

Hần hỏi:

- Bao nhiêu?

Hắn thanh toán, rồi nắm lấy cánh tay tôi, hắn đưa tôi ra chiếc ô tô màu đen đậu trước ngôi nhà. Một người tài xế đội mũ cát kết mở cửa xe.

Xe nổ máy. Tôi hỏi người đàn ông của sứ quán xem có thể dừng lại một lát trước cửa hiệu sách ở quảng trường Principale, nhưng hắn nhìn tôi không hiểu, và tôi nhận ra rằng tôi đã nói với hắn bằng thứ tiếng của địa phương này.

Người tài xế cho xe chạy nhanh, chúng tôi vượt qua quảng trường, chúng tôi qua phố ga, rồi chẳng mấy chốc cái thành phố bé nhỏ của tôi đã ở phía sau.

Trong xe rất nóng. Qua cửa xe, tôi nhìn làng mạc, ruộng đồng, các cây liễu và cây keo rũ rượi trong mưa gió.

Bất chợt, tôi quay về phía người của sứ quán:

- Đây không phải là đường ra biên giới. Chúng ta đang đi ngược lại.

Hắn nói:

- Trước tiên, chúng tôi đưa ông đến sứ quán ở thủ đô. Ông sẽ đi tàu qua biên giới trong vài ngày nữa.

Tôi nhắm mắt lại.

*

Đứa bé vượt biên giới.

Người đàn ông đi trước, đứa bé đợi. Một tiếng nổ. Đứa bé lại gần. Người đàn ông nằm gần rào chắn thứ hai. Thế là đứa bé lao lên. Giẫm đúng vào các vết chân, rồi giẫm lên thi thể bất động của người đàn ông. Nó sang bên kia, nó ẩn nấp đằng sau các bụi rậm.

Một đội lính biên phòng đến bằng xe ô tô địa hình. Có một viên đội và nhiều lính.

Một người nói:

- Tội nghiệp thằng ngu!

- Đó là tại không may thôi.

Viên đội hét lên:

- Đừng nói đến nữa. Phải mang cái xác về.

Bọn lính nói:

- Mang cái gì còn lại ấy à?

- Để làm gì?

Viên đội nói:

- Để nhận dạng. Phải mang xác về, đó là mệnh lệnh. Ai xung phong nào?

Bọn lính nhìn nhau:

- Có mình. Chúng ta có thể bỏ mạng ở đó.

- Thì sao nào? Đó là nhiệm vụ của các anh. Một lũ hèn.

Một tên lính giơ tay:

- Tôi xung phong.

- Hoan hô. Nào chàng trai, tiến lên. Các anh kia, lùi lại. Tên lính bước chậm chạp đến tận chỗ cái xác rách nát rồi bắt đầu chạy. Hắn chạy ngang chỗ thẳng bé mà không trông thấy nó.

Viên đội hét lên:

- Đồ tiểu! Bắn! Bắn đi!

Bọn lính không bắn.

- Nó sang bên kia rồi. Không thể bắn sang bên ấy được.

Viên đội nâng súng lên. Hai lính biên phòng nước ngoài xuất hiện phía trước mặt.

Viên đội hạ súng xuống, đưa cho một tên lính. Hắn bước tới cái xác, vác lên lưng, quay lại và ném cái xác xuống đất. Hắn lau mặt vào ống tay áo quân phục.

- Chúng mày chỉ là một lũ vô tích sự, đồ con hoang.

Bọn chúng gói cái xác vào tấm vải bạt, để đằng sau xe và đi. Hai tên lính biên phòng nước ngoài cũng đi nốt.

Đứa bé nằm im không động đậy, rồi ngủ thiếp đi. Sáng sớm hôm sau chim chóc làm nó thức giấc. Nó khép chặt chiếc áo khoác vào người, giậm giậm đôi ủng cao su và đi về phía làng. Nó gặp hai người lính biên phòng hỏi nó:

- Mày ở đâu đến?

- Từ bên kia biên giới.

- Mày đã vượt biên à? Bao giờ?

- Hôm qua, cùng với cha cháu. Nhưng ông ấy đã ngã xuống, đã nằm lại sau vụ nổ, bọn lính phía bên kia đã đến mang ông ấy đi.

- Phải, chúng tao cũng ở đó. Nhưng chúng tao không trông thấy mày. Tên lính đảo ngủ cũng không trông thấy mày.

- Cháu đã trốn, cháu sợ quá.
- Làm sao mà lại nói tiếng chúng tao?
- Cháu đã học với những binh sĩ trong chiến tranh. Các chú có tin rằng họ sẽ chăm sóc cha cháu không?

Bọn lính biên phòng nhìn xuống:

- Nhất định rồi, Lại đây, chắc mà đối lắm rồi.

Bọn lính biên phòng đưa thằng bé về tận làng, giao nó cho vợ một người lính.

- Cho nó ăn, rồi dẫn nó lên đồn cảnh sát. Bảo họ rằng mười một giờ chúng tôi sẽ ghé qua để báo cáo.

Người đàn bà to béo, tóc vàng, mặt đỏ và tươi tắn, hỏi đứa bé:

- Cháu có thích sữa và pho mát không? Cơm chưa nấu xong.
- Thưa cô, gì cháu cũng thích, gì cháu cũng ăn.
- Đợi một tí. Trước hết cháu phải đi rửa ráy đã, ít nhất cũng là mặt và tay. Cô sẽ giặt quần áo cho cháu, nhưng có lẽ cháu không có gì thay.
- Thưa cô, không có ạ.

- Cô cho cháu mượn áo của chồng cô. Áo quá rộng đối với cháu, nhưng không sao, chỉ việc xắn tay áo lên, Phòng tắm ở đằng kia.

Đứa bé lấy áo khoác và đôi ủng của nó mang vào phòng tắm. Nó tắm rửa, rồi trở lại nhà bếp, nó ăn bánh mì, pho mát, uống sữa. Nó bảo:

- Cháu cảm ơn cô!
- Cháu lễ phép và có giáo dục. Cháu lại nói tiếng nước chúng ta rất giỏi. Mẹ cháu ở lại bên ấy à?

- Không ạ, mẹ cháu chết trong chiến tranh.

- Tội nghiệp cháu. Lại đây, bây giờ chúng ta phải đến đồn cảnh sát. Cháu đừng sợ, chú cảnh sát rất tử tế, chú ấy là bạn của chồng cô.

Tại đồn, cô nói với viên cảnh sát:

- Đây là con trai của người đàn ông vượt biên hôm qua. Mười một giờ chồng tôi sẽ ghé qua. Tôi sẽ trông coi cậu bé này trong lúc chờ quyết định. Có lẽ phải thả nó ra thôi, nó chưa trưởng thành mà.

Viên cảnh sát nói:

- Sẽ xét sau. Dù sao thì đến bữa trưa tôi cũng trả nó cho cô.

Người thiếu phụ đi, người cảnh sát đưa cho đứa bé một tờ giấy ghi câu hỏi:

- Cháu hãy điền vào đó. Nếu cháu không hiểu câu hỏi thì hỏi chú.

Khi đứa bé trả lại tờ giấy, viên cảnh sát đọc to:

- Họ tên: Claus T. 18 tuổi. So với tuổi thì cháu còn bé.

- Đó là do lúc bé cháu bị bệnh.

- Cháu có thể can cước không?

- Không ạ. Cha cháu và cháu đã đốt hết giấy tờ trước khi đi.

- Tại sao vậy?

- Cháu không biết. Cha cháu bảo làm.

- Cha cháu giẫm phải mìn. Nếu cháu đi cạnh ông ấy, cháu cũng sẽ dính vào mìn.

- Cháu không đi cạnh ông ấy. Ông bảo cháu đợi cho ông đi qua bên ấy đã rồi hãy theo.

- Tại sao hai người lại vượt biên?

- Tại cha cháu muốn thế. Người ta giam cầm cha cháu, giám sát cha cháu. Ông ấy không muốn sống ở đó nữa. Ông đưa cháu đi cũng vì không muốn bỏ cháu lại một mình.

- Thế còn mẹ cháu?

- Mẹ cháu chết trong một vụ ném bom. Sau đó cháu đã sống với bà cháu, nhưng bà cũng chết rồi.

- Vậy ở đó cháu chẳng còn ai là người thân. Không ai có thể đòi cháu, trừ nhà cầm quyền nếu cháu phạm tội.

- Cháu không phạm tội.

- Thôi được, chỉ còn chờ quyết định của cấp trên. Hiện tại, cấm cháu không được rời khỏi làng. Đây, cháu hãy ký vào giấy tờ này.

Đứa bé ký và tờ biên bản trong đó có ba điều gian dối. Người đàn ông vượt biên giới cùng với nó không phải là cha nó. Đứa bé mười lăm tuổi chứ không phải mười tám. Nó không có tên là Claus.

Vài tuần sau một người đàn ông từ thành phố đến căn nhà của người lính biên phòng. Hắn nói với đứa bé.

- Chủ tên là Peter N. Từ nay chú phụ trách cháu. Đây là thẻ căn cước của cháu, chỉ thiếu chữ ký của cháu nữa thôi.

Đưa bé nhìn cái thẻ. Năm sinh của nó đã được giảm đi ba năm, tên nó là Claus, quốc tịch: không.

Ngày hôm đó, Peter và Claus đi ô tô ca ra thành phố. Trong lúc đi đường, Peter hỏi:

- Claus, trước kia cháu làm gì? Có phải là sinh viên không?

- Không, cháu làm vườn, cháu chăm sóc gia súc, cháu thổi kèn trong các quán rượu, cháu mang vali cho hành khách.

- Sau này cháu muốn làm gì?

- Cháu không biết. Tại sao cứ nhất thiết phải làm một cái gì?

- Phải kiếm tiền để sống chứ?

- Điều này thì cháu biết. Cháu lúc nào cũng kiếm tiền.

- Một chút tiền thôi sao? Làm bất cứ việc gì sao? Cháu có thể được học bổng và đi học.

- Cháu không thích đi học.

- Tuy nhiên cháu phải học đôi chút để nắm được ngôn ngữ một cách đúng đắn.

Cháu nói khá tốt, những còn phải biết đọc, biết viết. Cháu sẽ ở chung với các sinh viên khác trong một ngôi nhà dành cho thanh niên. Cháu sẽ theo một lớp học tiếng, sau đó sẽ xét.

Peter và Claus qua đêm trong khách sạn một thành phố lớn. Sáng ra họ đi tàu đến một thành phố nhỏ hơn nằm giữa một cái hồ và một khoảng rừng. Ngôi nhà dành cho thanh niên nằm trong một phố dốc, giữa một khu vườn gần trung tâm thành phố.

Ông giám đốc và bà giám đốc nhà thanh niên đón tiếp họ, dẫn Claus về buồng.

Cửa sổ trông ra khu vườn.

Claus hỏi:

- Ai trông coi vườn?

Bà giám đốc nói:

- Chính tôi, nhưng bọn trẻ giúp tôi rất nhiều.

Claus nói:

- Cháu sẽ giúp bà. Hoa của bà rất đẹp.

Ba giám đốc nói:

- Cảm ơn cháu. Ở đây, cháu hoàn toàn được tự do, nhưng buổi tối muộn nhất là một giờ cháu phải về. Cháu phải tự dọn dẹp buồng của cháu. Cháu có thể hỏi bà gác cổng cái máy hút bụi.

Ông giám đốc nói:

- Nếu cháu có vấn đề gì thì đến gặp chú.

Peter nói:

- Cháu ở đây sẽ tốt, phải không Claus?

Người ta chỉ cho Claus nhà ăn, nhà tắm và phòng họp. Người ta giới thiệu nó với các cô gái và các chàng trai ở đây.

Sau này, Peter đưa Claus đi thăm thành phố, rồi đưa nó về nhà.

- Cháu có thể tìm chú ở đây nếu cháu cần đến chú. Đây là Clara, vợ chú.

Họ cũng ăn cơm trưa với nhau, cả ba người, sau đó buổi chiều họ qua các cửa hàng để mua quần áo và giày dép.

Claus nói:

- Suốt đời cháu cũng không có nhiều quần áo như thế này.

Peter mỉm cười:

- Cháu có thể vứt cái áo khoác cũ của cháu và cả đôi ủng nữa. Mỗi tháng cháu sẽ được nhận một số tiền cho đồ dùng học tập của cháu và để tiêu vặt. Nếu cháu có cần gì thêm, hãy bảo chú. Tiền ăn học của cháu tất nhiên là được thanh toán.

- Ai cho cháu tất cả số tiền đó? Có phải chú không?

- Không, chú chỉ là người đỡ đầu. Tiền đó là của nhà nước. Cháu không có cha mẹ, nhà nước phải chia trách nhiệm về cháu cho đến khi cháu đủ khả năng để kiếm sống.

- Cháu hy vọng rằng cháu sẽ sớm làm được việc đó.

- Một năm nữa, cháu sẽ quyết định xem cháu muốn học hay học nghề.
- Cháu không thích học.
- Để xem, để rồi xem. Cháu không có tham vọng gì sao?
- Tham vọng ư? Cháu cũng không biết nữa. Cháu chỉ muốn được yên thân để viết thôi.
- Viết ư? Sao? Cháu muốn trở thành nhà văn ư?
- Vâng, không cần phải học mới trở thành nhà văn. Chỉ cần biết viết mà không để nhiều lỗi. Cháu muốn học viết thứ tiếng của chú một cách đúng đắn, nhưng thế là đủ.

Peter nói:

- Người ta không kiếm sống được bằng viết lách đâu.

Claus nói:

- Cháu biết vậy, nhưng cháu có thể làm việc ban ngày và đến đêm thì viết. Đó là điều cháu đã từng làm ở nhà Bà.
- Sao? Cháu đã viết rồi à?
- Vâng, cháu đã viết đầy mấy quyển vở. Chúng được bọc trong cái áo khoác cũ của cháu. Khi nào cháu học viết bằng thứ tiếng của chú, cháu sẽ dịch và đưa chú xem.

Claus tháo sợi dây buộc chiếc áo khoác cũ, và đặt năm cuốn vở học sinh lên bàn.

Peter mở hết quyển nọ đến quyển kia:

- Chú thực sự tò mò muốn biết trong những quyển vở đó có gì? Đó có phải là một thứ nhật ký không?

Claus nói:

- Không ạ, đó là những điều dối trá.
- Điều dối trá ư?
- Vâng, những điều bịa đặt, những truyện không thực, nhưng có thể là thực.
- Cháu hãy khẩn trương học viết bằng tiếng của chú đi.

*

Chúng tôi đến thủ đô vào lúc bảy giờ tối. Thời tiết xấu đi, trời lạnh, những giọt mưa biến thành tinh thể đá.

Tòa nhà sứ quán có một khu vườn rộng bao quanh. Người ta dẫn tôi vào một căn

buồng ấm áp có giường đôi và một phòng tắm, giống như buồng khách sạn loại sang. Một cậu bé mang cơm đến cho tôi. Tôi chỉ ăn rất ít. Bữa cơm này không giống những bữa cơm mà tôi đã quen thuộc tại thành phố nhỏ. Tôi đặt cái khay trước cửa. Cách đây vài thước, một người đàn ông ngồi trong hành lang.

Tôi tắm, tôi đánh răng bằng một cái bàn chải mới toanh tìm thấy trong phòng tắm. Tôi còn tìm được một cái áo choàng và một bộ quần áo ngủ trên giường. Tôi đi nằm. Tôi lại bị đau. Tôi đợi một chút, nhưng những cơn đau không sao chịu nổi. Tôi đứng dậy, lục vali, và tìm được thuốc, tôi uống hai viên rồi tôi lại đi nằm. Các cơn đau không những giảm mà còn lại tăng. Tôi lê người đến cửa, mở ra, người đàn ông vẫn ngồi đó. Tôi bảo hắn:

- Tôi ốm, bệnh tim, tôi cần thầy thuốc, hãy giúp tôi.

Hắn nhắc ống nghe điện thoại gắn trên tường cạnh hắn. Sau đó tôi ngất đi, tôi không nhớ gì nữa. Tôi tỉnh lại trên một chiếc giường bệnh viện.

Tôi lại ở bệnh viện ba ngày. Tôi phải chịu mọi thứ khám nghiệm. Cuối cùng thầy thuốc khoa tim bảo tôi:

- Anh có thể đứng dậy và mặc quần áo vào. Người ta sẽ đưa anh về sứ quán.

Tôi hỏi:

- Ông không mỗ cho tôi sao?

- Không cần phải mỗ. Tim anh hoàn toàn tốt. Các cơn đau của anh là do sự lo âu, bồn chồn, tâm thần bất ổn. Anh đừng uống Trinitrine nữa, hãy uống thuốc an thần loại mạnh tôi đã kê cho anh. Anh đừng sợ, anh còn sống lâu đấy.

- Tôi không muốn sống lâu.

- Khi nào tâm thần anh ổn định, anh sẽ đổi ý cho mà xem.

Một chiếc xe ô tô đưa tôi về sứ quán. Người ta dẫn tôi vào một phòng làm việc.

Một người đàn ông trẻ, tóc xoăn, vẻ tươi cười, chỉ cho tôi cái ghế bành da.

- Mời ông ngồi. Tôi rất mừng là mọi việc ở bệnh viện đều tốt đẹp. Nhưng không phải vì thế mà tôi mời ông đến. Có phải ông đang tìm gia đình và đặc biệt là em ông không?

- Vâng, em sinh đôi với tôi. Nhưng không hy vọng gì. Ông tìm thấy một cái gì đó chẳng? Người ta bảo tôi rằng kho lưu trữ hồ sơ bị phá hủy.

- Tôi không cần tài liệu lưu trữ. Tôi chỉ việc mở danh bạ điện thoại. Trong thành phố này có một người mang tên như ông, cùng họ như ông.

- Claus?

- Phai, Klaus T, với một chữ K. Rõ ràng hẳn không thể là em ông. Tuy nhiên hẳn có thể là bà con với ông và cho ông tin tức. Đây là địa chỉ và số điện thoại của hẳn trong trường hợp ông muốn tiếp xúc với hẳn.

- Tôi không biết. Trước tiên tôi muốn xem cái phố và ngôi nhà hẳn ở.

- Tôi hiểu ông. Vào khoảng năm giờ chiều chúng ta có thể dạo qua đó một vòng.

Tôi sẽ đi cùng với ông. Không có giấy tờ hợp lệ ông không thể đi một mình được đâu.

Chúng tôi qua thành phố. Trời gần tối. Trong xe, người đàn ông tóc xoăn bảo tôi:

- Tôi đã cho hỏi về người đàn ông trùng tên với ông. Đó là một trong những nhà thơ quan trọng nhất của đất nước.

- Bà chủ hiệu sách cho tôi thuê nhà chưa bao giờ nói với tôi về ông ấy. Tuy nhiên bà phải biết cái tên ấy chứ.

- Không nhất thiết. Klaus T. viết dưới bút danh Klaus Lucas. Ông ta nổi tiếng là kẻ ghét người, không ai trông thấy ông ta ở nơi công chúng, không ai biết đời tư của ông ta.

Xe ô tô dừng lại trong một ngõ hẻm giữa hai dãy nhà một tầng, có vườn bao bọc.

Người đàn ông tóc xoăn nói:

- Đây rồi. Nhà số mười tám. Đây là một trong những khu đẹp nhất của thành phố, khu yên tĩnh nhất và cũng đắt tiền nhất.

Tôi không nói gì. Tôi nhìn ngôi nhà, nó hơi thụt vào một chút. Từ vườn có vài bậc dẫn đến cửa vào. Ở bốn cửa sổ trông ra phố, các cánh chớp màu xanh vẫn mở. Trong bếp ánh đèn vẫn sáng, hai chiếc cửa sổ phòng khách chẳng mấy chốc bùng lên một ánh sáng xanh. Phòng làm việc lúc này vẫn tối om. Phần nhà ở phía sau trông ra sân không nhìn thấy từ đây. Tại nơi này có ba phòng: buồng ngủ của bố mẹ, buồng của bọn trẻ và một buồng dành cho khách thường dùng làm nơi khâu vá của mẹ.

Ngoài sân có một cái lán để gỗ, để xe đạp và các thứ đồ chơi cồng kềnh. Tôi còn nhớ hai chiếc xe đạp ba bánh và những chiếc xe hẩy bằng gỗ. Tôi còn nhớ những chiếc vòng mà chúng tôi lăn bằng một cái que dọc theo phố. Một cái điều to đặt dựa

vào tường. Ngoài sân còn có một cái đu có hai ghế treo cạnh nhau. Mẹ chúng tôi đẩy chúng tôi bay lên tận cành cây hồ đào bây giờ có lẽ vẫn còn sau nhà.

Người của sứ quán hỏi tôi:

- Tất cả những cái này có nhắc nhở ông điều gì không?
- Không, hồi đó tôi mới lên bốn.
- Ông có muốn vào ngay bây giờ không?
- Không. Tối nay tôi sẽ gọi điện.
- Phải, như thế tốt hơn. Hẳn không phải là người dễ tiếp người khác. Có lẽ ông sẽ không gặp được hẳn đâu.

Chúng tôi về sứ quán. Tôi lên phòng của tôi. Tôi chuẩn bị gọi điện thoại. Tôi uống một viên thuốc an thần, tôi mở cửa sổ. Tuyết rơi. Những nụ tuyết rơi xuống cỏ úa ngoài vườn gây nên một tiếng động nhẹ. Tôi nằm xuống giường.

*

Tôi bước ra ngoài phố, một thành phố xa lạ. Tuyết rơi, trời mỗi lúc một tối. Những phố tôi qua mỗi lúc một tối tăm hơn. Ngôi nhà ngày xưa của chúng tôi nằm trong một phố cuối cùng. Xa hơn nữa là nông thôn. Phía trước nhà là một quán rượu. Tôi vào quán, gọi một chai rượu vang. Tôi là khách hàng duy nhất.

Cửa sổ ngôi nhà sáng lên cùng một lúc. Tôi nhìn thấy những cái bóng di chuyển ngang qua các tấm màn rido. Tôi uống nốt chai rượu, ra khỏi quán, qua đường và gõ vào cửa vườn. Không ai trả lời, tôi mở cái cửa bằng sắt rèn, nó không bị khóa. Tôi leo lên năm bậc dẫn đến cửa hiên nhà. Tôi kéo chuông, hai lần, ba lần. Một giọng đàn ông hỏi đằng sau cánh cửa:

- Cái gì vậy? Ông cần gì? Ông là ai?

Tôi nói:

- Tôi là Claus đây mà.
- Claus à? Claus nào?
- Ông không có một đứa con trai tên là Claus sao?
- Con trai tôi ở đây, trong nhà này với chúng tôi. Ông đi đi cho.

Người đàn ông đi ra xa cửa. Tôi lại giật chuông, tôi đập cửa, tôi kêu lên:

- Cha, cha ời, cho con vào đi. Con nhầm, tên con là Lucas. Con là con trai Lucas

của cha đây.

Một giọng đàn bà nói:

- Để nó vào đi.

Cửa mở. Một ông già bảo tôi:

- Vào đi.

Ông ta vào phòng khách trước tôi và ngồi vào một chiếc ghế bành. Một bà già ngồi trong một cái ghế khác. Bà ta bảo tôi:

- Thế nào? Anh bảo anh là Lucas con trai chúng tôi ư? Vậy từ trước tới giờ anh ở đâu?

- Ở nước ngoài.

Cha tôi bảo:

- Vậy đó, ở nước ngoài. Thế bây giờ anh về để làm gì?

- Để thăm cha, cả mẹ và Klaus nữa.

Mẹ tôi bảo:

- Klaus, nó có đi đâu.

Cha bảo:

- Chúng ta đã tìm anh hàng năm trời.

Mẹ nói tiếp:

- Sau đó chúng ta đã quên anh. Lẽ ra anh không nên về. Anh phiền nhiễu mọi người. Chúng ta đang có một cuộc sống yên ổn, chúng ta không muốn bị quấy rầy.

- Claus đâu? Con muốn gặp nó.

Mẹ nói:

- Nó đang ở trong buồng như mọi ngày. Nó đang ngủ, không được đánh thức nó.

Nó mới có bốn tuổi, nó cần ngủ.

Cha nói:

- Chẳng có gì chứng tỏ anh là Lucas. Anh đi đi.

Tôi không nghe họ nữa, tôi rời phòng khách, tôi mở cửa buồng của bọn trẻ, tôi bật đèn trần. Một thằng bé ngồi trên , nó nhìn tôi và bắt đầu khóc. Cha mẹ tôi chạy lại.

Mẹ bế thằng bé lên tay và ru nó.

- Đừng sợ, con bé bỏng của mẹ.

Cha nắm lấy cánh tay tôi, đưa tôi qua phòng khách và hiên nhà, mở cửa và đẩy tôi vào cầu thang.

- Anh đã đánh thức nó, đồ đần độn. Cút ngay!

Tôi ngã, đầu tôi va vào một bậc thang, tôi chảy máu, tôi nằm trong tuyết.

*

Cái rét làm tôi tỉnh lại. Gió và tuyết tràn vào buồng tôi, phía trước cửa sổ, sân nhà bị ướt. Tôi đóng cửa sổ, tôi tìm một chiếc giẻ trong phòng tắm và lau vũng nước. Tôi run, răng tôi va vào nhau. Phòng tắm ấm áp, tôi ngồi trên mép bồn tắm, uống một viên an thần, tôi đợi cho cơn run qua đi.

Bấy giờ tối. Người ta mang cơm cho tôi. Tôi yêu cầu người hầu bàn một chai rượu vang.

Hắn bảo tôi:

- Để tôi đi xem.

Vài phút sau hắn mang rượu ra. Tôi bảo:

- Anh có thể dọn mâm đi.

Tôi uống rượu. Tôi bước đi trong buồng, từ cửa sổ đến cửa ra vào, từ cửa ra vào đến cửa sổ.

Đến tám giờ, tôi ngồi xuống giường và quay số điện thoại của em tôi.

PHẦN HAI

Tám giờ, chuông điện thoại reo. Mẹ tôi đã đi nằm. Tôi xem tivi, một phim hình sự như mọi buổi tối.

Tôi nhè miếng bích quy tôi đang ăn vào một tờ giấy.

Tôi nhắc điện thoại lên. Tôi không nói tên mà chỉ nói:

-Alo, tôi nghe đây.

Một giọng đàn ông ở đâu đây nói:

- Lucas T đây. Tôi muốn nói chuyện với anh tôi là Klaus T.

Tôi im lặng. Mồ hôi chảy dọc sống lưng tôi. Cuối cùng tôi nói:

- Đó là một sự nhầm lẫn. Tôi không có em nào cả.

Giọng kia nói:

- Có đấy, một người em sinh đôi tên Lucas.

- Em tôi chết từ lâu rồi.

- Không, em không chết. Em vẫn sống, em muốn gặp anh Klaus.

- Ông đang ở đâu? Ông từ đâu đến?

- Em đã sống rất lâu từ nước ngoài. Hiện em đang ở đây, ở thủ đô, tại sứ quán D.

Tôi hít một hơi dài và nói một lèo:

- Tôi không tin rằng ông là em tôi. Tôi không bao giờ tiếp khách, tôi không muốn bị quấy rầy.

Hắn năn nỉ:

- Anh Klaus, năm phút thôi mà. Em chỉ xin anh năm phút thôi. Hai ngày nữa em sẽ đi khỏi đất nước này và em sẽ không trở lại đâu.

- Ngày mai ông hãy đến, và đừng đến trước tám giờ tối.

Hắn ngắt máy điện thoại.

Tôi lau trán. Tôi quay lại cái tivi. Tôi không còn hiểu gì về bộ phim nữa. "Nhà ta", phải trước kia đây là nhà chúng tôi, nhưng đã lâu lắm rồi. Bây giờ, đây là nhà tôi, mọi cái ở đây là của tôi, của một mình tôi.

*

Tôi nhẹ nhàng mở cửa buồng mẹ. Mẹ đang ngủ, mẹ bé tẹo, ai cũng ngỡ là một đứa trẻ. Tôi vén những sợi tóc bạc trên mặt mẹ, hôn lên trán mẹ, vuốt ve hai bàn tay nhăn nheo đặt trên chăn. Mẹ mỉm cười trong giấc ngủ, xiết chặt tay tôi và thì thầm:

- Con bé bóng của mẹ, con đây rồi.

Rồi bà nói thêm:

- Lucas, Lucas bé bỏng của mẹ.

Tôi ra khỏi buồng, tôi lấy một chai rượu mạnh trong bếp, tôi vào phòng làm việc để viết như mọi đêm. Phòng này là của cha tôi, tôi không thay đổi gì trong đó, vẫn là cái máy chữ cũ kỹ, vẫn cái ghế bằng gỗ không thuận tiện, cái đèn, cái giá bút. Tôi thử viết, nhưng tôi chỉ có thể khóc mà nghĩ đến "cái điều" nó làm hỏng cuộc sống của chúng ta, cuộc sống của tất cả chúng ta.

Ngày mai Lucas sẽ đến. Tôi biết rằng chính nó. Ngay từ hồi chuông điện thoại đầu tiên tôi đã biết rằng chính là nó. Chuông điện thoại của tôi hầu như không bao giờ reo. Nếu tôi đã cho đặt điện thoại ấy là để phục vụ mẹ, những ngày tôi không có đủ

sức đi đến tận siêu thị để đặt hàng hoặc những ngày tình trạng sức khỏe của mẹ không cho phép tôi đi ra ngoài.

Ngày mai Lucas sẽ đến, làm thế nào để mẹ không biết? để mẹ không thức giấc trong lúc Lucas đến thăm? Hay là đưa mẹ đi nơi khác? hay chạy trốn? trốn đâu? Làm thế nào đây? Nói với mẹ thế nào? Chúng tôi chưa bao giờ rời khỏi đây. Mẹ không muốn đi khỏi đây. Mẹ nghĩ rằng đây là nơi duy nhất Lucas có thể tìm được chúng tôi khi nó trở về.

Quả vậy, chính tại nơi đây nó đã tìm thấy chúng tôi, nếu chính là nó. Chính là nó. Tôi không cần một chứng cứ nào để biết điều đó. Tôi đã biết, tôi luôn luôn biết rằng nó không chết, rằng nó sẽ trở về.

Nhưng tại sao lại vào lúc này? Tại sao lại muộn đến thế? Tại sao lại vắng mặt đến năm chục năm trời?

Tôi phải tự bảo vệ mình. Tôi phải tự bảo vệ mẹ. Tôi không muốn Lucas phá hoại sự yên bình của chúng tôi, những thói quen của chúng tôi, hạnh phúc của chúng tôi. Tôi không muốn có những xáo trộn trong cuộc sống của chúng tôi. Cả mẹ lẫn tôi đều không chịu nổi nếu Lucas lục lại quá khứ, khuấy động những kỷ niệm, đặt ra cho mẹ những câu hỏi.

Bằng mọi giá tôi phải gạt Lucas ra, ngăn cản nó khoét sâu vết thương dễ sợ.

Đang là mùa đông. Tôi phải tiết kiệm than. Tôi sưởi nóng buồng mẹ bằng một lò sưởi điện mà tôi cho chạy một giờ trước khi mẹ đi nằm, mà tôi tắt khi mẹ ngủ và tôi lại bật một giờ trước khi mẹ thức dậy.

Còn về phần tôi, sức nóng của bếp lò và lò sưởi bằng than ở phòng khách cũng đủ cho tôi. Tôi dậy sớm để nhóm lửa trước ở nhà bếp, và khi đã có đủ than hồng, tôi mang một ít cho vào lò sưởi phòng khách. Tôi cho thêm vào lò vài viên than, thế là nửa giờ sau ở đây cũng ấm.

Về khuya khi mẹ đã ngủ, tôi mở cửa phòng làm việc, nhiệt lượng của phòng khách tràn vào ngay lập tức. Phòng làm việc nhỏ nên ấm lên rất nhanh. Ở đây tôi mặc quần áo ngủ, hoặc mặc áo trong nhà để viết. Như thế, sau khi viết xong tôi chỉ việc vào buồng và đi ngủ.

Đêm này tôi đi vòng tròn trong căn hộ. Tôi ghé qua và dừng lại nhiều lần trong

bếp. Rồi tôi lại vào buồng của bọn trẻ. Tôi nhìn ra vườn. Cảnh cây trụi lá của cây hồ đào cọ vào cửa sổ. Một lớp tuyết mong phủ lên cảnh cây, lên mặt đất thành từng lớp váng băng.

Tôi đi từ phòng này sang phòng khác. Tôi đã mở cửa phòng làm việc, ở đây tôi sẽ đón tiếp em tôi. Tôi sẽ đóng cửa ngay khi em tôi tới đây, nếu có lạnh cũng mặc vì tôi không muốn mẹ nghe thấy chúng tôi hoặc giá những câu chuyện trò của chúng tôi làm mẹ thức giấc. Trong những trường hợp này tôi sẽ nói gì? Tôi sẽ nói:

- Mẹ hãy ngủ lại đi, chỉ là một ông nhà báo thôi,

Và tôi sẽ nói với em tôi:

- Đây là Antonia, mẹ vợ tôi. Bà ấy ở nhà chúng tôi từ mấy năm nay, sau khi góa chồng. Bà ấy không được tỉnh táo. Bà ấy nhầm lẫn mọi thứ, lẫn lộn mọi thứ. Bà ấy đôi khi cho rằng mình là mẹ đẻ của tôi, lấy cớ là bà đã nuôi nấng tôi.

Tôi phải ngăn không cho họ gặp nhau, nếu không họ sẽ nhận ra nhau. Mẹ sẽ nhận ra Lucas. Và nếu Lucas không nhận ra mẹ, thì mẹ khi nhận ra nó sẽ nói với nó:

- Lucas, con trai của mẹ.

Tôi không muốn nghe câu "Lucas, con trai của mẹ". Không phải lúc này.

Hôm nay, trong lúc mẹ ngủ trưa tôi đã vận tất cả các loại đồng hồ trong nhà đi trước một giờ. May sao vào hồi đó trời tối rất sớm.

Tôi chuẩn bị cơm cho mẹ sớm một tiếng đồng hồ, cà rốt nghiền với khoai tây, thịt băm nướng chả và món kem caramen tráng miệng.

Tôi dọn bàn ăn trong bếp, tôi đi tìm mẹ trong buồng. Mẹ vào bếp và nói:

- Mẹ vẫn chưa đói.

- Mẹ thì chẳng bao giờ đói. Nhưng mẹ phải ăn đi mới được.

- Mẹ sẽ ăn sau.

- Thức ăn sẽ nguội mất.

- Con chỉ việc hâm nóng lại. Hoặc là mẹ sẽ chẳng ăn gì hết.

- Con pha cho mẹ thuốc để mẹ ăn ngon miệng nhé.

Trong nước thuốc, tôi cho vào một loại thuốc ngủ mà mẹ vẫn quen dùng.

Mười phút sau mẹ ngủ thiếp đi trước tivi. Tôi bế mẹ lên, đưa mẹ về buồng và đặt mẹ nằm.

Tôi trở lại phòng khách. Tôi vặn tiếng của tivi bé lại. Tôi vặn lại kim đồng hồ trong nhà bếp và trong phòng khách theo đúng giờ.

Tôi vẫn còn thời gian để ăn trước khi em tôi đến.

Tôi ăn trong nhà bếp một chút cả rất nghiền, một chút thịt băm nướng. Mẹ nhai không được tốt mặc dù tôi đã làm cho mẹ hàm răng giả cách đây chưa lâu. Tiêu hóa của mẹ cũng không tốt nốt.

Khi tôi ăn xong, tôi rửa bát, tôi cất thức ăn thừa vào tủ lạnh, vừa đủ cho bữa trưa.

Tôi vào phòng khách. Tôi chuẩn bị hai cái cốc và một chai rượu đặt lên cái bàn nhỏ cạnh ghế bành của tôi. Tôi uống rượu và đợi. Đúng tám giờ, tôi đi xem mẹ ra sao. Mẹ ngủ rất say. Bộ phim hình sự bắt đầu. Tôi cố xem thử. Khoảng tám giờ hai mươi, tôi bỏ phim, tôi đến đứng trước cửa sổ nhà bếp. Ở đây, ánh đèn đã tắt, không ai có thể trông thấy tôi từ bên ngoài.

Đúng tám giờ rưỡi, một chiếc ô tô màu đen đứng trước nhà, rồi đậu trên vỉa hè.

Một người đàn ông bước ra, tới gần sát cửa sắt và kéo chuông.

Tôi trở vào phòng khách nói vào ống nói:

- Mời vào, cửa mở đấy.

Tôi bật đèn hiên nhà, tôi ngồi vào ghế bành, em tôi đi vào. Nó gầy và xanh, nó khập khiễng đi lại phía tôi, tay cầm một chiếc cặp. Những giọt lệ dâng lên mắt tôi, tôi đứng dậy, tôi chìa tay ra:

- Mừng ông đã đến.

- Em sẽ không làm phiền anh lâu đâu. Ô tô đang đợi em.

- Hãy vào phòng làm việc của tôi đi. Ở đây chúng ta sẽ thoải mái hơn.

Tôi vặn để tiếng tivi. Nếu mẹ thức dậy, mẹ sẽ nghe thấy tiếng phim hình sự như mọi tối.

Em tôi hỏi:

- Anh không tắt tivi à?

- Không, tại sao lại tắt? Trong phòng làm việc chúng ta sẽ không nghe thấy gì đâu.

Tôi lấy chai rượu và hai cái cốc, tôi ngồi sau bàn, và chỉ cái ghế trước mặt tôi.

- Ông ngồi xuống đi, làm một cốc nhé.

- Vâng.

Chúng tôi uống rượu, em tôi nói:

- Đây là phòng làm việc của cha chúng ta. Chẳng có gì thay đổi cả. Em nhận ra cái đèn, máy chữ, bàn ghế.

Tôi mỉm cười:

- Ông còn nhận ra gì nữa không?

- Em còn nhận ra cái hiên nhà và phòng khách. Em biết nhà bếp, buồng trẻ con và buồng bố mẹ ở chỗ nào.

Tôi bảo:

- Cái đó thì có khó gì. Tất cả nhà ở đây đều xây theo cùng một kiểu.

- Trước cửa buồng trẻ con, có một cây hồ đào. Cảnh của nó chạm vào cửa kính, và có một cái đu treo vào đó, nó có hai chiếc ghế. Ở cuối sân, chúng ta xếp xe đẩy và xe đạp ba bánh dưới mái che.

Tôi nói:

- Còn có đồ chơi dưới mái che, nhưng không phải những thứ đó. Chúng là của lũ cháu tôi.

Chúng tôi im lặng. Tôi lại rót đầy các cốc. Khi đặt xuống, Lucas hỏi:

- Anh Klaus, anh nói cho em biết, cha mẹ chúng ta đâu.

- Cha mẹ tôi chết rồi. Còn cha mẹ ông thì tôi không biết.

- Klaus, tại sao anh lại không gọi em là em. Em là em Lucas của anh cơ mà. Tại sao anh không muốn tin em.

- Bởi vì em tôi đã chết rồi. Tôi muốn xem giấy tờ của ông, nếu ông không lấy làm phiền.

Em tôi lấy từ túi ra một hộ chiếu nước ngoài và đưa cho tôi. Nó bảo:

- Anh đừng quá tin vào nó, trong đó có vài sự nhầm lẫn.

Tôi xem xét hộ chiếu.

- Vậy tên ông là Claus với một chữ C. Ngày sinh của ông cũng không trùng với ngày sinh của tôi, mặc dù tôi và Lucas là anh em sinh đôi. Ông hơn tôi ba tuổi.

Tôi trả lại hộ chiếu cho hắn. Tay em tôi run lên, ca giọng nói cũng run:

- Khi em vượt biên, em mười lăm tuổi. Em đã khai tăng tuổi để có vẻ già hơn, nghĩa là trưởng thành. Em không muốn bị đặt dưới sự giám hộ.

- Thế còn tên? Tại sao lại thay đổi tên?

- Vì anh đó, Klaus. Khi em điền vào tờ khai tại văn phòng của lính biên phòng, em đã nghĩ đến anh, đến tên anh, cái tên đã đi cùng em suốt thời thơ ấu. Thế là đáng lẽ ghi Lucas, em đã viết Claus. Anh cũng làm vậy khi cho đăng thơ của anh với cái tên Klaus Lucas. Tại sao lại Lucas? Để nhớ đến em chăng?

Tôi nói:

- Để nhớ đến em tôi, đúng vậy. Nhưng làm sao ông biết tôi cho đăng thơ?

- Em cũng viết nhưng không phải làm thơ.

Hắn mở cặp, lấy ra một cuốn vở học sinh dày và đặt lên bàn.

- Đây là tập bản thảo cuối cùng của em. Nó chưa hoàn thành. Em không có thời gian viết cho xong, em để lại nó cho anh. Anh sẽ hoàn thành nó, anh phải làm cho xong đi.

Tôi mở quyển vở, nhưng hắn giữ tay tôi lại:

- Không, không phải bây giờ, sau khi em đi đã. Có một điều quan trọng em muốn biết. Vết thương của em từ đâu mà có?

- Vết thương nào?

- Một vết thương gần cột sống, do đạn bắn. Do đâu mà có?

- Làm sao tôi biết? Lucas em tôi, không có vết thương nào cả. Hồi nhỏ nó bị bệnh, hình như là bệnh bại liệt trẻ em. Khi nó chết tôi mới lên bốn hoặc lên năm, tôi không thể nhớ chính xác được. Điều mà tôi biết là do sau đó người ta nói với tôi.

- Phải, đúng vậy. Từ lâu em cũng nghĩ là em bị một bệnh của trẻ con. Người ta cũng bảo em thế. Nhưng sau này em biết rằng em bị đạn bắn. Ở đây? Như thế nào? Lúc đó chiến tranh vừa xảy ra.

Tôi im lặng, tôi nhún vai, Lucas lại nói:

- Nếu em anh đã chết, thì phải có mộ. Vậy mộ đâu? Anh có thể chỉ chỗ cho em được không?

- Không, tôi không chỉ được vì nó được chôn trong một cái hố chung tại thành phố S.

- Vậy ư? Thế còn mộ của cha, mộ của mẹ ở đâu? Anh có thể chỉ chỗ được không?

- Tôi cũng chịu không thể chỉ được. Sau chiến tranh cha tôi không về, còn mẹ tôi

được chôn cùng với Lucas tại thành phố S.

Hắn hỏi:

- Vậy em không chết vì bệnh bại liệt.

- Em tôi thì không. Nó chết trong một vụ ném bom. Mẹ tôi vừa đưa nó đến thành phố S để người ta quản lý nó trong một trung tâm cải tạo. Trung tâm bị ném bom cả mẹ tôi và em tôi đều không trở về.

Lucas nói:

- Nếu có người bảo anh thế, thì người đó đã nói dối. Mẹ không đưa em đến thành phố S và mẹ cũng chẳng bao giờ đến đó thăm em. Em đã sống nhiều năm ở trung tâm với căn bệnh giả vờ trước khi Trung Tâm bị đánh bom. Sau vụ ném bom đó, em đã sống sót.

Tôi lại nhún vai:

- Ông thì sống, con mẹ tôi và em tôi thì không.

Chúng tôi nhìn vào mặt nhau, tôi không nao núng trước cái nhìn của hắn:

- Ông thấy đấy, đó là hai số phận khác nhau. Ông phải tiếp tục tìm kiếm một hướng khác thôi.

Hắn lắc đầu:

- Không, anh biết rõ mà. Anh biết rằng em là em trai Lucas của anh, nhưng anh chối bỏ nó. Anh sợ gì vậy? Klaus, anh hãy nói đi, anh sợ gì vậy?

Tôi đáp:

- Chẳng sợ gì, Tôi có thể sợ gì nhỉ? Nếu tôi biết rõ ông là em tôi, tôi sẽ là người sung sướng nhất vì đã tìm được em tôi.

Hắn hỏi:

- Nếu em không phải là em trai anh thì em đến tìm anh để làm gì?

- Tôi biết đâu đấy. Lại còn dáng vẻ của ông nữa.

- Dáng vẻ của em ư?

- Phải. Hãy nhìn tôi và nhìn ông xem. Có một cái gì giống nhau tối thiểu bề ngoài giữa chúng ta không? Lucas và tôi là hai anh em sinh đôi, chúng tôi giống nhau như hai giọt nước. Còn ông, ông thấp hơn tôi một cái đầu và kém tôi ba chục cân.

Lucas nói:

- Anh quên rằng em bệnh tật và tật nguyền. Thật là điều kỳ diệu khi em đi lại được.

- Thôi gác chuyện ấy lại, Ông hãy cho tôi biết điều gì đã xảy ra cho ông sau vụ ném bom.

- Vì cha mẹ không đòi em, em bị đưa đến nhà một bà nông dân già tại thành phố K. Em đã sống và làm việc ở đấy cho đến khi em ra nước ngoài.

- Ông đã làm gì ở nước ngoài?

- Làm mọi việc, và cả viết sách nữa. Còn anh Klaus, anh đã sống ra sao sau khi cha mẹ chết? Theo lời anh kể thì anh mồ côi từ khi còn rất trẻ.

- Phải, nhưng tôi đã gặp may. Tôi chỉ phải ở vài tháng trong cô nhi viện. Một gia đình bạn bè đã cứu mang tôi. Tôi đã rất hạnh phúc trong gia đình đó. Đó là một gia đình đông người có bốn con mà sau này tôi đã lấy cô gái lớn Sarah làm vợ. Chúng tôi có hai con, một trai, một gái. Giờ đây tôi đã là ông, một người ông hạnh phúc.

Lucas nói:

- Lạ thật, khi vào đây, em có cảm tưởng là anh sống cô độc.

- Đúng vậy, tôi chỉ cô độc lúc này thôi, cho đến Noel. Tôi có một việc khẩn phải hoàn thành, một tuyển tập thơ phải chuẩn bị. Sau đó tôi đi gặp Sarah, vợ tôi và các cháu tại thành phố K. Chúng tôi cùng nhau qua mùa đông ở đấy. Chúng tôi có một ngôi nhà thừa kế của bố mẹ vợ tại thành phố này.

Lucas nói:

- Em đã sống tại thành phố K. Em biết rõ, vậy nhà anh ở chỗ nào?

- Ở quảng trường Prindipale, trước mặt Đại Khách Sạn, bên cạnh cửa hàng sách.

- Em vừa sống mấy tháng tại thành phố K. Em ở ngay bên trên hiệu sách.

Tôi bảo:

- Một sự trùng hợp.

Đó là một thành phố rất đẹp, phải không? Thời thơ ấu tôi thường hay nghỉ hè tại đấy, bây giờ các cháu tôi rất thích nơi này, nhất là hai đứa con sinh đôi của con gái tôi.

- Sinh đôi ư? Chúng tên gì?

- Tất nhiên là Klaus và Lucas.

- Tất nhiên.

- Con trai tôi có một cháu gái tên Sarah như bà nó. Con trai tôi còn trẻ, nó còn có

thể có nhiều con.

Lucas nói:

- Klaus, anh là một người hạnh phúc.

Tôi đáp:

- Vâng, rất hạnh phúc. Còn ông, tôi nghĩ ông cũng có gia đình.

- Không, em luôn luôn sống một mình.

- Tại sao vậy?

Lucas nói:

- Em không biết. Có lẽ bởi vì không có ai dạy em yêu.

- Thật đáng tiếc. Con cái mang lại cho ta rất nhiều niềm vui. Tôi không thể tưởng tượng cuộc sống mà lại thiếu chúng.

Em tôi đứng lên:

- Người ta đợi em ngoài xe. Em không muốn làm phiền anh lâu hơn nữa.

Tôi mỉm cười:

- Ông không làm phiền tôi đâu. Vậy là ông lại trở về với đất nước mẹ nuôi của ông?

- Tất nhiên, em chẳng còn gì để làm ở đây. Vĩnh biệt Klaus.

Tôi đứng dậy:

- Tôi xin tiễn ông.

Đến cổng vườn, tôi chìa tay ra:

- Tạm biệt ông. Tôi hy vọng rằng cuối cùng ông sẽ tìm được gia đình đích thực của ông. Tôi chúc ông gặp nhiều may mắn.

Hắn nói:

- Klaus, anh đã giữ vai trò của anh đến cùng. Nếu em biết anh có một trái tim sắt đá như thế này, em đã không tìm gặp anh. Em thành thật hối tiếc đã đến đây.

Em tôi lên chiếc xe to màu đen, nó nổ máy và đưa em tôi đi.

Khi leo lên cầu thang hiên nhà, tôi trượt trên các bậc đóng văng băng, tôi ngã, trán đập vào góc đá, máu chảy cả vào mặt trộn lẫn với những giọt lệ chan hòa. Tôi thềm nằm đó cho tới khi người đóng băng và tôi chết đi, nhưng tôi không thể vì sáng mai tôi còn phải chăm sóc mẹ.

Tôi vào nhà, tôi đi đến phòng tắm, tôi rửa vết thương, đặt băng dính rồi trở lại phòng làm việc để đọc bản thảo của em tôi.

Sáng hôm sau, mẹ hỏi:

- Klaus, còn bị thương ở đâu thế?

- Trên cầu thang, Con xuống để kiểm tra xem cửa đã đóng chưa và con trượt chân trên băng.

- Chắc chắn là con đã uống rượu quá nhiều. Con là đồ nát rượu, đồ vô tích sự, đồ vụng về. Con chưa pha trà cho mẹ phải không? Thật không thể tưởng tượng nổi! Trời lại rét nữa chứ. Con không thể dậy sớm hơn nữa giờ để sưởi cho nhà ấm lên và pha trà sẵn lúc mẹ thức dậy ạ? Con chỉ là đồ lười.

Tôi nói:

- Trà đây rồi. Vài phút nữa sẽ ấm lên, rồi mẹ xem. Sự thật là con đã không ngủ chút nào, con đã viết suốt đêm.

- Lại còn thế nữa? Ông ấy thích viết suốt đêm hơn là chăm lo việc sưởi và pha trà. Con chỉ việc viết ban ngày, làm như mọi người chứ không phải làm đêm.

- Thừa mẹ, vâng. Làm việc ban ngày thì tốt hơn, nhưng ờ xưởng in con đã quen làm việc đêm. Con không thể làm khác được. Dù sao thì ban ngày có quá nhiều cái làm phiền con. Nào là đi mua bán, nào nấu cơm và nhất là tiếng ồn ngoài phố.

Mẹ bảo:

- Và có tao, phải không? Nói đi, mày hãy nói rõ là tao làm phiền mày ban ngày, phải không? Mày chỉ có thể viết khi mẹ mày ngủ, phải không? Tối đến mày chỉ muốn cho tao đi nằm. Tao hiểu rồi. Tao hiểu từ lâu rồi.

- Quả vậy, thưa mẹ, khi con viết còn phải tuyệt đối một mình. Con cần phải được yên tĩnh.

- Tao có phải là người ồn ào, suồng sã gì đâu. Mày chỉ việc bảo tao, tao sẽ không ra khỏi buồng nữa. Một khi bước chân vào mồm tao sẽ không quấy rầy mày nữa, mày sẽ không phải đi mua bán nữa, không phải nấu cơm, mày chỉ có mỗi một việc là viết mà thôi. Lúc đó tao sẽ tìm con trai Lucas của tao, nó không bao giờ xử tệ với tao, không bao giờ mong tao chết, mong tao vắng mặt. Lúc đó tao sẽ sung sướng, không có ai trách móc tao bất cứ điều gì.

- Mẹ ạ, con không trách mẹ điều gì, mẹ cũng chẳng làm phiền con. Con sẵn sàng đi mua bán và nấu cơm, nhưng con cần viết ban đêm. Từ ngày còn rời xưởng in, nguồn thu nhập duy nhất của chúng ta là những bài thơ của con.

- Đúng vậy. Lẽ ra mày không nên bỏ xưởng in. In ấn, đó là công việc bình thường, hợp lý.

-Mẹ biết rõ là bệnh của con buộc con phải tự bỏ công việc. Con không thể tiếp tục công việc đó mà lại giữ được sức khỏe.

Mẹ không nói nữa, mẹ ngồi trước tivi, nhưng đến bữa cơm tối mẹ lại bắt đầu.

- Ngôi nhà đang xuống cấp. Ống máng bị long ra, nước chảy lúng túng trong vườn, chẳng mấy chốc sẽ mưa cả trong nhà. Cỏ dại xâm chiếm vườn, các buồng bị khói thuốc lá ám đen kịt. Nhà bếp thì vàng khè cũng vì cái khói đó, cả màn gió cửa sổ phòng khách cũng vậy. Còn nói gì đến phòng làm việc hoặc buồng trẻ con mà khói đã tràn ngập. Không thể nào thở được trong cái nhà này, và cả trong vườn nữa, hoa cũng chết vì cái mùi hôi thối bay từ trong nhà ra.

- Thừa mẹ, phải. Không có hoa ngoài vườn bởi vì đang là mùa đông. Con sẽ cho sơn lại các buồng và nhà bếp. May mà mẹ gợi ý cho con. Để đón xuân, con cho sơn lại và sửa lại ống máng.

Sau khi uống thuốc ngủ, mẹ bình tĩnh lại và đi nằm.

Tôi ngồi trước máy thu hình, tôi xem phim hình sự như mọi tối, tôi uống rượu. Sau đó tôi vào phòng làm việc, tôi đọc lại những trang cuối cùng của tập bản thảo của em tôi, rồi tôi lại viết.

*

Khi ngồi vào ăn cơm, chúng tôi luôn luôn có bốn người: cha, mẹ và hai chúng tôi. Mẹ hát suốt ngày, trong bếp, ngoài vườn, ngoài sân. Buổi tối mẹ hát trong buồng để ru chúng tôi ngủ.

Cha không hát. Đôi khi cha huýt sáo trong lúc bổ củi để đốt lò, và nghe thấy tiếng cha gõ trên chiếc máy chữ vào buổi tối và có khi đêm khuya. Đó là một thứ tiếng dễ chịu và làm ta yên lòng như tiếng bát đĩa lạnh canh, tiếng chim sáo ngoài vườn, tiếng gió rì rào trong lá cây nho dại ở hàng hiên, trong cành cây hổ đào ngoài sân.

Mặt trời, gió, đêm, trăng sao , mây, mưa, tuyết, tất cả đều tuyệt diệu. Chúng tôi không sợ một

cái gì, cả những cái bóng và những chuyện mà người lớn kể cho nhau

nghe, những chuyện chiến tranh. Hồi đó, chúng tôi lên bốn.

Một buổi tối kia, cha đến trong bộ quân phục. Cha treo áo khoác và thắt lưng vào mắc áo gần cửa phòng khách. Ở thắt lưng có treo một khẩu súng lục.

Trong bữa cơm cha nói:

- Bố phải đi sang một thành phố khác. Chiến tranh đã được tuyên bố, bố bị động viên.

Chúng tôi nói:

- Chúng con không biết bố là bộ đội. Bố là nhà báo và bố không phải là lính.

- Thời buổi chiến tranh, đàn ông ai cũng là lính cả, nhà báo cũng vậy, nhất là nhà báo. Bố phải quan sát và miêu tả mọi cái xảy ra ở mặt trận. Như thế gọi là phóng viên chiến tranh.

Chúng tôi hỏi:

- Tại sao bố lại có súng?

- Vì bố là sĩ quan. Chiến sĩ thì có súng dài, còn sĩ quan thì có súng ngắn.

Cha nói với mẹ:

- Em cho các con ngủ đi. Anh có chuyện muốn nói với em.

Mẹ bảo chúng tôi:

- Các con hãy lên giường ngủ đi. Mẹ sẽ đến kể cho các con một chuyện. Các con hãy chào bố đi.

Chúng tôi ôm hôn cha, rồi chúng tôi vào buồng, nhưng chúng tôi lại ra ngay trong yên lặng. Chúng tôi ngồi trong hành lang ngay sau cửa phòng khách.

Cha nói:

- Anh đến sống với cô ấy. Thời buổi chiến tranh, anh không có thời gian. Anh yêu cô ấy.

- Anh không nghĩ đến các con sao?

- Cô ấy cũng đang đợi một đứa con. Vì vậy anh không thể yên lặng.

- Anh muốn li dị sao?

- Bây giờ không phải lúc. Sau chiến tranh, chúng ta sẽ tính. Trong khi chờ đợi, anh đã công nhận đứa bé sắp ra đời. Có thể anh sẽ không trở về. Ai mà biết được.

Mẹ hỏi:

- Anh không còn yêu mẹ con em?

Cha đáp:

- Vấn đề không phải ở chỗ đó. Anh yêu mẹ con em. Anh sẽ vẫn quan tâm đến các con và em. Nhưng anh cũng yêu một người đàn bà khác. Em có thể hiểu điều ấy không?

- Không, em không thể hiểu và em không muốn hiểu.

Chúng tôi nghe một tiếng súng. Chúng tôi mở cửa phòng khách. Mẹ là người đã bắn. Mẹ cầm khẩu súng của cha trên tay, mẹ bắn nữa. Cha nằm dưới đất, mẹ vẫn bắn. Cạnh tôi, Lucas ngã. Mẹ vứt khẩu súng, gào lên, quỳ xuống cạnh Lucas.

Tôi ra khỏi nhà, tôi chạy ra phố và kêu lên: "Cứu tôi với", có người tóm lấy tôi, đưa tôi vào nhà, cố làm cho tôi bình tĩnh lại. Họ cũng cố làm cho mẹ bình tĩnh, nhưng mẹ tiếp tục gào: "Không, không, không."

Phòng khách đầy người. Hai cảnh sát đến cùng với hai xe cứu thương. Người ta mang chúng tôi đến bệnh viện.

Tại bệnh viện, người ta tiêm cho tôi một mũi thuốc ngủ vì tôi vẫn còn kêu.

Hôm sau, thầy thuốc nói:

- Nó không sao, nó không bị đạn. Nó có thể về nhà.

Có y tá nói:

- Về đâu? Ở nhà, nó không còn ai cả. Nó thì mới bốn tuổi.

Thầy thuốc nói:

- Cô hãy hỏi nhân viên cứu tế xã hội xem sao.

Cô y tá dẫn tôi vào phòng làm việc. Nhân viên cứu tế xã hội là một bà già búi tóc.

Bà ta hỏi tôi:

- Cháu có bà không? Có cô không? Có một bà hàng xóm nào yêu cháu không?

Tôi hỏi:

- Lucas đâu?

- Nó ở đây, trong bệnh viện, Nó bị thương.

- Cháu muốn gặp nó.

- Nó trong trạng thái vô thức.

- Thế nghĩa là gì?
- Nghĩa là lúc này nó không nói được.
- Nó chết hay sao?
- Không, nhưng nó phải nằm nghỉ.
- Thế còn mẹ cháu?
- Mẹ cháu khỏe, nhưng cháu không thể gặp mẹ.
- Tại sao vậy? Mẹ cũng bị thương sao?
- Không, bà ấy đang ngủ.
- Thế cha cháu? cũng ngủ sao?
- Phải, cha cháu cũng ngủ.

Bà ta vuốt tóc tôi. Tôi hỏi:

- Tại sao ai cũng ngủ cả? chỉ có cháu là không?
- Thế đấy, đôi khi sự việc xảy ra như thế. Cả một gia đình lẫn ra ngủ, còn kẻ nào không ngủ thì trở lại một mình.
- Cháu không muốn còn một mình đâu. Cháu cũng muốn ngủ như Lucas, như mẹ, như cha cơ.
- Phải có một người thức để đợi họ và chăm sóc họ khi họ tỉnh lại.
- Bởi vì họ sẽ tỉnh lại sao?
- Phải, một vài người trong số họ, ít ra cũng phải hy vọng như thế.

Chúng tôi yên lặng một lát. Bà ta hỏi:

- Trong khi chờ đợi, cháu có quen ai có thể chăm sóc cháu được không?
- Chờ cái gì à?
- Chờ ai đó trong nhà cháu trở lại.

Tôi bảo:

- Không, không có ai đâu. Cháu không thích người ta chăm sóc cháu. Cháu muốn về nhà.
- Cháu không thể sống một mình ở nhà vào tuổi cháu. Nếu không có ai thì ta buộc phải giao cháu cho cô nhi viện.
- Thế cũng được, nếu cháu không được ở nhà thì đi đâu cũng không quan trọng.

Một người đàn bà vào phòng làm việc nói:

- Tôi đến đón thằng bé. Tôi muốn đưa nó về nhà. Nó không còn ai thân thiết, tôi biết gia đình nó.

Nhân viên cứu tế xã hội bảo tôi ra ngoài hành lang chơi, ở đấy có nhiều người ngồi trên ghế dài đang nói chuyện. Hầu hết họ đều mặc quần áo trong nhà. Họ nói:

- Thật kinh khủng.

- Thật đáng tiếc, một gia đình đang yên ấm.

- Bà ấy nói đúng.

Người đàn bà lúc nãy nói: "Tôi muốn đón cậu bé về nhà" ra khỏi phòng làm việc.

Bà bảo tôi:

- Cháu hãy đi với cô. Cô tên Antonia. Còn cháu? Cháu là Lucas hay Klaus?

Tôi đưa tay cho cô Antonia:

- Cháu là Klaus.

Chúng tôi đi xe buýt, sau đó đi bộ. Chúng tôi vào một căn buồng nhỏ, có một giường to và một giường cho trẻ con.

Antonia bảo tôi:

- Cháu còn bé nên nằm giường này cũng vừa, phải không?

- Vâng ạ.

Tôi ngủ trong cái giường trẻ con. Chỉ vừa đủ chỗ cho tôi, chân tôi chạm vào thành giường.

Cô Antonia lại nói:

- Cái giường bé là dành cho con cô sắp ra đời. Nó sẽ là em trai hoặc em gái cháu đấy.

- Cháu có em trai rồi. Cháu không muốn có thêm nữa đâu, cả em gái cũng vậy.

Antonia nằm trên cái giường to:

- Lại đây cháu.

Tôi ra khỏi giường và lại gần cô ta. Cô cầm lấy tay tôi và đặt lên bụng cô:

- Cháu thấy không? Nó động đấy đó. Rồi nó sẽ ở cùng chúng ta.

Cô kéo tôi lại gần và phỉnh tôi:

- Mong sao nó cũng xinh xắn như cháu.

Sau đó cô lại đặt tôi vào cái giường nhỏ.

Mỗi lần cô Antonia ru tôi, tôi cảm thấy đứa bé cựa quậy rồi tôi tưởng rằng đó là Lucas. Tôi đã nhầm. Sau này cô Antonia sinh con gái.

Tôi ngồi trong bếp. Hai bà già bảo tôi ở lại trong bếp. Tôi nghe thấy Antonia hét lên. Tôi không động dậy. Hai bà già thỉnh thoảng lại vào trong bếp để đun nước và nói với tôi:

- Cháu ở yên đây nhé.

Một lúc sau, một bà già bảo tôi:

- Cháu có thể vào được rồi.

Tôi vào buồng. Antonia giơ tay ra ôm tôi và cười:

- Con gái, cháu xem này, một đứa con gái rất xinh, em cháu đấy.

Tôi nhìn vào cái nôi. Một vật màu tím gào lên. Tôi cầm lấy tay nó, tôi đếm, tôi vuốt từng ngón tay của nó cả thấy mười ngón. Tôi nhét ngón tay cái bên trái vào miệng nó, nó không khóc nữa.

Antonia mỉm cười với tôi:

- Chúng ta đặt tên cho nó là Sarah. Cháu có thích cái tên đó không?

- Cô à, tên nào cũng được, không quan trọng đâu ạ. Nó là em gái cháu phải không cô?

- Phải, nó là em gái cháu.

- Cả em gái của Lucas nữa chứ ạ.

- Phải, của cả Lucas nữa.

Antonia khóc, tôi hỏi:

- Cái giường nhỏ bị chiếm rồi, bây giờ cháu ngủ đâu?

- Cháu ngủ trong bếp. Cô đã yêu cầu mẹ cô chuẩn bị một cái giường cho cháu trong bếp.

- Cháu không được ngủ trong buồng cô nữa sao?

- Cháu ngủ trong bếp thì hơn. Em bé sẽ khóc suốt đêm và đánh thức mọi người.

- Nếu nó khóc và quấy cô, cô chỉ việc cho ngón tay cái của nó vào mồm, ngón cái bên trái ấy.

Tôi quay vào bếp, chỉ còn một mình bà mẹ của cô Antonia. Bà cho tôi ăn bánh phết mật ong, cho tôi uống sữa, rồi bảo tôi:

- Cháu ngủ đi, cháu chọn giường nào tùy thích.

Hai cái đệm được đặt dưới đất cùng gối và chăn. Tôi chọn cái đệm đặt dưới cửa sổ, như thế tôi có thể nhìn trời và sao.

Mẹ cô Antonia nằm trên đệm kia, trước khi ngủ bà cầu nguyện:

- Lạy Chúa toàn năng, hãy cứu giúp cô. Đứa bé không có cả cha. Con gái tôi với một đứa con không có bố! Nếu chồng tôi mà biết! Tôi đã nói dối ông ấy. Tôi đã giấu ông ấy sự thật. Còn đứa bé kia cũng không phải con nó. Ôi khốn khổ! Tôi phải làm gì đây để cứu đứa con tội lỗi này?

Bà lẩm bẩm, còn tôi thì ngủ thiếp đi, sung sướng được gần cô Antonia và Sarah.

Mẹ cô Antonia dậy rất sớm. Bà sai tôi đi mua đồ tại một cửa hàng trong khu phố.

Tôi chỉ việc đưa danh sách và tiền.

Mẹ cô Antonia nấu cơm. Bà tắm cho em bé và mỗi ngày thay tã cho nó nhiều lần.

Bà giặt quần áo và phơi trên dây trong nhà bếp. Bà vừa làm vừa lẩm bẩm, có lẽ bà cầu kinh.

Bà không ở lâu. Sau khi Sarah ra đời được mười ngày, bà ra đi cùng với chiếc va li và những lời cầu nguyện của bà.

Tôi ở một mình trong bếp rất thoải mái. Buổi sáng tôi dậy sớm đi mua sữa và bánh mì. Khi cô Antonia thức giấc, tôi mang bình sữa và cà phê vào buồng cho Sarah và cô Antonia. Đôi khi tôi cho bé uống sữa, rồi tôi giúp tắm cho Sarah, rồi tôi cố làm cho nó cười bằng những đồ chơi mà cô Antonia và tôi cùng đi mua về.

Sarah mỗi ngày một thêm xinh. Tóc và răng mọc ra, nó bắt đầu biết cười, rồi nó học mút ngón tay cái bên trái rất tốt.

Chẳng may cô Antonia lại phải đi làm vì cha mẹ cô không gửi tiền cho nữa.

Cứ đến tối cô Antonia lại đi. Cô làm trong một tiệm nhảy, cô khiêu vũ và hát. Ban đêm cô về khuya, sáng ra cô mệt mỏi, cô không thể chăm sóc Sarah. Một bà hàng xóm đến vào buổi sáng, tắm cho Sarah, rồi đặt nó vào cũi cùng với đồ chơi ở trong bếp. Tôi chơi với nó trong lúc bà hàng xóm nấu cơm trưa và giặt giũ. Sau khi rửa bát xong, bà hàng xóm về, và tôi làm nốt mọi việc nếu cô Antonia còn ngủ.

Buổi chiều, tôi đi dạo cùng Sarah trong xe đẩy. Chúng tôi dừng lại trong các công viên có sân chơi, tôi để cho Sarah chạy trên cỏ, chơi trong cát, tôi đu đưa nó trên ghế

đu.

Khi tôi lên sáu, tôi buộc phải đi học. Lần đầu tiên, cô Antonia đưa tôi đi. Cô nói với thầy giáo rồi để tôi lại một mình. Tan lớp học, tôi chạy về nhà để xem mọi việc có tốt không và để đi chơi với Sarah.

Mỗi ngày chúng tôi lại đi xa hơn, thế là hoàn toàn tình cờ mà tôi tìm lại được cái phố ngày trước tôi đã từng sống với cha mẹ tôi.

Tôi không nói chuyện đó với cô Antonia, và cũng chẳng nói với ai. Nhưng hàng ngày tôi bố trí để đi qua ngôi nhà có cửa sổ màu ve, tôi đứng đó một lúc và khóc. Sarah cũng khóc với tôi.

Ngôi nhà bị bỏ hoang. Cửa sổ đóng, ống khói không nhả khói. Cỏ dại mọc đầy vườn trước; quả hồ đào rơi đầy sân sau chẳng có ai nhặt.

Một buổi tối, khi Sarah ngủ, tôi ra khỏi nhà. Tôi chạy ngoài phố, không một tiếng động, trong đêm đen. Do chiến tranh ánh sáng trong thành phố đều tắt, cửa sổ các nhà đều được bịt cẩn thận. Ánh sao cũng đủ cho tôi rồi vì tất cả các phố phường, các góc ngách đều đã in vào đầu tôi.

Tôi leo qua hàng rào, tôi vòng quanh nhà, tôi đến ngồi xuống gốc cây hồ đào. Tay tôi chạm vào những quả hồ đào cứng và khô trong cỏ. Tôi nhét chúng đầy túi. Hôm sau tôi mang một cái bao rồi tôi thỏa thích nhặt hồ đào. Nhìn thấy cái bao trong bếp, cô Antonia hỏi tôi:

- Những quả hồ đào này ở đâu ra vậy?
- Trong vườn của chúng ta ạ.
- Vườn nào? Chúng ta làm gì có vườn.
- Vườn ngôi nhà ngày xưa cháu ở.

Cô Antonia bế tôi lên đùi:

- Làm thế nào cháu lại tìm được nó? Làm sao cháu lại nhớ được? Hồi đó cháu mới có bốn tuổi.

- Bây giờ cháu đã tám tuổi. Cô Antonia hãy nói cho cháu biết điều gì đã xảy ra. Hãy cho cháu biết cha, mẹ và Lucas bây giờ ở đâu, họ ra sao rồi?

Cô Antonia khóc, rồi cô xiết chặt lấy tôi:

- Cô chỉ mong cháu quên đi tất cả. Cô không bao giờ nói với cháu để cho cháu

quên đi.

- Cháu không quên gì hết. Mỗi tối, khi cháu nhìn lên trời cháu lại nghĩ đến họ. Họ ở tất cả trên đó, có phải không cô? Họ đã chết hết rồi.

- Không, không phải tất cả đã chết. Chỉ có cha cháu thôi. Phải, cha cháu đã chết.

- Thế còn mẹ cháu? Mẹ cháu đâu?

- Trong bệnh viện.

- Còn em Lucas cháu?

- Nó ở trong một nhà cải huấn, tại thành phố S gần biên giới.

- Điều gì đã xảy ra cho nó?

- Một viên đạn đã trúng vào nó.

- Đạn nào vậy?

Cô Antonia đẩy tôi ra và đứng lên:

- Klaus, cô xin cháu, hãy để cho cô yên.

Cô đi về buồng, lên giường nằm và khóc. Sarah cũng khóc. Tôi bế nó trong cánh tay và ngồi lên mép giường cô Antonia.

- Cô Antonia, cô đừng khóc. Cô hãy nói tất cả với cháu đi. Cháu biết tất cả thì tốt hơn. Bây giờ cháu đã khá lớn để được biết sự thật. Tự đặt ra những câu hỏi cho mình còn tồi tệ hơn là biết tất cả.

Cô Antonia đặt Sarah nằm cạnh cô và bảo tôi:

- Cháu hãy nằm xuống phía kia, chúng ta hãy ru nó ngủ.

Nó không được nghe điều mà cô kể.

Cả ba chúng tôi nằm trên chiếc giường lớn và im lặng một lúc lâu. Cô Antonia lúc thì vuốt tóc Sarah, lúc thì vuốt tóc tôi. Khi chúng tôi nghe tiếng thở đều đều của Sarah, chúng tôi biết là nó đã ngủ. Cô Antonia bắt đầu nói, mắt thì nhìn trần nhà. Cô kể mẹ tôi đã sát hại cha tôi như thế nào.

Tôi nói:

- Cháu nhớ có những tiếng súng và có xe cứu thương. Thế còn Lucas, mẹ cháu có bắn vào Lucas không?

- Không, Lucas bị thương do đạn lạc. Viên đạn trúng gần cột sống. Nó bị mất ý thức trong nhiều tháng, và tưởng như nó sẽ bị tàn phế. Bây giờ người ta hi vọng nó sẽ

hoàn toàn khỏi.

- Mẹ cháu có ở cùng thành phố S với Lucas không?
- Không, mẹ cháu ở đây, tại thành phố này, trong một bệnh viện tâm thần.
- Tâm thần ư? Nghĩa là gì vậy? Mẹ cháu bị ốm hay bị điên?

Cô Antonia bảo:

- Điên cũng là một bệnh như các bệnh khác.
- Cháu có thể đến thăm mẹ cháu được không?
- Cô không biết. Nhưng cháu không nên đến, vì buồn lắm.

Tôi nghĩ một lát rồi hỏi:

- Tại sao mẹ cháu lại phát điên? Tại sao mẹ cháu lại giết bố cháu.

Cô Antonia đáp:

- Tại vì bố cháu yêu cô và yêu Sarah.
- Sarah lúc đó chưa đẻ. Vậy là do cô, mọi việc xảy ra là do cô. Nếu không có cô, ngôi nhà cửa sổ màu xanh vẫn còn hạnh phúc ngay cả trong chiến tranh và sau chiến tranh. Không có cô, bố cháu không chết, mẹ cháu không điên, em cháu không tàn tật, và cháu không cô đơn thế này.

Cô Antonia im lặng. Tôi ra khỏi buồng.

*

Tôi xuống bếp, lấy tiền, cô Antonia đã chuẩn bị cho việc đi chợ. Cứ tối tối cô lại để số tiền chợ của ngày hôm sau lên bàn nhà bếp. Không bao giờ cô yêu cầu tôi tính toán.

Tôi ra khỏi nhà. Tôi đi bộ đến một phố lớn có xe buýt và tàu điện chạy. Tôi hỏi một bà già đang đợi xe buýt ở góc phố:

- Thưa bà, bà làm ơn chỉ giúp cháu đường ra ga.
- Cháu hỏi ga nào? Có tất cả ba ga.
- Thưa bà, ga gần nhất.
- Cháu hãy đi tàu điện số năm, rồi đi xe buýt số ba. Người soát vé sẽ chỉ cho cháu phải xuống xe ở đâu.

Tôi đến một nhà ga rộng mênh mông, đông kín người. Hành khách xô đẩy, kêu gào, chửi thề. Tôi xếp hàng sau một dãy người trước cửa bán vé. Mọi người từ từ tiến

lên. Cuối cùng đến lượt tôi:

- Cháu mua một vé đi thành phố S.

- Nhân viên ga nói:

- Tàu đi S. không chạy từ đây. Cháu phải đến ga phía Nam.

Tôi lại đi tàu, đi xe buýt. Trời tối khi tôi đến ga phía Nam, và không còn chuyến tàu nào đi S. cho đến sáng mai. Tôi vào phòng đợi, tìm được một chỗ trên ghế dài.

Rất đông người, có mùi hôi, rồi khói thuốc làm tôi cay mắt. Tôi cố ngủ, nhưng hề nhắm mắt tôi lại thấy Sarah một mình trong buồng, Sarah đi vào bếp, Sarah khóc vì vắng tôi. Nó chỉ có một mình suốt đêm, vì cô Antonia phải đi làm, còn tôi, tôi ngồi trong phòng đợi tàu để đi đến một thành phố khác, nơi em Lucas của tôi đang sống. Tôi muốn đến thành phố em tôi đang sống, tôi muốn tìm lại em tôi, sau đó chúng tôi sẽ cùng nhau đi tìm mẹ. Sáng mai tôi sẽ đi S, tôi sẽ đi.

Tôi không sao ngủ được. Tôi tìm thấy trong túi những cái phiếu thực phẩm, nếu không có chúng thì cô Antonia và Sarah sẽ không có gì để ăn. Tôi phải quay về thôi.

Tôi chạy. Đôi giày thể thao của tôi không gây tiếng động. Đến sáng tôi về gần đến nhà, tôi xếp hàng mua bánh mì, mua sữa, rồi tôi về.

Cô Antonia đang ngồi trong bếp. Cô ôm tôi trong tay:

- Lúc này cháu ở đâu? Cô và Sarah đã khóc suốt đêm. Cháu đừng bỏ mẹ con cô một mình nhé.

- Cháu sẽ không để cô và em một mình nữa. Thừa cô, bánh mì và sữa đây. Hơi thiếu tiền một chút. Cháu vừa đi ra ga, rồi lại đến một ga khác. Cháu định đến thành phố S.

Cô Antonia nói:

- Rồi chúng ta sẽ cùng nhau tới đó, chúng ta sẽ tìm được em cháu.

- Cháu cũng muốn đi thăm mẹ cháu.

Một buổi chiều Chủ nhật, chúng tôi đến bệnh viện tâm thần. Antonia và Sarah ở lại trong phòng tiếp tân. Một cô y tá dẫn tôi vào một phòng khách nhỏ có một chiếc bàn và vài cái ghế. Trước cửa sổ, có một cái bàn một chân trên đặt chậu cây xanh. Tôi ngồi đợi.

Cô y tá quay lại, nắm cánh tay một người đàn bà mặc quần áo ngủ và giúp bà ta

ngồi xuống một chiếc ghế.

- Klaus, cháu chào mẹ đi.

Tôi nhìn người đàn bà. Bà ta to béo và già. Tóc bà đã bạc đến nửa được chải ra phía sau và buộc túm gáy bằng một sợi len. Tôi nhìn thấy khi bà quay lại để nhìn rất lâu cánh cửa đã khép. Sau đó bà hỏi cô y tá:

- Thế Lucas đâu?

Cô y tá đáp:

- Lucas không thể đến được, còn đây là Klaus. Cháu chào mẹ đi, Klaus.

Tôi nói:

- Con chào mẹ.

Bà ta hỏi:

- Sao con lại đi một mình? Tại sao Lucas không đi cùng con.

Cô y tá nói:

- Lucas cũng sắp đến rồi ạ.

Mẹ nhìn tôi. Những giọt nước mắt lớn bắt đầu chảy từ đôi mắt xanh nhạt của mẹ.

Mẹ nói:

- Đối trá, luôn luôn đối trá.

Mẹ chảy nước mũi. Cô y tá hỉ mũi cho mẹ. Mẹ gục đầu xuống ngực, không nói gì nữa, không nhìn tôi nữa.

Cô y tá nói:

- Chúng ta mệt rồi. Chúng ta đi nằm đây. Cháu có muốn ôm hôn mẹ cháu không, Klaus?

Tôi lắc đầu và đứng lên. Cô y tá nói:

- Cháu có thể tìm phòng khách một mình phải không?

Tôi chẳng nói gì và ra khỏi buồng. Tôi im lặng đi qua trước mặt cô Antonia và Sarah, ra khỏi tòa nhà và đợi trước cửa. Cô Antonia nắm lấy vai tôi, Sarah thì cầm tay tôi, nhưng tôi vùng ra, rồi tôi cho hai tay vào túi quần. Chúng tôi bước đi không nói một lời cho đến điểm đỗ xe buýt.

Tôi đến trước khi cô Antonia đi làm, tôi bảo cô:

- Người đàn bà cháu vừa gặp không phải mẹ cháu. Cháu không đến thăm nữa đâu.

Chính cô phải đến gặp bà ấy để biết cô đã gây ra cho bà ấy những gì.

Cô Antonia hỏi:

- Cháu không thể tha thứ cho cô được sao, Klaus?

Tôi không trả lời. Cô nói thêm:

- Nếu cháu biết cô yêu cháu đến thế nào.

- Lẽ ra cô không được làm thế. Cô không phải mẹ cháu. Chính mẹ cháu phải yêu cháu, nhưng mẹ chỉ yêu Lucas, do lỗi của cô.

Mặt trận tới gần. Thành phố bị ném bom cả ngày lẫn đêm. Chúng tôi chui xuống hầm nhà, mang chăn đệm vào đó. Lúc đầu hàng xóm của chúng tôi cũng đến, nhưng một hôm họ biến mất. Cô Antonia bảo rằng họ bị đi đày.

Cô Antonia hết việc làm. Cái tiệm nháy, cô hát ở đó không còn nữa. Trường học cũng đóng cửa. Có được thức ăn rất khó ngay cả khi có phiếu thực phẩm. May sao cô Antonia có người bạn thỉnh thoảng lại đến và mang cho bánh mì, sữa bột, bánh quy và chocolate. Tôi đến, người bạn ở lại nhà chúng tôi vì lệnh giới nghiêm nên không thể về được. Những đêm như thế, Sarah ngủ với tôi trong bếp. Tôi ru nó, tôi nói với nó về Lucas, rồi chúng tôi nhìn sao mà ngủ thiếp đi.

Một buổi sáng, cô Antonia đánh thức chúng tôi rất sớm. Cô bảo chúng tôi mặc quần áo ấm, mặc nhiều áo sơ mi và áo len, áo khoác, đi nhiều tất vì chúng tôi sẽ làm một chuyến đi dài ngày. Còn lại bao nhiêu quần áo cô nhét đầy vào hai va li.

Bạn cô Antonia đều đón chúng tôi bằng xe ô tô. Chúng tôi cho va li vào thùng xe, cô Antonia ngồi đằng trước, Sarah và tôi ngồi phía sau.

Ô tô dừng lại ngay gần trước ngôi nhà cũ của tôi ở lối vào nghĩa trang. Người bạn ở lại trong xe, cô Antonia vừa bước nhanh vừa kéo tay chúng tôi, Sarah và tôi.

Chúng tôi dừng chân trước một ngôi mộ có cây thánh giá bằng gỗ, trên đó tên của cha tôi được ghi bằng cái tên kép Klaus – Lucas T.

Trên mộ, giữa nhiều bó hoa đã tàn, có một bó hoa cẩm chướng trắng gần như còn tươi.

Tôi bảo cô Antonia:

- Mẹ cháu trồng hoa cẩm chướng đầy vườn. Cha cháu rất thích loại hoa này.

- Cô biết. Chào tạm biệt cha đi, các con.

Sarah ngoan ngoãn nói:

- Chào tạm biệt bố.

Tôi bảo:

- Ông ấy không phải bố của Sarah. Ông ấy là bố của chúng cháu, Lucas và cháu.

Antonia nói:

- Cô đã giải thích cho cháu rồi, cháu không hiểu sao? Thôi mặc. Lại đây, chúng ta không còn thời gian nữa đâu.

Chúng tôi quay lại ô tô, xe đưa chúng tôi đến ga phía Nam. Antonia cảm ơn và chào tạm biệt người bạn.

Chúng tôi xếp hàng lấy vé tàu. Chỉ đến lúc này tôi mới dám hỏi cô Antonia:

- Chúng ta đi đâu hả cô?

- Đến nhà bố mẹ cô. Nhưng trước tiên chúng ta dừng ở thành phố S. để đón em Lucas của cháu đã.

Tôi nắm lấy tay cô, tôi ôm hôn cô:

- Cháu cảm ơn cô.

Cô rút tay lại:

- Cháu đừng cảm ơn cô. Cô chỉ biết đúng cái tên thành phố và tên nhà cải huấn, cô không biết gì hơn đâu.

Khi cô Antonia trả tiền vé tàu, tôi nhận ra rằng tôi không thể thanh toán chuyến đi thành phố S. với số tiền đi chợ.

Chuyến đi không thoải mái. Chúng tôi ba người mà chỉ có một chỗ ngồi, người được ngồi đặt Sarah lên đùi, người kia đứng. Chúng tôi phải thay nhau ngồi nhiều lần trong chuyến đi đáng lẽ chỉ hết năm giờ mà kéo dài gần mười hai giờ vì những lúc báo động. Tàu phải dừng giữa những nơi đông không mong quanh, hành khách xuống tàu và nằm rạp dưới ruộng. Thông thường, chỉ có báo động, tôi trải áo khoác xuống đất, tôi đặt Sarah nằm lên trên, rồi tôi nằm che cho nó khỏi đạn và các mảnh đạn.

Đêm khuya, chúng tôi đến thành phố S. Chúng tôi thuê một buồng khách sạn.

Sarah và tôi đi ngủ ngay lập tức trên cái giường lớn, Antonia xuống quầy rượu để hỏi tin tức, sáng hôm sau cô mới về.

Bây giờ cô đã có địa chỉ của Trng tâm, nơi ở của Lucas. Hôm sau chúng tôi đến đó.

Đó là tòa nhà nằm trong một công viên. Một nửa tòa nhà bị phá hủy. Chúng tôi nhìn thấy những mảnh tường ám khói đen kịt.

Trung tâm bị ném bom đã được ba tuần.

Antonia chạy đi tìm hiểu. Cô hỏi chính quyền địa phương, cô cố tìm những người sống sót của Trung tâm. Cô tìm được địa chỉ của bà giám đốc. Chúng tôi đến nhà bà. Bà bảo:

- Tôi nhớ rất rõ thằng bé Lucas. Nó là một đối tượng xấu của Trung tâm, lúc nào cũng làm phiền, quấy nhiễu mọi người. Mọi đứa trẻ thực không chịu nổi, không uốn nắn được. Không có ai đến thăm nó, không ai quan tâm đến nó. Nếu tôi không nhớ sai thì đó là do một tấm thảm kịch gia đình. Tôi không thể nói gì hơn với cô.

Cô Antonia năn nỉ:

- Sau vụ ném bom, bà có gặp lại nó không ạ?

Bà giám đốc đáp:

- Tôi cũng bị thương trong vụ ném bom đó, nhưng cũng chẳng có ai quan tâm đến tôi. Rất nhiều người đến hỏi tôi về con cái của họ. Không ai quan tâm đến tôi, mặc dù tôi đã phải nằm viện hai tuần sau cái vụ ném bom. Tôi bị sốc, cô hiểu không? Tôi phụ trách tất cả lũ trẻ đó.

Cô Antonia lại hỏi:

- Bà hãy nghĩ lại xem. Bà biết gì về Lucas? Sau vụ ném bom, bà có gặp lại Lucas không? Người ta đã làm gì với những đứa sống sót?

- Tôi không gặp lại nó. Tôi nhắc lại là tôi cũng bị thương. Những đứa trẻ sống sót, người ta đuổi chúng về nhà. Những đứa chết được chôn ở nghĩa trang thành phố. Những trẻ nào không chết mà người ta không biết địa chỉ thì được đưa về các làng, các trang trại, các thành phố nhỏ. Một khi chiến tranh kết thúc những người này phải trả lại đứa bé.

Cô Antonia tham khảo danh sách người chết của thành phố. Cô bảo tôi:

- Lucas không chết. Chúng ta sẽ tìm thấy nó.

Chúng tôi lại đi tàu. Chúng tôi đến một ga nhỏ, đi bộ đến tận trung tâm thành phố.

Cô Antonia bế Sarah ngủ trên cánh tay, tôi thì mang va li.

Đến quảng trường Principale, chúng tôi dừng lại. Cô Antonia kéo chuông, một bà

già ra mở cửa. Tôi có biết bà già này, đó là mẹ cô Antonia. Bà nói:

- Tạ ơn Chúa! Các con khỏe mạnh và lành lặn. Ta sợ quá đi mất. Ta không ngừng cầu nguyện cho các con.

Bà ôm mặt tôi trong tay:

- Cháu cùng đến với chúng ư?

Tôi đáp:

- Cháu không thể làm khác được. Cháu phải chăm sóc Sarah.

- Nhất định như thế rồi.

Bà xiết chặt lấy tôi, ôm, hôn tôi, rồi bà bế Sarah trong tay:

- Cháu bà xinh quá, cháu bà lớn quá đi mất.

Sarah nói:

- Cháu buồn ngủ. Cháu muốn ngủ với Klaus.

Chúng tôi ngủ cùng một buồng, cái buồng cô Antonia ngủ khi cô còn bé.

Sarah gọi bố mẹ cô Antonia là Bà và Ông, còn tôi gọi họ là dì Mathilda và cậu Andréas. Cậu Andréas là linh mục cậu không bị động viên vì bị bệnh. Đầu cậu lúc nào cũng lắc lư như thể cậu luôn luôn nói: “không.”

Cậu Andréas dẫn tôi đi chơi qua các phố, đôi khi đến tối mới về. Cậu bảo:

- Cậu luôn luôn mong có một đứa con trai. Một đứa con trai mới hiểu được cậu yêu quý thành phố này thế nào. Nó mới hiểu vẻ đẹp của phố xá, nhà cửa, bầu trời ở đây. Phải, vẻ đẹp của bầu trời mà không đâu có. Cháu xem, những màu sắc của bầu trời này, thật không có từ nào diễn tả nổi.

Tôi nói:

- Như trong mộng vậy.

- Phải, như trong mộng vậy. Cậu chỉ có một con gái. Nó đã ra đi, lúc còn rất trẻ.

Nó trở về với một bé gái và với cháu. Cháu không phải là con trai ta, cũng không phải cháu ta, nhưng là thằng bé mà ta đợi chờ.

- Nhưng cháu phải về với mẹ cháu khi bà ấy hỏi, rồi cháu còn phải tìm được em Lucas nữa.

- Phải, nhất định rồi. Ta mong rằng cháu sẽ tìm được họ. Nhưng nếu cháu không tìm thấy thì cháu có thể ở lại đây. Cháu có thể đi học và chọn một nghề phù hợp với

cháu. Khi nào cháu lớn cháu muốn làm nghề gì.

- Cháu muốn lấy Sarah.

Andréas cười:

- Cháu không thể lấy Sarah. Chúng mày là hai em, không thể lấy nhau được. Luật pháp cấm việc đó.

Tôi nói:

- Thế thì cháu chỉ ở cùng nhà với nó thôi. Không ai có thể cấm cháu ở cùng nhà với nó cả.

- Rồi cháu sẽ gặp rất nhiều cô gái khác mà cháu muốn cưới cho mà xem.

- Cháu không nghĩ vậy.

Chẳng bao lâu, đi chơi ngoài phố trở thành nguy hiểm và tối đến cấm không được ra ngoài. Khi có báo động và ném bom thì làm gì? Ban ngày tôi dạy Sarah học. Tôi dạy nó đọc và viết, tôi bắt nó làm tính. Trong nhà có rất nhiều sách, có cả những sách trẻ em và sách giáo khoa của cô Antonia trên buồng áp mái.

Ông Antonia dạy tôi đánh cờ. Khi đàn bà trong nhà đi ngủ, chúng tôi chơi một ván đến tận khuya. Lúc đầu, ông Andréas luôn luôn thắng. Khi ông bắt đầu thua, ông mất luôn cái hứng chơi cờ. Ông bảo tôi:

- Cháu quá mạnh đối với ta. Ta không muốn chơi nữa. Ta không còn muốn gì nữa.

Ta không còn những giấc mơ đẹp, ta chỉ còn nhưng giấc mơ tầm thường.

Tôi cố dạy Sarah chơi cờ, nhưng nó không thích. Nó chán, nó cáu, nó thích những trò chơi những trò chơi đơn giản có đông người, và hơn tất cả nó thích tôi đọc truyện cho nó nghe, bất kể truyện gì, ngay cả truyện đã đọc đến hai mươi lần rồi.

*

Khi chiến tranh rời sang nước kia, cô Antonia nói:

- Chúng ta có thể trở về thủ đô, về nhà rồi.

Bà mẹ cô bảo:

- Rồi các con sẽ chết đói. Hãy để Sarah ở lại đây một thời gian đã, ít ra cho tới khi con tìm được việc làm và một chỗ tử tế một chút.

Ông Andréas nói:

- Hãy để thằng bé với chúng ta. Trong thành phố có những trường tốt. Khi nào tìm

được em nó, chúng ta cũng giữ luôn nó lại.

Tôi nói:

- Cháu phải trở về thủ đô để xem mẹ cháu ra sao.

Sarah nói:

- Ông đã để ý đến nó một năm nay. Nó sống với bà nó ở đầu kia thành phố. Đó là một người đàn bà cực kỳ nghèo. Đứa bé chắc là mồ côi. Nó thường chơi kèn trong các quán rượu để kiếm chút ít tiền. Mọi người quen có nó bên cạnh nên không ai làm gì xấu cho nó. Nó thuộc về quyền bảo trợ của thành phố và của Chúa.

- Chắc nó phải sung sướng lắm.

- Nhất định rồi.

Ba tháng sau, cô Antonia về đón chúng tôi. Bà Mathilda và ông Andréas không muốn để chúng tôi đi.

Bà Mathilda nói:

- Hãy để con bé lại đây. Nó sung sướng và chẳng thiếu thứ gì.

Ông Andréas nói:

- Hay ít ra cũng để thằng bé lại. Bây giờ tình hình đã khá hơn, có thể bắt đầu tìm thằng em nó.

Antonia nói:

- Bố có thể tìm một mình. Con mang cả hai đứa đi, chúng nó phải ở với con.

*

Tại thủ đô, chúng tôi có một căn hộ bốn phòng. Ngoài các buồng còn có một phòng khách và một phòng tắm.

Buổi tối hôm đến, tôi kể chuyện cho Sarah nghe, tôi vuốt tóc nó cho đến khi nó ngủ. Tôi nghe tiếng có Antonia và bạn cô nói chuyện trong phòng khách.

Tôi xỏ đôi giày thể thao, tôi xuống cầu thang, tôi chạy qua các phố quen thuộc.

Bây giờ các phố, các đường ngang ngõ tắt đều được chiếu sáng, không còn chiến tranh, không còn tối tăm, không còn giới nghiêm.

Tôi dừng lại trước căn nhà của tôi, có ánh sáng trong bếp. Lúc đầu tôi nghĩ rằng có người lạ đến ở. Có cả ánh sáng trong phòng khách. Đang là mùa hè, cửa sổ được mở toang. Tôi tiến đến gần. Có ai đó đang nói, một giọng đàn ông. Tôi thận trọng nhìn

qua cửa sổ. Mẹ tôi ngồi trong một chiếc ghế bành, đang nghe đài.

Suốt một tuần, tôi đến quan sát mẹ tôi nhiều lần trong ngày. Ba làm công việc của bà từ phòng này sang phòng khác, thường là ở trong bếp. Bà cũng chăm sóc vườn, trồng cây và tưới hoa. Buổi tối, bà đọc sách rất lâu trong buồng người lớn có cửa trông ra sân. Cứ hai ngày một lần, một cô y tá đến bằng xe đạp ở lại khoảng hai mươi phút, tán chuyện với mẹ, đo huyết áp cho mẹ, đôi khi tiêm cho mẹ một mũi.

Mỗi ngày một lần, vào buổi sáng, một cô gái mang một chiếc giỏ đầy đến rồi đi với chiếc giỏ rỗng. Còn tôi, tôi tiếp tục đi chợ cho cô Antonia mặc dù có thể làm lấy và có cả anh bạn để giúp cô.

Mẹ gầy đi. Mẹ không còn cái dáng của một bà già cẩu thả như tôi đã từng thấy ở bệnh viện. Gương mặt của mẹ đã lấy lại nét dịu dàng ngày xưa, tóc mẹ đã lấy lại màu sắc và vẻ óng ả, được chải thành một búi đầy màu hung.

Một buổi sáng Sarah hỏi tôi:

- Klaus, anh đi đâu vậy? Anh hay đi đâu vậy? Cả ban đêm nữa. Đêm qua em vào buồng anh vì em nằm mê dễ sợ quá. Anh không có đó, em sợ quá.
- Tại sao em không đến buồng Antonia khi em sợ?
- Em không muốn đến đó vì ông bạn của mẹ. Hầu như đêm nào ông ấy cũng ngủ ở nhà chúng ta. Klaus anh hay đi đâu vậy?
- Anh đi dạo ngoài phố thế thôi.
- Anh đi dạo trước ngôi nhà vắng, anh đến khóc trước ngôi nhà vắng của anh, phải không? Tại sao anh không cho em đi theo anh?
- Nhà không còn vắng nữa Sarah à. Mẹ anh đã về. Mẹ lại ở nhà, rồi anh cũng phải về đó.

Sarah bắt đầu khóc:

- Anh về với mẹ anh sao? Anh không ở đây với em ư Klaus? Em sẽ làm gì đây nếu không có anh?

Tôi hôn lên mắt Sarah:

- Còn anh anh sẽ làm gì nếu không có em?

Cả hai chúng tôi đều khóc, chúng tôi ôm lấy nhau, nằm dài trên tấm phản phòng khách. Chúng tôi càng siết chặt nhau hơn, chúng tôi bám vào nhau bằng tay, bằng

chân. Nước mắt chảy trên mặt, trên tóc, trên cổ, vào tai chúng tôi. Chúng tôi rung lên vì khóc, vì rét.

- Các con làm gì thế, có chuyện gì xảy ra vậy?

Cô Antonia tách chúng tôi ra, cô đẩy xa chúng tôi mỗi đứa một nơi cô ngồi giữa chúng tôi, cô lay vai tôi:

- Cháu làm gì thế?

Tôi kêu lên:

- Cháu không làm điều gì xấu hổ cho Sarah cả.

Cô Antonia ôm Sarah trong vòng tay.

- Trời ơi! Đáng lẽ tôi phải nghĩ tới điều này trước.

Sarah nói:

- Con nghĩ con đã tè ra quần.

Nó ôm lấy cổ mẹ nó:

- Mẹ, mẹ! Klaus sắp về ở với mẹ anh ấy đấy.

Cô Antonia lắp bắp:

- Sao cơ, sao cơ!

Tôi nói:

- Bốn phận của cháu là phải ở cùng mẹ.

Cô Antonia hét lên:

- Không, không!

Rồi cô nói:

- Phải, cháu phải về với mẹ cháu.

Sáng hôm sau, cô Antonia và Sarah tiễn tôi. Chúng tôi dừng lại ở góc phố, phố tôi.

Cô Antonia ôm hôn tôi, cô đưa cho tôi một cái chìa khóa:

- Đây là chìa khóa nhà. Cháu có thể đến bất cứ lúc nào. Cô sẽ giữ lại cái buồng cho cháu.

Cháu cảm ơn cô. Cháu sẽ đến thăm cô thường xuyên nếu được. Sarah không nói gì. Mặt nó tái đi, mắt đỏ. Nó nhìn trời, buổi sáng hè, bầu trời xanh không một áng mây. Còn tôi, nhìn Sarah, cái con bé bảy tuổi, mối tình đầu của tôi. Tôi sẽ không có mối tình nào khác

Tôi đứng lại trước cửa ngôi nhà, phía bên kia phố tôi đặt vali xuống, tôi ngồi lên trên. Tôi trong thấy cô gái mang giỏ đến, rồi lại đi. Tôi vẫn ngồi, tôi không còn sức để đứng lên. Khoảng mười hai giờ, tôi bắt đầu đói, tôi hoa mắt, tôi đau bụng.

Đến chiều, cô y tá đi xe đạp đến. Tôi chạy qua đường với chiếc va ly, tôi nắm cánh tay cô y tá trước khi cô ta bước vào vườn:

- Thừa cô, cô làm ơn. Cháu đợi cô mãi.

- Cháu sao thế? Cháu ốm đấy ư?

- Không ạ, cháu sợ. cháu sợ vào nhà.

- Tại sao cháu lại muốn vào nhà?

- Đây là nhà cháu. Cháu sợ mẹ cháu, đã bảy năm nay cháu chưa gặp lại mẹ cháu.

Tôi ấp úng và run lên. Cô y tá bảo:

- Cháu hãy bình tĩnh lại đi. Chắc cháu là Klaus. Hay là Lucas?

- Cháu là Klaus. Lucas không ở đây. Cháu không biết giờ nó ở đâu, không ai biết cả. vì vậy cháu sợ gặp mẹ cháu, một mình mà không có Lucas.

Cô y tá nói:

- Phải, cô hiểu. cháu đợi có thể là đúng. Mẹ cháu tưởng ra rằng bà ấy giết Lucas.

Chúng ta cùng đi vào. Theo cô.

Cô y tá kéo chuông, mẹ tôi kêu to từ trong bếp:

- Vào đi, cửa mở đấy.

Chúng tôi đi qua hiên nhà, dừng lại trong phòng khách. Cô y tá nói:

- Tôi đưa đến một bát ngọt cho bà đây.

Mẹ tôi xuất hiện ở cửa bếp. bà chùi tay vào tạp dề, nhìn tôi mắt tròn tròn, rồi thì thào:

- Lucas đấy ư con?

Cô y tá nói:

- Không, đó là Klaus. Nhưng chắc chắn Lucas cũng sẽ về.

Mẹ nói:

- Không đâu, Lucas sẽ không về. Tôi đã giết nó. Tôi đã giết con trai bé bỏng của tôi, nó không bao giờ về nữa.

Mẹ ngồi trong ghế bành phòng khách, mẹ run lấy bầy. Cô y tá xắn tay áo của mẹ

lên và tiêm cho mẹ một mũi, mẹ để mặc. Cô y tá nói:

- Lucas không chết. Nó được chuyển đến một trung tâm hồi phục chức năng, tôi đã bảo bà rồi mà.

Tôi nói:

- Phải, một trung tâm ở thành phố S. con đã đi tìm nó. Trung tâm đã bị bom phá hủy, nhưng Lucas không có tên trong danh sách người chết.

Mẹ hỏi nhỏ:

- Klaus, con không nói dối đấy chứ?

- Mẹ, con không nói dối đâu.

Cô y tá nói:

- Có điều chắc chắn là bà đã không giết nó.

Lúc này mẹ đã trở lại bình tĩnh, mẹ nói:

- Chúng ta phải đến đó. Con đã đến đó với ai, Klaus?

- Với một bà của cô nhi viện, bà ấy dẫn con đi. Bà ấy có gia đình gần thành phố S.

Mẹ nói:

- Cô nhi viện ư? Có người bảo mẹ rằng con được giao cho một gia đình. Gia đình này đã chăm sóc con rất tốt. con phải cho mẹ địa chỉ để mẹ cảm ơn họ.

Tôi bắt đầu ấp úng:

- Con không biết địa chỉ của họ. Con chỉ ở đấy ít ngày thôi, bởi vì họ phải đi đầy.

Sau đó con vào cô nhi viện. Con không thiếu thốn gì, mọi người rất tử tế với con.

Cô y tá nói:

- Thôi tôi đi đây. Tôi còn nhiều việc phải làm lắm. Klaus, cháu có tiền chân cô không?

Tôi tiễn cô ra trước nhà. Cô hỏi tôi:

- Klaus, bảy năm đó cháu đã ở đâu?

- Cô đã nghe thấy cháu nói với mẹ đấy thôi.

- Phải, cô có nghe. Chỉ có điều là không đúng sự thật. Cháu nói dối dở lắm, cháu à.

Chúng ta đã đi tìm trong các cô nhi viện, cháu không có ở đâu cả. cháu làm thế nào để tìm thấy nhà? Làm sao cháu biết mẹ cháu đã về?

Tôi im lặng, cô nói:

- Cháu hãy giữ lấy bí mật của cháu. Chắc chắn cháu có lý do để làm điều đó.

Nhưng đừng quên rằng cô đã chăm sóc mẹ cháu nhiều năm rồi. Cô càng biết nhiều về mẹ cháu, cô càng có thể giúp đỡ bà được nhiều hơn. Cháu ở đâu đến đây với chiếc va li, cô có quyền hỏi cháu điều đó.

- Không, cô không có quyền. cháu đang ở đây, có thể thôi. Cô hãy bảo cháu phải làm gì với mẹ cháu bây giờ.

- Hãy làm theo ý cháu. Nếu có thể thì hãy kiên nhẫn. Nếu bà ấy lên cơn, hãy điện thoại cho cô.

- Lên cơn là sao?

- Cháu đừng sợ. Cũng không xấu hơn hôm nay đâu. Bà ấy kêu la, run rẩy, thế thôi.

Đây là số điện thoại của cô. Nếu có gì không ổn, hãy gọi cô.

Mẹ ngủ trong ghế bành phòng khách. Tôi lấy va li, rồi tôi đến ở buồng trẻ con đầu hành lang. Vẫn có hai cái giường, giường người lớn mà cha mẹ tôi mua đứng trước “cái đó”. Tôi vẫn chưa tìm được từ để chỉ cái điều đã xảy ra với chúng tôi. Tôi có thể gọi là thảm kịch, bi kịch, tai họa, nhưng trong đầu tôi, tôi chỉ gọi đơn giản là “cái đó”.

Buồng trẻ con rất sạch, gương cũng sạch. Thấy rõ rằng mẹ đợi chúng tôi. Nhưng, người mẹ đợi hơn cả là em Lucas của tôi.

Chúng tôi yên lặng ngồi ăn trong bếp, đột nhiên mẹ nói:

- Mẹ không ân hận chút nào đã giết cha con. Nếu mẹ biết cái con đàn bà vì nó mà cha con muốn bỏ chúng ta, mẹ cũng sẽ giết cả nó. Nếu mẹ làm Lucas bị thương, đó là lỗi tại mẹ ấy, không phải tại mẹ.

- Mẹ đừng tự dằn vò như vậy, Lucas không chết, nó sẽ về.

- Nó làm sao tìm được nhà?

- Thì như con thôi. Nếu con tìm được nhà thì nó cũng tìm được.

- Con nói đúng. Chỉ cần chúng ta đừng đi khỏi đây. Nó sẽ tìm được chúng ta ở đây.

- Mẹ uống thuốc để ngủ, mẹ đi nằm rất sớm. Nửa đêm tôi đến thăm mẹ trong buồng. Mẹ nằm ngửa ở mép chiếc giường lớn, quay mặt về phía cửa sổ, để một khoảng trống là chỗ của chồng bà.

Tôi ngủ rất ít. Tôi nhìn sao trên trời, và cũng như ở nhà cô Antonia, cứ đến tối tôi lại nghĩ đến gia đình tôi và ngôi nhà của tôi thì giờ đây tôi lại nghĩ đến Sarah và gia

đình, ông bà của nó tại thành phố K.

Khi thức giấc, tôi lại thấy cảnh hồ đào trước cửa sổ. Tôi vào bếp, tôi ôm hôn mẹ.

Mẹ mỉm cười với tôi. Có cà phê và nước chè. Cô gái mang bánh mì đến. Tôi bảo cô rằng cô không phải đến nữa, rằng tôi sẽ tự đi chợ.

Mẹ bảo:

- Không, Veronique, cô cứ tới đi. Klaus còn bé quá không đi chợ được.

Veronique cười:

- Nó không đến nổi bé lắm đâu. Nhưng nó sẽ không tìm được cái cần thiết trong các cửa hàng. Cháu làm việc trong nhà bếp của bệnh viện, ở đây cháu mới tìm được những thứ cháu mang tới đây, hiểu không, Klaus? Ở cô nhi viện các cháu bị hư hỏng vì thức ăn. Ở thành phố cháu không thể tưởng tượng phải làm gì để kiếm được thức ăn đâu. Cháu phải xếp hàng suốt ngày trước các cửa hiệu.

Mẹ và Veronique vui đùa cùng nhau. Hai người cười và ôm nhau. Veronique kể lại chuyện yêu đương của cô, những chuyện ngớ ngẩn: “Thế là anh ấy nói, rồi cháu bảo anh ấy, rồi anh ấy thử ôm hôn cháu.”

Veronique giúp mẹ nhuộm tóc. Cô dùng một loại sản phẩm gọi là henne làm cho tóc mẹ lấy lại được màu sắc tươi trẻ. Veronique chăm sóc khuôn mặt mẹ. Cô làm cho mẹ những cái “mặt nạ”, cô hóa trang cho mẹ bằng những cái bàn chải nhỏ xíu, những ống, bút chì.

Mẹ bảo:

- Mẹ muốn có một bộ mặt dễ coi khi Lucas trở về. Mẹ không muốn nó nhìn thấy mẹ cẩu thả, già nua và xấu xí. Klaus, con có hiểu không?

- Vâng con hiểu, thưa mẹ. Nhưng mẹ cứ để tóc bạc và không son phấn thì mẹ cũng đẹp.

Mẹ tát cho tôi một cái:

- Klaus, về buồng con ngay, hoặc đi chơi đi. Con làm mẹ bức mình đấy.

Bà nói thêm với Veronique:

- Tại sao tôi lại không được một đứa con gái như cháu cơ chứ?

Tôi bỏ đi. Tôi lượn chung quanh nhà cô Anatonina và Sarah, tôi ra cả nghĩa trang để tìm mộ cha tôi. Tôi mới đến đây một lần với Anatonina, nghĩa trang thì rộng.

Tôi về nhà, tôi thử giúp mẹ làm vườn, nhưng mẹ bảo tôi:

- Con hãy đi chơi, lấy xe hầy hay xe ba bánh của con mà chơi.
- Mẹ không thấy đó là trò chơi của trẻ lên bốn sao?
- Thế thì còn những cái đu nữa.
- Con cũng không thích đu.

Tôi vào bếp, lấy dao rồi cắt bốn sợi dây của cái đu.

Mẹ bảo:

- Ít ra con nên để lại một cái ghế chứ, nó sẽ làm Lucas hài lòng. Klaus, con là một đứa bé khó tính, độc ác nữa.

Tôi lên buồng trẻ con. Nằm trên giường tôi làm thơ.

Có khi tối đến, mẹ gọi chúng tôi:

- Lucas, Klaus, lại ăn cơm!

Tôi vào bếp. Mẹ nhìn tôi rồi lại cắt vào tủ cái đĩa thứ ba dành cho Lucas, hoặc có khi mẹ ném vào chậu rửa bát làm cho nó vỡ tan, hoặc mẹ phục vụ Lucas như thể nó ở đây.

Cũng có khi mẹ vào buồng trẻ con lúc nửa đêm. Mẹ vỗ vào gối Lucas rồi nói:

- Ngủ đi con nhé. Mơ những giấc mơ đẹp nhé. Hẹn con đến mai.

Sau đó, mẹ bỏ đi, nhưng cũng có khi mẹ ở lại lâu hơn, quỳ gối bên cạnh giường ngủ và thiếp đi, đầu đặt trên cái gối của Lucas.

Tôi nằm im trên giường, tôi thở hết sức nhẹ nhàng, và sáng hôm sau khi tôi thức giấc, mẹ không còn ở đó nữa. Tôi sờ cái gối của Lucas, nó ướt đầm nước mắt của mẹ.

Tôi làm bất cứ việc gì, mẹ cũng không cho là tốt. Nếu có một hạt đậu rơi từ đĩa của tôi, mẹ bảo:

- Con không bao giờ học được cách làm ăn cho sạch sẽ. Hãy nhìn Lucas mà xem, nó không bao giờ làm bẩn khăn bàn.

Nếu tôi để ra một ngày để làm cỏ trong vườn, và tôi về nhà người đầy bùn, thì mẹ bảo:

- Con tự bôi bẩn như lợn, Lucas mà làm thì sạch hơn con.

Khi mẹ nhận được một ít tiền của Nhà nước, mẹ đi ra Thành phố, mẹ về nhà với những đồ chơi đắt tiền và giấu dưới gầm giường của Lucas. Mẹ bảo tôi:

- Con không được động vào những đồ chơi này phải mới nguyên khi Lucas trở về. Bây giờ tôi biết những thuốc mẹ phải uống. Cô y tá đã giải thích tất cả cho tôi. Bởi vậy, khi mẹ không muốn hoặc mẹ quên không uống thuốc, tôi liền cho vào cà phê, nước chè hoặc cháo của mẹ.

Đến tháng chín, tôi lại đến trường. Đó là trường tôi đã từng theo học trước chiến tranh. Lẽ ra tôi phải tìm được Sarah ở đó. Nó không ở đó.

Tan học tôi đến rung chuông nhà cô Anatonía. Không có ai trả lời. Tôi mở cửa bằng cái chìa khóa của tôi. Không có ai ở nhà. Tôi vào buồng Sarah. Tôi mở các ngăn kéo, các tủ, không có quyển vở nào, không có quần áo.

Tôi rời khỏi nhà, tôi ném chìa khóa nhà trước một con tàu điện chạy qua, tôi về nhà mẹ tôi.

Cuối tháng Chín, tôi gặp cô Anatonía tại nghĩa trang. Cuối cùng tôi đã tìm thấy mộ.

Tôi mang đến một bó hoa cẩm chướng trắng, thứ hoa bố tôi rất yêu thích. Một bó hoa khác đã được đặt trên mộ. Tôi đặt bó hoa của tôi bên cạnh.

Không biết từ đâu ra, cô Anatonía hỏi tôi:

- Cháu đến nhà cô đấy à?

- Vâng. Thừa cô, Sarah đâu?

Nó ở nhà ông bà. Nó chỉ nghĩ đến cháu, lúc nào nó cũng muốn đi tìm cháu. Phải làm cho nó quên cháu đi.

- Cháu cũng vậy, lúc nào cháu cũng nghĩ đến nó. Cháu không thể sống thiếu nó, cháu muốn sống với bất kỳ ở đâu, bất kể khi nào.

Cô Anatonía ôm tôi trong tay:

- Klaus, đừng quên rằng các con là anh em. Các con không thể yêu nhau như các con đã yêu nhau. Đáng lẽ ra cô không nên đón cháu về nhà mới phải.

Tôi nói:

- Anh em thì có gì quan trọng? Không ai biết điều đó. Chúng con có họ khác nhau kia mà.

- Klaus, đừng nói nữa, cháu hãy quên Sarah đi.

Tôi không nói gì, cô Anatonía nói thêm:

- Cô đang đợi một em bé. Cô đã tái giá.

- Cô yêu một người đàn ông khác, cô có một cuộc sống khác, vậy cô còn đến đây làm gì?

- Cô cũng không biết nữa, có lẽ vì cháu. Cháu đã từng được cô nuôi nấng như con suốt bảy năm trời.

- Không, không bao giờ. Cháu chỉ có một mẹ thôi, người hiện nay đang sống cùng với cháu, người mà cô đã làm cho phát điên. Vì cô cháu đã mất cha, mất em và giờ đây cô lại lấy đi cả em gái cháu.

- Klaus, cháu hãy tin cô đi, cô rất ân hận về tất cả những cái đó. Cô không muốn như thế đâu. Cô không ngờ hậu quả lại như thế. Cô đã thực lòng yêu cha cháu.

- Vậy thì cô phải hiểu cháu yêu Sarah như thế nào.

- Đó là một tình yêu không thể chấp nhận.

= Tình yêu của cô thì cũng vậy. Cô chỉ việc ra đi và quên cha cháu trước khi “cái đó” xảy ra. Cháu không muốn gặp cô ở đây nữa, cô Anatonie à. Cháu không muốn gặp cô trước mộ của cha cháu nữa.

- Được, cô sẽ không đến nữa. Nhưng cô sẽ không bao giờ quên cháu, Klaus ạ.

Mẹ có rất ít tiền. Bà nhận được một khoản tiền nhỏ của Nhà nước cho người tàn phế. Tôi là gánh nặng thêm cho mẹ. Tôi phải mau tìm việc làm. Veronique giới thiệu tôi đi phát hành báo.

Tôi dậy từ bốn giờ sáng, tôi đến nhà in, tôi nhận gói báo của tôi, tôi đi khắp các phố đã được phân công cho tôi, tôi đặt báo trước cửa nhà, trong các hòm thư, dưới cửa sắt các cửa hàng.

Khi tôi về nhà, mẹ vẫn chưa dậy. Đến khoảng chín giờ mẹ mới dậy. Tôi pha cà phê và chè, rồi tôi đến trường và ăn trưa ở đây. Năm giờ chiều tôi mới về.

Dần dần, cô y tá thừa đến thăm hơn. Cô bảo rằng mẹ đã khỏi, mẹ chỉ cần uống thuốc an thần và thuốc ngủ.

Veronique cũng ít đến hơn, cô đến chỉ để kể cho mẹ nghe về nỗi thất vọng do cuộc hôn nhân của cô.

Năm mười bốn tuổi, tôi thôi học. Tôi học nghề thợ máy in tại xưởng in của tờ báo mà tôi phát hành từ ba năm nay. Tôi làm từ mười giờ đêm tới tận sáu giờ sáng.

Garpar, thủ trưởng của tôi, chia sẻ với tôi suất ăn đêm của ông. Mẹ không nghĩ đến

việc chuẩn bị cho tôi suất ăn đêm, cũng chẳng nghĩ đến việc đặt mua than cho mùa đông. Mẹ chẳng nghĩ đến gì hết trừ Lucas.

Năm mười bảy tuổi, tôi trở thành thợ máy in. Tôi kiếm được khá tiền so với ngành nghề khác. Mỗi tháng một lần, tôi có thể đưa mẹ tới thẩm mỹ viện để nhuộm tóc, để sửa sang lại bộ mặt và hai bàn tay cho mẹ. Mẹ không muốn Lucas gặp lại mẹ già nua, xấu xí.

Mẹ mắng tôi liên tục vì đã bỏ học:

- Lucas sẽ tiếp tục học. Nó sẽ trở thành thầy thuốc, một thầy thuốc giỏi.

Khi ngôi nhà đột nát của chúng tôi bị nước chảy từ trên mái xuống, mẹ bảo:

- Lucas có thể trở thành kiến trúc sư, một kiến trúc sư giỏi.

Khi tôi khoe với mẹ những bài thơ đầu tiên của tôi, mẹ đọc rồi bảo:

- Lucas có thể trở thành nhà văn, một nhà văn lớn.

Tôi không khoe thơ của tôi nữa, tôi giấu chúng đi.

Tiếng ồn của máy móc giúp cho tôi viết. Nó tạo nhịp điệu cho câu văn của tôi, nó thức tỉnh những hình ảnh trong đầu tôi. Khi tôi đã hoàn thành việc lên trang cho tờ báo, lúc đó đã khuya, tôi sắp chữ và in bài của tôi dưới bút danh “Klaus Lucas” để kỷ niệm em trai tôi đã chết hoặc mất tích.

Những cái chúng tôi in trên báo hoàn toàn mâu thuẫn với thực tế. Chúng tôi in hàng ngày hàng trăm lần câu: “Chúng ta tự do”, nhưng ngoài phố đâu đâu chúng tôi cũng nhìn thấy binh sĩ quân đội nước ngoài, mọi người đến biết có rất nhiều tù chính trị, đi ra nước ngoài bị cấm đoán và ngay trong nước không phải chúng tôi muốn đi đâu cũng được. Tôi biết thế vì có lần tôi muốn gặp Sarah tại thành phố K. Tôi đã đến tận thành phố bên cạnh, tại đây người ta đã bắt tôi và đuổi tôi trở lại thủ đô sau một đêm hỏi cung.

Chúng tôi in hàng trăm lần một ngày câu: “Chúng ta sống sung túc và hạnh phúc”, tôi thì cho rằng điều đó đúng đối với người khác, còn mẹ con tôi thì khốn khổ khốn nạn vì “cái đó”, nhưng Garpar bảo tôi rằng chúng tôi không phải là ngoại lệ, rằng ngay ông ta, vợ và ba con ông cũng đang sống tồi tệ hơn bao giờ hết.

Sáng sớm, khi tôi đi làm về, tôi gặp những người đi làm, tôi chẳng nhìn thấy hạnh phúc đâu cả, sung túc lại càng ít hơn. Khi tôi hỏi tại sao lại in nhiều điều dối trá đến

vậy thì Garpar đáp:

- Cháu nhất thiết đừng hỏi. Hãy làm công việc của cháu và đừng quan tâm đến gì hết.

Một buổi sáng Sarah đến xưởng in. Tôi đi qua trước mặt nó mà không nhận ra. Tôi chỉ quay đầu lại khi nghe gọi tên:

- Klaus!

Chúng tôi nhìn nhau. Tôi mệt mỏi, bần thủ, không cạo râu. Sarah xinh đẹp, tươi tắn, lịch sự. Giờ đây nó đã mười tám tuổi. Nó lên tiếng trước:

- Klaus, anh không hôn em sao?

- Thứ lỗi cho anh, anh cảm thấy không được sạch sẽ lắm.

Nó hôn tôi một cái lên má. Tôi hỏi:

- Làm sao em biết anh làm ở đây?

- Em đã hỏi mẹ anh.

- Em đã đến nhà anh ư?

- Vâng, em đã đến tối qua, ngay sau khi đến đây. Anh đã đi làm rồi.

Tôi lấy khăn tay lau mặt đầy mồ hôi:

- Em có nói với mẹ anh em là ai không?

- Em nói rằng em là bạn thừa nhỏ của anh. Bà ấy hỏi em: “Bạn trong cô nhi viện ư?”. Em bảo: “ Không ạ, bạn học ạ”.

- Thế cô Anatonía có biết em tới đây không?

- Không, em bảo mẹ em là em đến trường xin ghi tên học.

- Lúc sáu giờ sáng ư?

Sarah cười:

- Mẹ em vẫn ngủ. Nhưng đúng là rồi em sẽ đến trường sau nhà. Chúng ta có đủ thời gian uống một tách cà phê ở đâu đó.

- Anh buồn ngủ quá, anh bị mệt. Rồi lại phải chuẩn bị bữa sáng cho mẹ nữa.

- Klaus, anh có vẻ không vui gặp lại em.

- Sao em lại nghĩ thế, Sarah? Ông bà em có khoẻ không?

- Ông bà em khoẻ, nhưng già đi nhiều. Mẹ em muốn đón ông bà về ở nhưng ông bà không muốn rời thành phố nhỏ bé của ông bà. Nếu anh muốn thì chúng ta có thể

gặp nhau thường xuyên.

- Em muốn ghi tên vào khoa nào?

- Em thích học ngành y. Bây giờ em đã trở lại, chúng ta có thể ngày nào cũng gặp nhau, anh ạ.

- Chắc em phải có em trai hoặc em gái. Khi anh gặp mẹ em lần đầu, mẹ em đang mang thai.

- Phải, em có hai em gái và một em trai. Nhưng em muốn nói về hai chúng ta, anh ạ.

Tôi hỏi:

- Chú dưỡng em làm nghề gì mà nuôi được nhiều người thế?

- Chú ấy ở trong ban Lãnh đạo của Đảng. Nhưng sao anh cứ cố tình lảng sang chuyện khác thế?

- Phải, anh cố ý làm thế. Nói chuyện về hai chúng ta không có ý nghĩa gì, không có gì để nói nữa.

Sarah nói rất khế:

- Anh đã quên rằng chúng ta từng yêu nhau đến thế nào sao? Em đã không quên anh, Klaus ạ.

- Anh cũng thế. Nhưng gặp lại nhau cũng chẳng ích gì. Em không hiểu điều đó sao?

- Có, bây giờ thì em hiểu.

Nó vẫy một chiếc taxi chạy qua và đi mất.

Còn tôi, tôi đi bộ đến điểm đỗ xe buýt, tôi đợi mười phút, rồi tôi lên xe như mọi buổi sáng, một chiếc xe buýt hơi hám và đầy ắp.

Khi tôi về đến nhà, mẹ đã dậy trái với lệ thường. Mẹ uống cà phê trong bếp. Mẹ mỉm cười với tôi:

- Cái cô bạn Sarah của con xinh đấy chứ. Cô ấy tên gì? Sarah gì? Họ của cô ấy là gì?

- Mẹ ạ, con không biết. Cô ấy không phải bạn con. Đã nhiều năm con không gặp cô ấy. Cô ấy đi tìm bạn học cũ, có thể thôi.

- Thế thôi ư? Tiếc nhỉ? Đã đến lúc con phải có người yêu rồi đấy. Nhưng con quá

vụng về để khiến lũ con gái thích, phải không? Nhất là con gái gia đình tử tế. Lại còn cái nghề lao động chân tay của con nữa chứ. Với Lucas có thể sẽ khác. Phải, cái cô Sarah này đúng là hợp với Lucas.

- Vâng, chắc chắn thế, mẹ à. Mẹ, thứ lỗi, con buồn ngủ quá chừng.

Tôi đi ngủ, trước khi thiếp đi tôi nói với Lucas trong đầu tôi, như tôi đã từng làm từ bao giờ rồi. Những gì tôi nói với nó cũng gần giống như cái quen thuộc. Tôi bảo nó rằng, nếu nó chết thì may cho tôi và rằng tôi muốn ở vào địa vị nó. Tôi bảo rằng nó đã được phần hơn, chính tôi phải gánh chịu trách nhiệm nặng nề nhất. Tôi bảo nó rằng cuộc sống là hoàn toàn vô ích, là vô nghĩa, là đau khổ triền miên, là phát minh của một Vô – thần mà lòng độc ác vượt quá cả lý trí.

Tôi không còn gặp Sarah nữa. Đôi khi hình như tôi nhận ra nàng ngoài phố, nhưng không bao giờ là nàng.

Một lần, tôi đi ngang qua ngôi nhà cô Antonia ở ngày xưa, nhưng trên mặt những hòm thư không có cái tên nào quen, vả lại tôi cũng không biết tên mới của cô Antonia là gì.

Nhiều năm sau, tôi nhận được một thiệp báo hỉ. Sarah lấy một nhà phẫu thuật, địa chỉ của hai bên gia đình cho thấy họ ở khu phố giàu sang nhất, sang nhất của thành phố có tên là “Đồi hoa hồng”.

Tôi có rất nhiều bạn gái. Các cô gái tôi gặp trong những quán rượu chung quanh xưởng in, những quán này tôi có thói quen ghé vào trước và sau giờ làm. Các cô gái đó là những công nhân hoặc người phục vụ, tôi ít khi gặp họ và không đưa một cô nào về nhà để giới thiệu với mẹ tôi.

Chiều chủ nhật, tôi đến nhà thủ trưởng Garpar thăm ông và gia đình. Chúng tôi vừa chơi bài vừa uống bia. Garpar có ba con. Cô con gái lớn, Esther chơi với chúng tôi, cô trạc tuổi tôi, làm việc trong một xưởng dệt, là thợ dệt từ năm mười ba tuổi. Hai cậu con trai, trẻ hơn một chút, cũng là thợ máy in, đi chơi chiều chủ nhật. Chúng đi xem bóng đá, đi xem phim, dạo phố. Anna, vợ của Garpar, cũng là thợ dệt thì rửa bát, giặt giũ, chuẩn bị cơm tối. Esther có mái tóc vàng, mắt xanh và một khuôn mặt gọi nhớ Sarah. Nhưng không phải là Sarah, không phải là em gái tôi, không phải là cuộc đời tôi.

Garpar bảo tôi:

- Con gái bác mê cháu. Hãy cưới nó. Bác gả nó cho cháu. Chỉ có cháu xứng đáng với nó.

- Thừa bác, cháu không muốn lấy vợ. Cháu còn phải chăm sóc mẹ cháu và đợi Lucas.

- Đợi Lucas ư? Tội nghiệp cháu. Nếu cháu không muốn lấy Esther thì tốt nhất cháu không nên đến nhà bác nữa.

Tôi không trở lại nhà Garpar nữa. Từ đó, thời gian rồi tôi ở nhà một mình với mẹ, trừ những giờ tôi đi bộ lang thang không mục đích trong nghĩa trang hoặc trong thành phố.

Đến năm bốn mươi lăm tuổi, tôi trở thành sếp của một nhà in khác thuộc về nhà xuất bản. Tôi không làm việc đêm nữa, mà làm từ tám giờ sáng đến sáu giờ chiều có hai giờ nghỉ trưa. Hồi này sức khoẻ của tôi đã giảm sút nghiêm trọng. Phổi tôi bị nhiễm chì, máu tôi không được cung cấp đủ oxy nên nhiễm độc.

Cái đó gọi là sự nhiễm độc chì, bệnh của thợ in, thợ máy in. Tôi bị những cơn đau bụng và những cơn nôn. Thầy thuốc bảo tôi phải uống nhiều sữa, phải hít thở không khí càng nhiều càng tốt. Tôi không thích sữa. Tôi còn bị mất ngủ, thế là tôi bị ốm cả về tinh thần và thể chất. Sau ba mươi năm làm việc đêm, tôi không thể quen với việc ngủ ban đêm.

Trong xưởng in mới, chúng tôi in đủ loại bài, thơ ca, văn xuôi, tiểu thuyết. Ông giám đốc nhà xuất bản đến thường xuyên để kiểm tra công việc. Một hôm ông đặt ngay trước mặt tôi những bài thơ của tôi mà ông tìm thấy được trên một cái giá:

- Đây là cái gì vậy? Những bài thơ này của ai? Ai là Klaus Lucas vậy?

Tôi ấp úng, vội vì bình thường tôi không có quyền in những bài thơ của cá nhân tôi:

- Đó là những bài thơ của tôi. Tôi in chúng sau giờ làm.

- Anh muốn nói rằng anh là Klaus Lucas, tác giả những bài thơ đó?

- Vâng, chính là tôi.

- Anh đã viết chúng bao giờ vậy?

- Thừa ông, những năm gần đây. Tôi đã viết nhiều bài khác, trước kia khi tôi còn

trẻ.

- Anh hãy mang đến cho tôi tất cả những gì anh có. Sáng mai anh hãy mang theo tất cả những cái anh đã viết đến phòng tôi.

Sáng hôm sau, tôi mang thơ của tôi đến phòng giám đốc. Phải đến vài trăm trang thơ, có thể là một nghìn trang.

Ông giám đốc nhắc bọc giấy:

- Tất cả đây ư? Anh chưa bao giờ thử cho in sao?

- Thưa ông, tôi hứa bao giờ nghĩ đến. Tôi viết cho tôi, để cho vui, để tạo việc cho tôi.

Ông giám đốc cười:

- Để cho vui ư? Thơ của anh không phải thứ thơ vui nhất. Dù sao thì cũng không phải những thơ tôi đã đọc. Những có lẽ hồi trẻ anh vui hơn chăng?

- Chắc chắn là không, thưa ông.

- Đúng thế, hồi đó chẳng có gì vui được. Nhưng từ sau cách mạng nhiều cái đã thay đổi.

- Đối với tôi thì không, chẳng có gì thay đổi cả. Ít ra thì giờ đây chúng tôi có thể xuất bản thơ của anh.

- Nếu ông nghĩ là được và cho là được thì ông hãy xuất bản chúng. Nhưng tôi xin ông đừng thông báo địa chỉ của tôi, tên thật của tôi.

*

Lucas đã trở về rồi, rồi nó lại ra đi. Tôi đã đuổi nó. Nó đã để lại bản thảo dở dang của nó, tôi đang hoàn thành cho xong.

Người của sứ quán đã không thông báo cho tôi biết rằng nó về. Hai ngày sau cuộc viếng thăm của em tôi, hấn rung chuông nhà tôi lúc chín giờ tối. May sao mẹ tôi đã đi ngủ. Người của sứ quán có tóc xoăn, hấn gầy và xanh. Tôi đưa hấn vào phòng làm việc của tôi. Hấn nói:

- Tôi nói tiếng nước ông không được sõi, ông đừng giận tôi, nếu tôi diễn đạt không được trôi chảy. Em ông, nghĩa là cái người mạo xưng là em tôi, đã tự sát hôm nay rồi.

Ông ấy đã gieo người vào đoàn tàu lúc hai giờ chiều ở nhà ga phía Đông đúng lúc chúng tôi muốn hồi hương ông ta. Ông ấy đã để lại ở sứ quán một lá thư cho ông.

Người đàn ông đưa cho tôi một chiếc phong bì có ghi: “Gửi Klaus T.”

Tôi mở phong bì. Tôi đọc trên tấm thiệp: “Em muốn được chôn bên cạnh cha mẹ chúng ta.” Ký tên: Lucas. Tôi đưa tấm thiệp cho người sứ quán:

- Ông ấy muốn được chôn tại đây.

Người đàn ông xem tấm thiệp rồi hỏi tôi:

- Tại sao ông ấy ký tên Lucas? Có đúng ông ấy là em ông không?

Tôi nói:

- Không, nhưng ông ấy tin như thế đến nỗi tôi không thể từ chối ông ấy.

Người đàn ông nói:

- Là thật. Cách đây hai hôm, sau khi ông ấy đến thăm ông. Chúng tôi hỏi xem ông ấy có tìm được người nào trong gia đình không, ông ấy bảo không.

Tôi nói:

- Đúng đấy. Giữa tôi và ông ấy không có bà con gì.

- Ông vẫn cho phép chôn ông ấy bên cạnh cha mẹ ông chứ?

- Vâng, chôn cạnh cha tôi. Đó là người duy nhất chết trong gia đình tôi.

*

Chúng tôi, người của sứ quán và tôi đi đằng sau xe tang. Tuyết rơi. Tôi mang một bó cẩm chướng trắng và một bó cẩm chướng đỏ. Tôi đã mua của một người trồng hoa. Trong vườn nhà chúng tôi, nga cả mùa hè cũng không có cẩm chướng. Mẹ trồng đủ các loại hoa, trừ cẩm chướng.

Bên cạnh mộ cha tôi, một cái huyệt mới được đào. Người ta hạ quan tài của em tôi xuống, người ta chôn cây thánh giá tên tôi nhưng viết hơi khác.

Ngày nào tôi cũng đến nghĩa trang. Tôi nhìn cây thánh giá trên đó ghi cái tên Claus, và tôi nghĩ rằng tôi nên cho thay bằng một cây thánh giá khác mang tên Lucas. Tôi cũng nghĩ rằng rồi đây cả bốn chúng tôi sẽ lại được sum họp. Một khi mẹ chết đi, tôi không còn lý do gì để tồn tại nữa.

Con tàu, đó lại một ý rất hay.

END.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>